

THẺ LỆ CHI TIẾT**“ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CHỦ THẺ CHÍNH SỞ HỮU THẺ TÍN DỤNG TECHCOMBANK PRIVATE VISA INFINITE”**

- 1. Tên chương trình khuyến mại:** Chương trình “Ưu đãi đặc biệt dành cho khách hàng chủ thẻ chính sở hữu thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite” (sau đây gọi là “Chương trình”).
- 2. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:** Sản phẩm thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite do Techcombank phát hành.
- 3. Thời gian khuyến mại:** Các Khách hàng cá nhân đáp ứng điều kiện của thẻ lệ sẽ được tham gia Chương trình từ ngày 12/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 hoặc cho tới khi Ngân sách khuyến mại hết (tùy sự kiện nào đến trước).
- 4. Phạm vi khuyến mại:** Tất cả chi nhánh/Phòng giao dịch của Techcombank.
- 5. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại:** Dịch vụ hỗ trợ làm thủ tục, nhập cảnh tại sân bay; Dịch vụ phòng chờ sân bay hạng Thương gia; Dịch vụ nâng hạng vé máy bay hạng Thương gia.
- 6. Hình thức khuyến mại:** Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền có kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. .
- 7. Đối tượng được hưởng khuyến mại:**

Khách hàng là cá nhân của Techcombank đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

 - Trong thời gian khuyến mại, Khách hàng đang là chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite.
- 8. Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại:**
 - 8.1. Nội dung chương trình khuyến mại:**

Các dịch vụ dùng để khuyến mại dưới đây chỉ áp dụng cho chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite.

 - 8.1.1 Dịch vụ hỗ trợ làm thủ tục, nhập cảnh nhanh tại sân bay (Fast track)**
 - Mỗi chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite được tặng miễn phí 8 lượt sử dụng dịch vụ Fast track mỗi năm trên phạm vi toàn cầu; trong đó tối đa không quá 4 lượt phạm vi ngoài Châu Á. Mỗi lượt sử dụng dịch vụ được áp dụng cho 1 người duy nhất. (Đơn vị “năm” được tính theo kỳ thu phí thường niên định kỳ của chủ thẻ).

- Chủ thẻ chính có quyền đặt dịch vụ dùng để khuyến mại theo Thẻ lệ này cho bản thân và tối đa 01 người đi cùng. Trong trường hợp đặt dịch vụ cho người đi cùng thì số lượt sử dụng dịch vụ dùng để khuyến mại sẽ được giảm tương ứng với số lượng người đặt.
- Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.
- Danh sách các sân bay áp dụng và quy định chi tiết về điều kiện điều khoản sử dụng dịch vụ được Techcombank công bố trong từng thời kỳ trên website chính thức của Ngân hàng.
- Mô tả chi tiết về việc sử dụng dịch vụ dùng để khuyến mại được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thẻ lệ này.
- Hướng dẫn sử dụng dịch vụ dùng để khuyến mại cho khách hàng theo Phụ lục 02 đính kèm Thẻ lệ này.

8.1.2 Dịch vụ phòng chờ sân bay hạng Thương gia

- Chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite được tặng miễn phí không giới hạn số lượt vào đối với hệ thống hơn 1000 phòng chờ hạng thương gia trên phạm vi toàn cầu.
- Mỗi chủ thẻ chính được đi kèm tối đa 01 người khi sử dụng dịch vụ phòng chờ.
- Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.
- Danh sách các sân bay áp dụng và quy định chi tiết về điều kiện điều khoản sử dụng dịch vụ được Techcombank công bố trong từng thời kỳ trên website chính thức của Ngân hàng.
- Mô tả chi tiết về dịch vụ được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thẻ lệ này.
- Hướng dẫn sử dụng dịch vụ cho khách hàng theo Phụ lục 02 đính kèm Thẻ lệ này.

8.1.3 Dịch vụ nâng hạng vé máy bay hạng Thương gia

- 8.1.3.1. Chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite khi có chi tiêu đạt ngưỡng chi tiêu sẽ được miễn phí nâng hạng vé từ hạng phổ thông lên hạng Thương gia của hệ thống các hãng hàng không trên toàn thế giới. Theo đó, mốc chi tiêu được nhận đặc quyền được quy định như sau:

| Mốc chi tiêu | Số lượt nâng hạng |
|---------------------|--------------------------|
| 2 tỷ/năm | 1 lượt/năm |

5 tỷ/năm

Tặng thêm 1 lượt/năm

Đơn vị “năm” được tính theo kỳ thu phí thường niên định kỳ của chủ thẻ.

- 8.1.3.2. Mỗi chủ thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite đủ điều kiện sẽ được hưởng tối đa 2 (hai) lần nâng hạng miễn phí vé máy bay lên hạng thương gia 1 năm cho vé của chủ thẻ và một khách đi cùng trên chuyến bay đối với bất kỳ chặng bay nào trên toàn cầu. Trong mọi trường hợp, người sử dụng dịch vụ phải bao gồm tối thiểu chủ thẻ chính. Lượt nâng hạng vé cho khách đi cùng chủ thẻ chính sẽ được tính là 01 (một) lần sử dụng dịch vụ dùng để ưu đãi của Chủ thẻ.
- 8.1.3.3. Các giao dịch hợp lệ của chủ thẻ phụ được tính cho chủ thẻ chính.
- 8.1.3.4. Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.
- 8.1.3.5. Nâng hạng vé máy bay chỉ áp dụng đối với vé máy bay hạng phổ thông tiêu chuẩn nâng hạng lên thương gia, không áp dụng với các hạng vé thấp hơn phổ thông tiêu chuẩn
- 8.1.3.6. Chỉ áp dụng hình thức thanh toán vé máy bay phổ thông tiêu chuẩn (Economy) bằng thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite khi gọi đặt dịch vụ qua hotline concierge hoặc email concierge bằng giao dịch MOTO (khách hàng không cung cấp CVV/OTP).
- 8.1.3.7. Danh sách các hãng hàng không, điểm đến áp dụng và quy định chi tiết về điều kiện điều khoản sử dụng dịch vụ được Techcombank công bố trong từng thời kỳ trên website chính thức của Ngân hàng
- 8.1.3.8. Mô tả chi tiết về dịch vụ được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thẻ lệ này.
- 8.1.3.9. Hướng dẫn đăng ký dịch vụ theo Phụ lục 02 đính kèm Thẻ lệ này.
- 8.1.3.10. *Giao dịch hợp lệ:*
- i. Giao dịch sử dụng Thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite để thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua các thiết bị chấp nhận thẻ, hoặc các phương thức điện tử (Internet, Mail/Phone Order...) tại các đơn vị chấp nhận thẻ, được ghi nhận là giao dịch thành công trên hệ thống thẻ của Techcombank và/hoặc của Tổ chức thẻ Visa và được cập nhật chính thức trên sao kê Thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite của khách hàng.
 - ii. *Giao dịch không hợp lệ:*
 - a. Giao dịch rút/ứng tiền mặt tại ATM/POS; giao dịch thu phí và lãi; giao dịch hủy/ hoàn trả tự động (void/reversal) do: (i) lỗi hệ thống, hoặc (ii) Khách hàng, hoặc (iii) bên thứ 3 hủy giao dịch; giao dịch được phép khác

không bao gồm giao dịch được quy định tại điểm 8.1.4.1 nêu trên.

- b. Giao dịch mà Ngân hàng nghi ngờ dấu hiệu trục lợi, sử dụng thẻ sai mục đích, vi phạm điều kiện điều khoản sử dụng thẻ tín dụng, chính sách quản lý rủi ro liên quan tới sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:
- Khách hàng thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán không phát sinh từ việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ (giao dịch không tại Đơn vị chấp nhận thẻ...);
 - Khách hàng thực hiện các giao dịch có tính chất đại lý, giao dịch trục lợi
 - Các giao dịch thanh toán cho các chi phí cho hoạt động kinh doanh - không mang tính chất tiêu dùng cá nhân;
 - Các giao dịch thanh toán tại một số điểm chấp nhận thẻ (POS/mPOS) thuộc danh mục mà Techcombank đánh giá rằng có dấu hiệu trục lợi, gian lận dựa trên những bất thường về hành vi, tần suất, giá trị giao dịch chi tiêu của khách hàng trong từng thời kỳ.
 - Các giao dịch tại những đơn vị chấp nhận thẻ có mã hạng mục hàng hóa dịch vụ (MCC) sau: MCC 7995 (Cờ bạc, Cá độ), MCC 6211 (chứng khoán, đầu tư tài chính), MCC 4829, 6051 (dịch vụ chuyển tiền), MCC 6011 (rút tiền mặt).
 - Các trường hợp khác theo chính sách của Techcombank trong từng thời kỳ.

8.1.3.11. Các giao dịch hợp lệ của chủ thẻ phụ được tính cho chủ thẻ chính.

8.1.3.12. Trong trường hợp Techcombank nghi ngờ dấu hiệu trục lợi, sử dụng thẻ sai mục đích, mua bán không... Techcombank có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch để chứng minh giao dịch của chủ thẻ là mua bán hàng hóa dịch vụ theo đúng quy định của Pháp luật và quy định về tặng thưởng khách hàng theo quy định tại mục 8 của thẻ lệ này. Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn hợp lệ cho Techcombank trong vòng 05 ngày làm việc tại địa điểm giao dịch của Techcombank kể từ liên sau ngày Techcombank thông báo. Trường hợp Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn sau thời gian yêu cầu, Techcombank có quyền từ chối cung cấp đặc quyền nâng hạng vé máy bay theo quy định tại văn bản này

8.1.3.13. Techcombank có quyền từ chối ghi nhận tích lũy giao dịch đối với các giao dịch không hợp lệ được quy định tại mục 8.1.3.10.ii của thể lệ này hoặc đối với trường hợp Chủ thẻ không bổ sung chứng từ đúng thời gian quy định của Techcombank được quy định tại mục 8.1.3.12 của thể lệ này.

8.1.3.14. Khách hàng sẽ được sử dụng dịch vụ nâng hạng vé máy bay kể từ thời điểm khách hàng nhận được email xác nhận đủ điều kiện từ ngân hàng.

9. Tổng giá trị quà tặng: 18,393,218,900 VND (Mười tám tỷ ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm đồng./.)

10. Quy định về đầu mối giải đáp thắc mắc liên quan đến chương trình khuyến mại:

Mọi thắc mắc liên quan đến chương trình khuyến mại, khách hàng liên hệ theo địa chỉ sau để được hướng dẫn và giải đáp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).

Địa chỉ: Số 6 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Dịch vụ khách hàng 24/7: 1800 588 823 (miễn cước) hoặc:

Email: call_center@techcombank.com.vn hoặc card-pos@techcombank.com.vn

Thời hạn để Techcombank tiếp nhận và giải quyết thắc mắc, khiếu nại của Khách hàng về kết quả của chương trình khuyến mại muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình. Mọi thắc mắc, khiếu nại sau thời gian nêu trên sẽ không được giải quyết.

13. Các quy định khác:

13.1. Khách hàng được nhận khoản khuyến mại theo Thẻ lệ này có thể phải nộp thuế thu nhập không thường xuyên, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp phải nộp thuế thu nhập không thường xuyên, Khách hàng chấp thuận việc Techcombank sẽ khấu trừ khoản thuế thu nhập không thường xuyên, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật trên trị giá khoản khuyến mại mà khách hàng đã nhận và thay mặt khách hàng nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

13.2. Techcombank có toàn quyền từ chối trao khoản khuyến mại cho bất kỳ khách hàng nào mà cung cấp thông tin không hợp lệ, không rõ ràng, không đầy đủ hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Thẻ lệ chương trình.

13.3. Khách hàng đồng ý tham gia chương trình này đồng nghĩa với việc khách hàng đồng ý cho Techcombank sử dụng tên và hình ảnh của khách hàng được nhận ưu đãi cho mục đích quảng cáo thương mại.

- 13.4. Techcombank, những công ty liên kết của Techcombank, giám đốc, nhân viên và người đại diện tương ứng của Techcombank và những công ty liên kết này sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát, thiệt hại nào (không chỉ bao gồm những tổn thất hoặc những tổn thất có nguyên nhân khác) hoặc bất kỳ tai nạn cá nhân nào xảy ra từ việc tham gia vào Chương trình hoặc do việc tiếp nhận hoặc sử dụng quà tặng, ngoại trừ những trách nhiệm được luật pháp quy định.
- 13.5. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến chương trình khuyến mại này, Techcombank có trách nhiệm trực tiếp giải quyết, nếu không thỏa thuận được tranh chấp sẽ được thì các bên được quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ban hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

PHỤ LỤC 01 – MÔ TẢ CHI TIẾT DỊCH VỤ DÙNG ĐỂ KHUYẾN MẠI THEO THẺ LỆ

1. Dịch vụ đón tiễn sân bay/làm thủ tục nhanh

1.1.Mô tả dịch vụ đón tiễn sân bay/làm thủ tục nhanh

Dịch vụ đón tiễn sân bay/ làm thủ tục nhanh có nhân viên phục vụ riêng để hỗ trợ khách hàng về vận chuyển hành lý, làm thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh.

1.2. Quy định dịch vụ đón tiễn sân bay/làm thủ tục nhanh

- 1.2.1. Chủ thẻ chính Visa Infinite của TCB được sử dụng tối đa 8 lượt dịch vụ mỗi năm Làm thủ tục nhanh/Đón tiễn sân bay toàn cầu tại tất cả các sân bay của 17 quốc gia châu Á (“Nhóm 1”) và 22 quốc gia toàn cầu ngoài Châu Á (“Nhóm 2”) nhưng không vượt quá 4 lượt đối với Nhóm 2 trong 1 năm. Mỗi lượt sử dụng dịch vụ áp dụng cho 1 người duy nhất. Danh sách sân bay và quốc gia chi tiết tại phụ lục 03 và phụ lục 04 đính kèm Thẻ lệ này.
- 1.2.2. Chủ thẻ chính có quyền sử dụng đặc quyền này để đặt dịch vụ cho bản thân và tối đa 01 người đi cùng. Trong trường hợp đặt dịch vụ cho người đi cùng thì số lượt sử dụng dịch vụ sẽ được giảm tương ứng với số lượng người đặt. Đồng thời, trong mọi trường hợp người sử dụng dịch vụ tối thiểu bao gồm chủ thẻ chính.
- 1.2.3. Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.
- 1.2.4. Chủ thẻ phải đặt dịch vụ qua hotline concierge tối thiểu 72 giờ trước giờ bay/đến/quá cảnh.
- 1.2.5. Khách hàng có thể đặt dịch vụ thông qua PCRM/PRM/EPRM của Techcombank hoặc qua hotline concierge 24/7. Lưu ý: PCRM/PRM/EPRM được phép lưu giữ tin nhắn, email từ khách hàng nhằm lưu giữ bằng chứng khách hàng nhờ PCRM/PRM/EPRM đặt dịch vụ. Tất cả thông tin khách hàng được thu thập, lưu trữ và bảo mật theo quy định chính sách của Techcombank trong từng thời kỳ.
- 1.2.6. Việc chấp nhận/thay đổi lượt đặt chỗ phụ thuộc vào quyết định của các đối tác cung cấp dịch vụ.
- 1.2.7. Các trường hợp chủ thẻ tiến hành đặt dịch vụ trực tiếp với các đơn vị cung cấp dịch vụ khác và yêu cầu Techcombank xác nhận thanh toán sẽ được xem là không hợp lệ.
- 1.2.8. Việc hủy hoặc sửa đổi dịch vụ đặt được thực hiện trong vòng 24 giờ đối với dịch vụ thực hiện tại Việt Nam và 48 giờ đối với dịch vụ thực hiện tại nước ngoài tính từ thời điểm đặt đã được hotline concierge xác nhận hoặc vắng mặt sẽ được tính là một lần đặt chỗ.

2. Dịch vụ phòng chờ sân bay toàn cầu

2.1 Mô tả dịch vụ phòng chờ sân bay toàn cầu

Phòng chờ hạng thương gia là những phòng chờ với dịch vụ đặc biệt dành cho khách hàng cao cấp, mang tới nhiều ưu đãi và những trải nghiệm riêng biệt. Khách hàng có thể tận hưởng những tiện nghi như:

- Buffet tự chọn
- Free wifi
- Máy tính & Tiện ích văn phòng
- Tủ để đồ
- Ghế massage
- Máy đánh giày
- Điện thoại
- Báo, tạp chí
- Tivi
- Khu thư giãn
- Phòng tắm
- Khu thú cưng

Lưu ý: tùy từng phòng chờ mà tiện ích sử dụng có thể sẽ khác nhau

Quy định dịch vụ phòng chờ sân bay toàn cầu

- 2.2.1. Chủ thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite được sử dụng không giới hạn số lần cho phòng chờ sân bay toàn cầu cho chủ thẻ và một khách đi cùng. Trong mọi trường hợp, người sử dụng dịch vụ phải bao gồm tối thiểu chủ thẻ chính
- 2.2.2. Chủ thẻ phải đặt dịch vụ qua hotline concierge hỗ trợ hỗ trợ tối thiểu 1 tiếng trước giờ mong muốn vào phòng chờ.
- 2.2.3. Khách hàng có thể đặt dịch vụ thông qua PCRM/PRM/EPRM của Techcombank hoặc qua hotline concierge 24/7. Lưu ý: PCRM/PRM/EPRM được phép lưu giữ tin nhắn, email đăng ký từ khách hàng nhằm lưu giữ bằng chứng khách hàng nhờ PCRM đặt dịch vụ. Tất cả thông tin khách hàng được thu thập, lưu trữ và bảo mật theo quy định chính sách của Techcombank trong từng thời kỳ.
- 2.2.4. Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.

- 2.2.5. Sau khi đăng ký dịch vụ thành công, chủ thẻ sẽ nhận được một e-Certificate từ đối tác của Techcombank xác nhận dịch vụ với thời hạn sử dụng cụ thể như sau:
- 30 ngày đối với phòng chờ nội địa
 - 90 ngày đối với phòng chờ quốc tế
- 2.2.6. 1 lần khách hàng đặt thành công dịch vụ phòng chờ được tính là 1 lượt sử dụng đặc quyền.
- 2.2.7. Danh sách phòng chờ sân bay được cập nhật trên website của Techcombank.
- 2.2.8. Các trường hợp chủ thẻ tiến hành đặt dịch vụ trực tiếp với các đơn vị cung cấp dịch vụ khác và yêu cầu Techcombank xác nhận thanh toán sẽ được xem là không hợp lệ.

3. Dịch vụ nâng hạng vé máy bay lên hạng Thương gia

3.1. Mô tả dịch vụ nâng hạng vé máy bay lên hạng Thương gia: Dịch vụ hỗ trợ nâng hạng vé máy bay từ hạng phổ thông tiêu chuẩn sang hạng thương gia đối với Khách hàng là chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite.

3.2. Quy định về sử dụng dịch vụ nâng hạng vé máy bay lên hạng thương gia

- 3.2.1. Mỗi chủ thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite đủ điều kiện quy định tại mục 3.2.2 bên dưới sẽ được hưởng tối đa 2 (hai) lần nâng hạng miễn phí vé máy bay lên hạng thương gia 1 năm cho vé của chủ thẻ và một khách đi cùng trên chuyến bay đối với bất kỳ chặng bay nào trên toàn cầu. Trong mọi trường hợp, người sử dụng dịch vụ phải bao gồm tối thiểu chủ thẻ chính. Lượt nâng hạng vé cho khách đi cùng chủ thẻ chính sẽ được tính là 01 (một) lần sử dụng đặc quyền của Chủ thẻ.
- 3.2.2. Chủ thẻ chính thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite khi có tổng chi tiêu tích lũy đạt ngưỡng sẽ được miễn phí nâng hạng vé từ hạng phổ thông tiêu chuẩn lên hạng Thương gia của hệ thống các hãng hàng không trên toàn thế giới. Theo đó, mốc chi tiêu được nhận đặc quyền được quy định như sau:

| Mốc chi tiêu | Số lượt nâng hạng |
|---------------------|--------------------------|
| 2 tỷ/năm | 1 lượt/năm |
| 5 tỷ/năm | Tặng thêm 1 lượt/năm |

- Đơn vị “năm” được tính theo kỳ thu phí thường niên định kỳ của chủ thẻ.
- Chủ thẻ có tổng giá trị tích lũy đạt mốc chi tiêu trong 12 tháng tính theo năm của phí thường niên đạt ngưỡng theo quy định trên sẽ được tặng tương ứng số lượt nâng hạng vé máy bay.

- Quy định về giao dịch chi tiêu được tích lũy theo mục 3.3 bên dưới.
- 3.2.3. Mỗi chủ thẻ chính Tecombank Visa Infinite đủ điều kiện sẽ được hưởng tối đa 2 (hai) lần nâng hạng vé máy bay lên hạng thương gia 1 năm cho vé của chủ thẻ và một khách đi cùng trên chuyến bay đối với bất kỳ chặng bay nào trên toàn cầu. Trong mọi trường hợp, người sử dụng dịch vụ phải bao gồm tối thiểu chủ thẻ chính.
- 3.2.4. Khách hàng hủy thẻ chính sẽ không được tham gia chương trình.
- 3.2.5. Nâng hạng vé máy bay chỉ áp dụng đối với vé máy bay hạng phổ thông tiêu chuẩn nâng hạng lên thương gia, không áp dụng với các hạng vé thấp hơn phổ thông tiêu chuẩn
- 3.2.6. Chủ thẻ sẽ đặt dịch vụ nâng hạng vé máy bay trực tiếp thông qua đường dây hotline concierge 24/7 hoặc qua hòm email concierge 24/7 và phải thực hiện tối thiểu 48 giờ trước thời gian lên máy bay.
- 3.2.7. Chủ thẻ thực hiện thanh toán chi phí mua vé máy bay hạng phổ thông tiêu chuẩn (Economy) bằng thẻ Techcombank Private Visa Infinite qua tổng đài hotline concierge 24/7 hoặc qua email concierge thì mới được nâng hạng vé máy bay.
- 3.2.8. Khách hàng có thể đặt dịch vụ thông qua PCRM/PRM/EPRM của Techcombank hoặc qua hotline concierge 24/7 / hòm email concierge 24/7 Lưu ý: PCRM/PRM/EPRM được phép lưu giữ tin nhắn, email đăng ký từ khách hàng nhằm lưu giữ bằng chứng khách hàng nhờ PCRM/PRM đặt dịch vụ. Tất cả thông tin khách hàng được thu thập, lưu trữ và bảo mật theo chính sách, quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.
- 3.2.9. Việc chấp nhận yêu cầu nâng hạng vé máy bay lên hạng thương gia phụ thuộc vào sự sẵn có của vé hạng thương gia tại thời điểm yêu cầu dịch vụ.
- 3.2.10. Các trường hợp chủ thẻ tiến hành nâng hạng vé trực tiếp với các đơn vị cung cấp dịch vụ khác và yêu cầu Techcombank xác nhận thanh toán cho nâng hạng này sẽ được xem là không hợp lệ.
- 3.2.11. Chủ thẻ hủy vé hoặc không lên máy bay sau khi xác nhận nâng hạng vé thành công sẽ được tính là một lần sử dụng đặc quyền
- 3.2.12. Việc sửa đổi vé máy bay sau khi đã được xác nhận nâng hạng sẽ phụ thuộc vào quyết định của các đơn vị cung cấp dịch vụ và phí sửa đổi nếu áp dụng

3.3. Quy định về giao dịch:

3.3.1. Giao dịch hợp lệ:

Giao dịch sử dụng Thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite để thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua các thiết bị chấp nhận thẻ, hoặc các phương thức điện tử (Internet, Mail/Phone Order...) tại các đơn vị chấp nhận thẻ, được ghi nhận là giao dịch thành công trên hệ thống thẻ của Techcombank và/hoặc của Tổ chức thẻ Visa và được cập nhật chính thức trên sao kê Thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite của khách hàng.

3.3.2. *Giao dịch không hợp lệ:*

- a. Giao dịch rút/ứng tiền mặt tại ATM/POS; giao dịch thu phí và lãi; giao dịch hủy/ hoàn trả tự động (void/reversal) do: (i) lỗi hệ thống, hoặc (ii) Khách hàng, hoặc (iii) bên thứ 3 hủy giao dịch; giao dịch được phép khác không bao gồm giao dịch được quy định tại điểm 3.3.1 nêu trên.
- b. Giao dịch mà Ngân hàng nghi ngờ dấu hiệu trục lợi, sử dụng thẻ sai mục đích, vi phạm điều kiện điều khoản sử dụng thẻ tín dụng, chính sách quản lý rủi ro liên quan tới sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn trong những trường hợp sau:
 - Khách hàng thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán không phát sinh từ việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ (giao dịch không tại Đơn vị chấp nhận thẻ...);
 - Khách hàng thực hiện các giao dịch có tính chất đại lý, giao dịch trục lợi
 - Các giao dịch thanh toán cho các chi phí cho hoạt động kinh doanh
 - không mang tính chất tiêu dùng cá nhân;
 - Các giao dịch thanh toán tại một số điểm chấp nhận thẻ (POS/mPOS) thuộc danh mục mà Techcombank đánh giá rằng có dấu hiệu trục lợi, gian lận dựa trên những bất thường về hành vi, tần suất, giá trị giao dịch chi tiêu của khách hàng trong từng thời kỳ.
 - Các giao dịch tại những đơn vị chấp nhận thẻ có mã hạng mục hàng hóa dịch vụ (MCC) sau: MCC 7995 (Cờ bạc, Cá độ), MCC 6211 (chứng khoán, đầu tư tài chính), MCC 4829, 6051 (dịch vụ chuyển tiền), MCC 6011 (rút tiền mặt)
 - Các trường hợp khác theo chính sách của Techcombank trong từng thời kỳ.

3.3.3. Các giao dịch hợp lệ của chủ thẻ phụ được tính cho chủ thẻ chính.

- 3.3.4. Trong trường hợp Techcombank nghi ngờ dấu hiệu trục lợi, sử dụng thẻ sai mục đích, mua bán không...Techcombank có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch để chứng minh giao dịch của chủ thẻ là mua bán hàng hóa dịch vụ theo đúng quy định của Pháp luật và quy định về tặng thưởng khách hàng theo quy định tại mục 3 Phụ lục 01 này. Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn hợp lệ cho Techcombank trong vòng 05 ngày làm việc tại địa điểm giao dịch của Techcombank kể từ liền sau ngày Techcombank thông báo. Trường hợp Chủ thẻ bổ sung chứng từ/hóa đơn sau thời gian yêu cầu, Techcombank có quyền từ chối cung cấp đặc quyền nâng hạng vé máy bay theo quy định tại văn bản này
- 3.3.5. Techcombank có quyền từ chối ghi nhận tích lũy giao dịch đối với các giao dịch không hợp lệ được quy định tại điểm 3.3.2 Phụ lục 01 hoặc đối với trường hợp Chủ thẻ không bổ sung chứng từ đúng thời gian quy định của Techcombank được quy định tại điểm 3.3.4 Phụ lục 01 này.
- 3.3.6. Khách hàng sẽ được sử dụng dịch vụ nâng hạng vé máy bay kể từ thời điểm khách hàng nhận được email xác nhận đủ điều kiện từ ngân hàng.

PHỤ LỤC 02 - HƯỚNG DẪN CÁC BƯỚC ĐẶT DỊCH VỤ ĐẶC QUYỀN DÀNH CHO CHỦ THẺ TÍN DỤNG TECHCOMBANK PRIVATE VISA INFINITE

1. Định nghĩa

- 1.1. Aspire Lifestyle (gọi tắt là Aspire): tập đoàn toàn cầu cung cấp giải pháp, dịch vụ cho khách hàng cao cấp - là đối tác cung cấp giải pháp cho đặc quyền dành cho chủ thẻ Techcombank Private Visa Infinite và triển khai đặc quyền theo yêu cầu của Techcombank.
- 1.2. Hotline concierge 24/7: Tổng đài hỗ trợ tiện ích cá nhân cao cấp dành cho Techcombank Private tại Aspire Lifestyle theo số hotline: 028-38240522
- 1.3. Hòm email concierge 24/7: Hòm email hỗ trợ tiện ích cá nhân cao cấp dành cho Techcombank Private tại Aspire Lifestyle theo địa chỉ email: techcombankprivate@aspirelifestyles.com
- 1.4. PCRM: Quản lý quan hệ khách hàng Private.
- 1.5. EPRM: Chuyên gia quản lý quan hệ khách hàng Private.
- 1.6. PRM: Chuyên viên quản lý khách hàng ưu tiên chịu trách nhiệm quản lý và phục vụ Khách hàng Private.
- 1.7. Giao dịch MOTO (mail order telephone order): là giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của chủ thẻ qua điện thoại hoặc mail.

2. Các bước chủ thẻ cần thực hiện để đặt dịch vụ

Bước 1: Chủ thẻ Infinite/PCRM/PRM/EPRM liên hệ với Hotline concierge hoạt động 24/7 hoặc chủ thẻ Infinite gửi email đến Hòm email concierge 24/7 để đặt dịch vụ:

- Dịch vụ đón tiễn sân bay: tối thiểu 72 giờ trước giờ bay/đến/quá cảnh.
- Dịch vụ phòng chờ sân bay: tối thiểu 1 tiếng trước giờ mong muốn vào phòng chờ
- Dịch vụ nâng hạng vé máy bay: tối thiểu 48 giờ trước giờ lên máy bay

(Lưu ý: Nếu khách hàng chủ động gọi Hotline concierge hoạt động 24/7 lần đầu tiên bằng đúng số điện thoại đăng ký thẻ Techcombank Visa Infinite. Sau khi định danh đúng thông tin Khách hàng, tổng đài Hotline concierge sẽ ghi nhận thông tin này và không xác thực lại thông tin cá nhân của Khách hàng).

Bước 2: Chủ thẻ/PCRM/PRM/EPRM cung cấp các thông tin theo hướng dẫn của tư vấn viên:

- Khách hàng cung cấp thông tin sau: Họ & Tên, 4 số cuối thẻ chính thẻ tín dụng TCB Visa Infinite, 4 số cuối số điện thoại di động chủ thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite.

- Các thông tin khác cần cung cấp, cụ thể như sau:

2.1. Dịch vụ đón tiễn sân bay:

- Loại dịch vụ (đi/đến/nổi chuyển)
- Sân bay (terminal)
- Thời gian sử dụng dịch vụ đón tiễn sân bay
- Hãng bay/Số hiệu chuyến bay
- Số lượng khách (người lớn/trẻ em)
- Họ & Tên khách hàng trên hộ chiếu
- Số hộ chiếu & Quốc tịch
- Ngày tháng năm sinh
- Số điện thoại trong nước đăng ký dịch vụ có roaming của khách hàng (trùng với số điện thoại đăng ký thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite)
- Số điện thoại ngoài nước (nếu có)
- Email của khách hàng
- Ghi chú (nếu có)

2.2. Dịch vụ phòng chờ sân bay:

- Phòng chờ sân bay
- Sân bay sử dụng phòng chờ/ Quốc gia sử dụng phòng chờ
- Ngày, giờ sử dụng dịch vụ
- Số lượng người sử dụng
- Số điện thoại trong nước có roaming của khách hàng hoặc Số điện thoại ngoài nước (nếu có)
- Email của khách hàng

2.3. Dịch vụ nâng hạng vé máy bay: hỗ trợ khách hàng đặt vé hạng phổ thông Economy và nâng hạng lên thương gia Business:

- Quốc gia/Thành phố nơi đi – đến
- Loại vé 1 chiều/khứ hồi
- Ngày đi và Ngày về
- Giờ bay mong muốn (khung giờ sáng/chiều/tối)
- Hãng hàng không
- Tuổi của các hành khách
- Số điện thoại trong nước đăng ký dịch vụ có roaming của khách hàng (trùng với số điện thoại đăng ký thẻ chính Techcombank Private Visa Infinite)
- Số điện thoại ngoài nước (nếu có)

- Yêu cầu về hành lý: có bao gồm kí gửi hay không?
- Chỗ ngồi mong muốn (nếu có)
- Họ tên đầy đủ như trên hộ chiếu/CCCD
- Quốc tịch
- Số thẻ thành viên (nếu có)

Chỉ áp dụng hình thức thanh toán vé máy bay phổ thông tiêu chuẩn Economy bằng thẻ tín dụng Techcombank Private Visa Infinite khi gọi đặt dịch vụ qua hotline concierge hoặc email concierge bằng giao dịch MOTO (lưu ý không cung cấp CVV/OTP của thẻ)

Bước 3: Chủ thẻ nhận email xác nhận dịch vụ được đăng ký thành công và hướng dẫn sử dụng dịch vụ.

Bước 4: Chủ thẻ tận hưởng dịch vụ.

**PHỤ LỤC 03 - DANH SÁCH SÂN BAY VÀ QUỐC GIA THUỘC NHÓM 1 ÁP DỤNG
CHO DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC NHANH/ĐÓN TIỀN SÂN BAY TOÀN CẦU**

| No. | Country/Quốc gia | Airport/Sân bay | Service/Dịch vụ |
|-----|------------------|-----------------------|----------------------------|
| 1 | Bangladesh | Chittagong | Meet and Assist |
| | | Dhaka | Meet and Assist |
| | | Sylhet Osmani Airport | Meet and Assist |
| 2 | Cambodia | Phnom Penh | Fast track/Meet and Assist |
| | | Preah Sihanouk | Fast track/Meet and Assist |
| | | Siem Reap | Fast track/Meet and Assist |
| 3 | Hong Kong | Hong Kong | Meet and Assist |
| 4 | India | Ahmedabad | Meet and Assist |
| | | Bangalore | Meet and Assist |
| | | Calcutta | Meet and Assist |
| | | Chennai | Meet and Assist |
| | | Cochin | Meet and Assist |
| | | Hyderabad | Meet and Assist |
| | | Jaipur | Meet and Assist |
| | | Mumbai | Meet and Assist |
| | | New Delhi | Meet and Assist |
| | | Bangalore | Meet and Assist |
| 5 | Indonesia | Bali (Denpasar) | Fast track/Meet and Assist |
| | | Bandar Udara | Fast track/Meet and Assist |
| | | Jakarta | Fast track/Meet and Assist |
| | | Juanda | Fast track/Meet and Assist |
| | | Sepingan | Fast track/Meet and Assist |
| 6 | Japan | Chitose | Meet and Assist |
| | | Haneda | Meet and Assist |
| | | Itami | Meet and Assist |
| | | Nagoya | Meet and Assist |
| | | Osaka – Kansai | Meet and Assist |
| | | Tokyo (Narita) | Meet and Assist |
| 7 | Macau | Macao | Fast track/Meet and Assist |
| 8 | Malaysia | Johor Bahru | Meet and Assist |
| | | Kuala Lumpur | Meet and Assist |
| | | Langkawi | Meet and Assist |
| 9 | Maldives | Male | Fast track/Meet and Assist |
| 10 | Philippines | Cebu | Fast track/Meet and Assist |
| | | Clark | Fast track/Meet and Assist |
| | | Davao | Fast track/Meet and Assist |
| | | Kalibo | Fast track/Meet and Assist |
| | | Manila | Fast track/Meet and Assist |
| 11 | Singapore | Singapore | Meet and Assist |
| 12 | South Korea | Incheon | Meet and Assist |
| | | Seoul Gimpo | Meet and Assist |
| 13 | Sri Lanka | Colombo | Meet and Assist |
| | | Galle | Meet and Assist |
| 14 | Thailand | Bangkok | Fast track/Meet and Assist |

| No. | Country/Quốc gia | Airport/Sân bay | Service/Dịch vụ |
|-----|------------------|-----------------|----------------------------|
| | | Chiang Mai | Fast track/Meet and Assist |
| | | Don Mueang | Fast track/Meet and Assist |
| | | Koh Samui | Fast track/Meet and Assist |
| | | Phuket | Fast track/Meet and Assist |
| | | Ankara | Fast track/Meet and Assist |
| 15 | Turkey | Adana | Fast track/Meet and Assist |
| | | Ankara | Fast track/Meet and Assist |
| | | Antalya | Fast track/Meet and Assist |
| | | Bodrum | Fast track/Meet and Assist |
| | | Bursa | Fast track/Meet and Assist |
| | | Dalaman | Fast track/Meet and Assist |
| | | Diyarbakir | Fast track/Meet and Assist |
| | | Gaziantep | Fast track/Meet and Assist |
| | | Istanbul | Fast track/Meet and Assist |
| | | Izmir | Fast track/Meet and Assist |
| | | Trabzon | Fast track/Meet and Assist |
| 16 | Qatar | Doha | Fast track/Meet and Assist |
| 17 | Vietnam | Noi Bai | Fast track/Meet and Assist |
| | | Tan Son Nhat | Fast track/Meet and Assist |

Lưu ý: Danh sách có thể được thay đổi tùy theo từng thời kỳ và được cập nhật trên website Techcombank

**PHỤ LỤC 04 - DANH SÁCH SÂN BAY VÀ QUỐC GIA THUỘC NHÓM 2 ÁP DỤNG
CHO DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC NHANH/ĐÓN TIỀN SÂN BAY TOÀN CẦU**

| No. | Country | Airport | Service |
|------------|----------------|---------------------------|----------------------------|
| 1. | Australia | Adelaide | Meet and Assist |
| 2. | Australia | Brisbane | Meet and Assist |
| 3. | Australia | Cairns | Meet and Assist |
| 4. | Australia | Canberra | Meet and Assist |
| 5. | Australia | Darwin | Meet and Assist |
| 6. | Australia | Gold Coast | Meet and Assist |
| 7. | Australia | Melbourne | Meet and Assist |
| 8. | Australia | Perth | Meet and Assist |
| 9. | Australia | Sydney | Meet and Assist |
| 10. | Belgium | Brussels | Meet and Assist |
| 11. | Canada | Calgary | Meet and Assist |
| 12. | Canada | Halifax | Meet and Assist |
| 13. | Canada | Montreal | Meet and Assist |
| 14. | Canada | Ottawa | Meet and Assist |
| 15. | Canada | Toronto | Meet and Assist |
| 16. | Canada | Vancouver | Meet and Assist |
| 17. | Cuba | Havana | Meet and Assist |
| 18. | Czech Republic | Brno | Meet and Assist |
| 19. | Czech Republic | Ostrava | Meet and Assist |
| 20. | Czech Republic | Prague | Meet and Assist/Fast Track |
| 21. | Czech Republic | Pribram | Meet and Assist/Fast Track |
| 22. | Egypt | Alexandria | Meet and Assist/Fast Track |
| 23. | Egypt | Aswan | Meet and Assist/Fast Track |
| 24. | Egypt | Cairo | Meet and Assist/Fast Track |
| 25. | Egypt | Hurghada | Meet and Assist/Fast Track |
| 26. | Egypt | Luxor | Meet and Assist/Fast Track |
| 27. | Egypt | Ras An-naqb | Meet and Assist/Fast Track |
| 28. | Egypt | Sharm El Sheikh | Meet and Assist/Fast Track |
| 29. | Finland | Helsinki | Meet and Assist/Fast Track |
| 30. | France | Annecy | Meet and Assist/Fast Track |
| 31. | France | Aurillac | Meet and Assist |
| 32. | France | Bergerac | Meet and Assist |
| 33. | France | Bordeaux | Meet and Assist |
| 34. | France | Brive | Meet and Assist |
| 35. | France | Bron Airport | Meet and Assist |
| 36. | France | La Rochelle | Meet and Assist |
| 37. | France | Lyon | Meet and Assist/Fast Track |
| 38. | France | Marseille | Meet and Assist |
| 39. | France | Montpellier | Meet and Assist |
| 40. | France | Nantes | Meet and Assist |
| 41. | France | Nice | Meet and Assist/Fast Track |
| 42. | France | Paris - Orly | Meet and Assist/Fast Track |
| 43. | France | Paris (Charles De Gaulle) | Meet and Assist/Fast Track |
| 44. | France | Rochefort | Arrival Meet & Assist |
| 45. | France | Toulouse | Arrival Meet & Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|-----|---------|---------------------------------|----------------------------|
| 46. | Germany | Berlin Schonefeld | Meet and Assist/Fast Track |
| 47. | Germany | Berlin Brandenburg | Meet and Assist/Fast Track |
| 48. | Germany | Bremen | Meet and Assist/Fast Track |
| 49. | Germany | Cologne | Meet and Assist/Fast Track |
| 50. | Germany | Dresden | Meet and Assist/Fast Track |
| 51. | Germany | Dusseldorf | Meet and Assist/Fast Track |
| 52. | Germany | Frankfurt | Meet and Assist/Fast Track |
| 53. | Germany | Hamburg | Meet and Assist/Fast Track |
| 54. | Germany | Hannover | Meet and Assist/Fast Track |
| 55. | Germany | Leipzig | Meet and Assist/Fast Track |
| 56. | Germany | Munich | Meet and Assist/Fast Track |
| 57. | Germany | Nuremberg | Meet and Assist/Fast Track |
| 58. | Germany | Stuttgart | Meet and Assist/Fast Track |
| 59. | Greece | Araxos | Meet and Assist/Fast Track |
| 60. | Greece | Athens | Meet and Assist/Fast Track |
| 61. | Greece | Chania | Meet and Assist/Fast Track |
| 62. | Greece | Chios | Meet and Assist/Fast Track |
| 63. | Greece | Corfu | Meet and Assist/Fast Track |
| 64. | Greece | Heraklion | Meet and Assist/Fast Track |
| 65. | Greece | Kalamata | Meet and Assist/Fast Track |
| 66. | Greece | Karpathos | Meet and Assist/Fast Track |
| 67. | Greece | Kavala | Meet and Assist/Fast Track |
| 68. | Greece | Kefalonia | Meet and Assist/Fast Track |
| 69. | Greece | Kerkyra | Meet and Assist/Fast Track |
| 70. | Greece | Kos | Meet and Assist/Fast Track |
| 71. | Greece | Limnos | Meet and Assist/Fast Track |
| 72. | Greece | Mykonos | Meet and Assist/Fast Track |
| 73. | Greece | Mytilini | Meet and Assist/Fast Track |
| 74. | Greece | Preveza | Meet and Assist/Fast Track |
| 75. | Greece | Rhodes | Meet and Assist/Fast Track |
| 76. | Greece | Samos | Meet and Assist/Fast Track |
| 77. | Greece | Santorini | Meet and Assist/Fast Track |
| 78. | Greece | Skiathos | Meet and Assist/Fast Track |
| 79. | Greece | Thessaloniki | Meet and Assist/Fast Track |
| 80. | Greece | Volos | Meet and Assist/Fast Track |
| 81. | Greece | Zakynthos | Meet and Assist/Fast Track |
| 82. | Hungary | Budapest | Meet and Assist |
| 83. | Iceland | Reykjavik | Meet and Assist |
| 84. | Italy | Ancona | Meet and Assist |
| 85. | Italy | Bari | Meet and Assist |
| 86. | Italy | Bergamo - IL CARAVAGGIO AIRPORT | Meet and Assist |
| 87. | Italy | Bologna | Meet and Assist |
| 88. | Italy | Brindisi - PUGLIA AIRPORT | Meet and Assist |
| 89. | Italy | Cagliari | Meet and Assist |
| 90. | Italy | Catania -Sicily | Meet and Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|-------------|---|----------------------------|
| 91. | Italy | Cuneo | Meet and Assist |
| 92. | Italy | Florence - FIRENZE | Meet and Assist |
| 93. | Italy | Genoa - GENOVA AIRPORT | Meet and Assist |
| 94. | Italy | Lamezia Terme | Meet and Assist |
| 95. | Italy | Milan Linate | Meet and Assist |
| 96. | Italy | Milan Malpensa | Meet and Assist |
| 97. | Italy | Naples | Meet and Assist |
| 98. | Italy | Olbia | Meet and Assist |
| 99. | Italy | Palermo | Meet and Assist |
| 100. | Italy | Palma | Meet and Assist |
| 101. | Italy | Perugia | Meet and Assist |
| 102. | Italy | Pescara - ABRUZZO AIRPORT | Meet and Assist |
| 103. | Italy | Pisa - PISA GALILEO GALILEI AIRPORT | Meet and Assist |
| 104. | Italy | Reggio Calabria - AIRPORT DELLO STRETTO | Meet and Assist |
| 105. | Italy | Rimini - FEDERICO FELLINI INTERNATIONAL AIRPORT | Meet and Assist |
| 106. | Italy | Rome - ROME FIUMICINO LEONARDO DA VINCI AIRPORT | Meet and Assist/Fast Track |
| 107. | Italy | Rome Ciampino | Meet and Assist |
| 108. | Italy | Treviso | Meet and Assist |
| 109. | Italy | Trieste | Meet and Assist |
| 110. | Italy | Turin | Meet and Assist |
| 111. | Italy | Venice - Marco Polo | Meet and Assist |
| 112. | Italy | Verona | Meet and Assist |
| 113. | Mexico | Cancun | Meet and Assist |
| 114. | Mexico | Guadalajara | Meet and Assist |
| 115. | Mexico | Mexico City | Meet and Assist |
| 116. | Mexico | Monterrey | Meet and Assist |
| 117. | Mexico | Puerto Vallarta | Meet and Assist |
| 118. | Mexico | San Jose Del Cabo | Meet and Assist |
| 119. | Netherlands | Amsterdam | Meet and Assist |
| 120. | Netherlands | Rotterdam | Meet and Assist |
| 121. | Poland | Gdansk | Meet and Assist |
| 122. | Poland | Krakow | Meet and Assist |
| 123. | Poland | Warsaw | Meet and Assist |
| 124. | Portugal | Chaves | Meet and Assist/Fast Track |
| 125. | Portugal | Faro | Meet and Assist/Fast Track |
| 126. | Portugal | Funchal | Meet and Assist/Fast Track |
| 127. | Portugal | Lisbon | Meet and Assist/Fast Track |
| 128. | Portugal | Porto | Meet and Assist/Fast Track |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|----------------------|---------------------------------|----------------------------|
| 129. | Portugal | Vila Real | Meet and Assist/Fast Track |
| 130. | Saudi Arabia | Dammam | Meet and Assist |
| 131. | Saudi Arabia | Jeddah | Meet and Assist |
| 132. | Saudi Arabia | Medinah | Meet and Assist |
| 133. | Saudi Arabia | Riyadh | Meet and Assist |
| 134. | South Africa | Cape Town | Meet and Assist |
| 135. | South Africa | Durban | Meet and Assist |
| 136. | South Africa | George | Meet and Assist |
| 137. | South Africa | Johannesburg | Meet and Assist |
| 138. | South Africa | Port Elizabeth | Meet and Assist |
| 139. | Spain | Alicante | Meet and Assist |
| 140. | Spain | Almeria | Meet and Assist |
| 141. | Spain | Barcelona | Meet and Assist |
| 142. | Spain | Bilbao | Meet and Assist |
| 143. | Spain | Gran Canaria - Las Palmas | Meet and Assist |
| 144. | Spain | Ibiza | Meet and Assist |
| 145. | Spain | Madrid | Meet and Assist |
| 146. | Spain | Malaga | Meet and Assist |
| 147. | Spain | Mallorca - Palma | Meet and Assist |
| 148. | Spain | Menorca | Meet and Assist |
| 149. | Spain | Oviedo | Meet and Assist |
| 150. | Spain | Seville | Meet and Assist |
| 151. | Spain | Tenerife North | Meet and Assist |
| 152. | Spain | Tenerife South | Meet and Assist |
| 153. | Spain | Valencia | Meet and Assist |
| 154. | Spain | Vigo | Meet and Assist |
| 155. | Spain | Zaragoza | Meet and Assist |
| 156. | Switzerland | Basel | Meet and Assist/Fast Track |
| 157. | Switzerland | Geneva | Meet and Assist/Fast Track |
| 158. | Switzerland | Zurich | Meet and Assist/Fast Track |
| 159. | United Arab Emirates | Abu Dhabi International Airport | Meet and Assist/Fast Track |
| 160. | United Arab Emirates | Dubai | Meet and Assist/Fast Track |
| 161. | United Kingdom | Aberdeen | Meet and Assist |
| 162. | United Kingdom | Belfast City Airport | Meet and Assist |
| 163. | United Kingdom | Belfast International Airport | Meet and Assist |
| 164. | United Kingdom | Birmingham | Meet and Assist |
| 165. | United Kingdom | Blackpool Int'l | Meet and Assist |
| 166. | United Kingdom | Bournemouth | Meet and Assist |
| 167. | United Kingdom | Bristol | Meet and Assist |
| 168. | United Kingdom | Cardiff | Meet and Assist |
| 169. | United Kingdom | Doncaster Sheffield | Meet and Assist |
| 170. | United Kingdom | East Midlands | Meet and Assist |
| 171. | United Kingdom | Edinburgh | Meet and Assist |
| 172. | United Kingdom | Exeter | Meet and Assist |
| 173. | United Kingdom | Glasgow | Meet and Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|--------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| 174. | United Kingdom | Glasgow Prestwick | Meet and Assist |
| 175. | United Kingdom | Humberside | Meet and Assist |
| 176. | United Kingdom | Inverness | Meet and Assist |
| 177. | United Kingdom | Isle Of Man Ronaldsway | Meet and Assist |
| 178. | United Kingdom | Jersey | Meet and Assist |
| 179. | United Kingdom | Leeds Bradford | Meet and Assist |
| 180. | United Kingdom | Liverpool | Meet and Assist |
| 181. | United Kingdom | London City | Meet and Assist |
| 182. | United Kingdom | London Gatwick | Meet and Assist |
| 183. | United Kingdom | London Heathrow | Meet and Assist |
| 184. | United Kingdom | London Luton | Meet and Assist |
| 185. | United Kingdom | London Stansted | Meet and Assist |
| 186. | United Kingdom | Manchester | Meet and Assist |
| 187. | United Kingdom | Newcastle | Meet and Assist |
| 188. | United Kingdom | Norwich | Meet and Assist |
| 189. | United Kingdom | Plymouth | Meet and Assist |
| 190. | United Kingdom | Southampton | Meet and Assist |
| 191. | United Kingdom | Swansea | Meet and Assist |
| 192. | United Kingdom | Teesside | Meet and Assist |
| 193. | United Kingdom | Tiree | Meet and Assist |
| 194. | United States of America | Albuquerque | Landside Meet & Assist |
| 195. | United States of America | Allentown | Landside Meet & Assist |
| 196. | United States of America | Anchorage International Apt | Landside Meet & Assist |
| 197. | United States of America | Aspen | Landside Meet & Assist |
| 198. | United States of America | Atlanta | Landside Meet & Assist |
| 199. | United States of America | Austin | Landside Meet & Assist |
| 200. | United States of America | Baltimore | Landside Meet & Assist |
| 201. | United States of America | Boston | Landside Meet & Assist |
| 202. | United States of America | Buffalo | Landside Meet & Assist |
| 203. | United States of America | Burbank | Landside Meet & Assist |
| 204. | United States of America | Charlotte | Landside Meet & Assist |
| 205. | United States of America | Chicago | Landside Meet & Assist |
| 206. | United States of America | Chicago Midway Apt | Landside Meet & Assist |
| 207. | United States of America | Cincinnati Northern Kentucky Intl | Landside Meet & Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|--------------------------|---------------------------------|------------------------|
| 208. | United States of America | Cleveland | Landside Meet & Assist |
| 209. | United States of America | Columbus Port Columbus Intl Apt | Landside Meet & Assist |
| 210. | United States of America | Dallas/Fort Worth Intl Airport | Landside Meet & Assist |
| 211. | United States of America | Dallas Love Field Airport | Landside Meet & Assist |
| 212. | United States of America | Dayton | Landside Meet & Assist |
| 213. | United States of America | Denver | Landside Meet & Assist |
| 214. | United States of America | Detroit | Landside Meet & Assist |
| 215. | United States of America | Fort Lauderdale | Landside Meet & Assist |
| 216. | United States of America | Fort Myers | Landside Meet & Assist |
| 217. | United States of America | Honolulu | Landside Meet & Assist |
| 218. | United States of America | Houston | Landside Meet & Assist |
| 219. | United States of America | Houston Hobby Apt | Landside Meet & Assist |
| 220. | United States of America | Indianapolis | Landside Meet & Assist |
| 221. | United States of America | Jackson Hole | Landside Meet & Assist |
| 222. | United States of America | Jacksonville | Landside Meet & Assist |
| 223. | United States of America | John F. Kennedy | Landside Meet & Assist |
| 224. | United States of America | Kansas City | Landside Meet & Assist |
| 225. | United States of America | Kona Island | Landside Meet & Assist |
| 226. | United States of America | Las Vegas | Landside Meet & Assist |
| 227. | United States of America | Lihue Kauai | Landside Meet & Assist |
| 228. | United States of America | Long Beach | Landside Meet & Assist |
| 229. | United States of America | Los Angeles | Landside Meet & Assist |
| 230. | United States of America | Louisville | Landside Meet & Assist |
| 231. | United States of America | Maui | Landside Meet & Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| 232. | United States of America | Memphis | Landside Meet & Assist |
| 233. | United States of America | Miami | Landside Meet & Assist |
| 234. | United States of America | Milwaukee | Landside Meet & Assist |
| 235. | United States of America | Minneapolis | Landside Meet & Assist |
| 236. | United States of America | Nashville | Landside Meet & Assist |
| 237. | United States of America | New Orleans | Landside Meet & Assist |
| 238. | United States of America | New York - La Guardia | Landside Meet & Assist |
| 239. | United States of America | Newark Liberty | Landside Meet & Assist |
| 240. | United States of America | Norfolk | Landside Meet & Assist |
| 241. | United States of America | Oakland | Landside Meet & Assist |
| 242. | United States of America | Oklahoma | Landside Meet & Assist |
| 243. | United States of America | Orlando | Landside Meet & Assist |
| 244. | United States of America | Philadelphia | Landside Meet & Assist |
| 245. | United States of America | Phoenix | Landside Meet & Assist |
| 246. | United States of America | Pittsburgh | Landside Meet & Assist |
| 247. | United States of America | Portland | Landside Meet & Assist |
| 248. | United States of America | Providence | Landside Meet & Assist |
| 249. | United States of America | Raleigh Durham | Landside Meet & Assist |
| 250. | United States of America | Rochester | Landside Meet & Assist |
| 251. | United States of America | Sacramento | Landside Meet & Assist |
| 252. | United States of America | Salt Lake City | Landside Meet & Assist |
| 253. | United States of America | San Antonio | Landside Meet & Assist |
| 254. | United States of America | San Diego | Landside Meet & Assist |
| 255. | United States of America | San Francisco | Landside Meet & Assist |

| No. | Country | Airport | Service |
|------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| 256. | United States of America | San Jose | Landside Meet & Assist |
| 257. | United States of America | Santa Ana John Wayne Apt | Landside Meet & Assist |
| 258. | United States of America | Savannah | Landside Meet & Assist |
| 259. | United States of America | Seattle | Landside Meet & Assist |
| 260. | United States of America | St. Louis | Landside Meet & Assist |
| 261. | United States of America | Tampa | Landside Meet & Assist |
| 262. | United States of America | Tulsa | Landside Meet & Assist |
| 263. | United States of America | Vail | Landside Meet & Assist |
| 264. | United States of America | Washington | Landside Meet & Assist |
| 265. | United States of America | Washington Ronald Reagan | Landside Meet & Assist |
| 266. | United States of America | West Palm Beach | Landside Meet & Assist |

Lưu ý: Danh sách có thể được thay đổi tùy theo từng thời kỳ và được cập nhật trên website Techcombank

PHỤ LỤC 05 – DANH SÁCH PHÒNG CHỜ

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------------------|--|--|-----------|------------------------|--|------------|----------|
| 1 | Asia | Armenia | Yerevan | Zvartnots International Airport | Business Lounge | EVN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 2 | Asia | Azerbaijan | Baku | Heydar Aliyev International Airport | Baku Club | GYD | Terminal 1 | International Arrival | Air side | Lounge |
| 3 | Asia | Azerbaijan | Baku | Heydar Aliyev International Airport | Premium Bank Lounge | GYD | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 4 | Asia | Azerbaijan | Baku | Heydar Aliyev International Airport | Absheron Lounge | GYD | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 5 | Asia | Azerbaijan | Baku | Heydar Aliyev International Airport | Salam Lounge | GYD | Terminal 1 | International Departure, International Arrival | Landside | Lounge |
| 6 | Asia | Azerbaijan | Baku | Heydar Aliyev International Airport | (Temporarily closed) Mugam Lounge | GYD | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 7 | Asia | Bangladesh | Dhaka | Hazrat Shahjalal International Airport | Balaka Executive Lounge | DAC | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 8 | Asia | Brunei | Bandar Seri Begawan | Brunei International Airport | Royal Brunei's Sky Lounge | BWN | Main Terminal | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 9 | Asia | Brunei | Bandar Seri Begawan | Brunei International Airport | The Coffee Bean and Tea Leaf (Departure Area) - Set Meal | BWN | Main Terminal | International Departure | Landside | Set Meal |
| 10 | Asia | Brunei | Bandar Seri Begawan | Brunei International Airport | Anjung Saujana & Cilantro's Restaurant - Set Meal | BWN | Main Terminal | International Departure | Landside | Set Meal |
| 11 | Asia | Cambodia | Phnom Penh | Phnom Penh International Airport | Plaza Premium Lounge | PNH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 12 | Asia | Cambodia | Siem Reap | Siem Reap-Angkor International Airport | Plaza Premium Lounge | REP | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 13 | Asia | Cambodia | Sihanoukville | Sihanouk International Airport | Flight Club - Set Meal | KOS | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 14 | Asia | China Mainland | Aksu | Aksu Airport | First Class Lounge | AKU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 15 | Asia | China Mainland | Alar City | Alar Tarim Airport | First Class Lounge(Domestic) | ACF | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 16 | Asia | China Mainland | Altay | Altay Airport | Two Classes Lounge | AAT | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|---------------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------------|--------------------|------------|----------|
| 17 | Asia | China Mainland | Anshan | Teng'ao Airport | First Class Lounge | AOG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 18 | Asia | China Mainland | Baishan | Changbaishan Airport | First Class Lounge | NBS | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 19 | Asia | China Mainland | Baoshan | Baoshan Railway Station | Business Class waiting area | 48670 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 20 | Asia | China Mainland | Baotou | Baotou Railway Station | Joyful Journey Business Class Lounge | BT1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 21 | Asia | China Mainland | Baotou | Erliban Airport | First Class Lounge No.2 | BAV | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 22 | Asia | China Mainland | Bazhong | Bazhong Enyang Airport | First Class Lounge 1 | BZX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 23 | Asia | China Mainland | Beihai | Fucheng Airport | First Class Lounge | BHY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 24 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Airport Easy Lounge(New area) | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 25 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Set meal-XBEK | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 26 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | CIP Reception Counter No.19 | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 27 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | RUBY Lounge | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 28 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Barcelo Lounge(T2 dom) | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 29 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Bingz - Set Meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 30 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Acasia Deli Café - Set Meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 31 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Kafelaku Coffee - Set Meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 32 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Sana coffee - Set Meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 33 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Large bowl of noodles - Set Meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------|------------|--------------------------|----------------|----------|
| 34 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Jiahe Yipin - set meal | PEK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 35 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | CIP International Lounge | PEK | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 36 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Lugang Town-set meal | PEK | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 37 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Trvok A1 Lounge | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 38 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | CIP Reception Counter | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 39 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Paddy Field Rice Fragrance - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 40 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Xiao Heng Dumplings - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 41 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Egg Bomb - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 42 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Sue Noodles Mill - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 43 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Canton 8 - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 44 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Grain Vermicelli - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 45 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Meet Xiaomian(T3) - Set Meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Arrival - Area | Set Meal |
| 46 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Whole Cowmaker-set meal | PEK | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 47 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | CIP International Lounge | PEK | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 48 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Kunshi Coffee (3 stores)-set meal | PEK | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|---------------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 49 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Capital International Airport | Kunshi Coffee (8 stores)-set meal | PEK | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 50 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Chaoyang Railway Station | True Kungfu - Set Meal | BJCY1 | | | Air side | Set Meal |
| 51 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Chaoyang Railway Station | Yong He King - Set Meal | BJCY1 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 52 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Taste of Dadong - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 53 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Invincible Lamen - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 54 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Rong Li Ji - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 55 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | China Southern Airlines Gold/Silver Member Lounge | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 56 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | China Eastern Airlines VIP Lounge | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 57 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | CHUM VIP Lounge | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 58 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Canton 8 - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 59 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Lao She Tea House - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 60 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Littel Ming - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 61 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Meet Xiaomian - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 62 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | QinLu · Jiangxi Cuisine - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 63 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Grandma's home - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 64 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Burger King - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|--------------------------------------|---|-----------|---------------|--|------------|----------|
| 65 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Fish With You - Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 66 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | QUANJUDE - Set meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 67 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Southern Airline Golden/Sliver Card Member Lounge 3 | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 68 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | BaMan HuNan Rice Noodles-Set Meal | PKX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 69 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | VIP Lounge P22 | PKX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 70 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | China Southern Airlines International Lounge | PKX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 71 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Library Lounge | PKX | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 72 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Mr. Li Beef Noodle King-set meal | PKX | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 73 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | All Beef Artisan - Stilted Beef-set meal | PKX | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 74 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Nan Bistro-set meal | PKX | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 75 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Oxhorn Village-set meal | PKX | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 76 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Daxing International Airport | Mexican Go-Go-set meal | PKX | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 77 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Railway Station | Yong He King - Set Meal | 102 | | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 78 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Railway Station | Dicos - Set Meal | 102 | | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 79 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Railway Station | Master Kong Chef's Table - Set Meal | 102 | Main Building | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 80 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 102 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 81 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing South Railway Station | Yong He King - Set Meal | 020 | | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 82 | Asia | China Mainland | Beijing | Beijing West Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 030 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 83 | Asia | China Mainland | Beijing | Qinghe Railway Station | Subway - Set Meal | QHZ1 | | | Air side | Set Meal |
| 84 | Asia | China Mainland | Beijing | Qinghe Railway Station | True Kungfu - Set Meal | QHZ1 | | | Air side | Set Meal |
| 85 | Asia | China Mainland | Bengbu | Bengbunan Railway Station | VIP Lounge | BM5 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 86 | Asia | China Mainland | Bengbu | Bengbunan Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | BM5 | | 国内出发 | Landside | Set Meal |
| 87 | Asia | China Mainland | Bengbu | Bengbunan Railway Station | VIP Lounge | BM5 | | 国内出发 | Air side | Lounge |
| 88 | Asia | China Mainland | Bijie Prefecture | Bijie Airport | First Class Lounge | BFJ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 89 | Asia | China Mainland | Bole City | Bole Airport | VIP Lounge(Before security check) | BPL | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 90 | Asia | China Mainland | Buerjin | Kanasi Airport | First and Business Class Lounge | KJI | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 91 | Asia | China Mainland | Changchun | Changchun Railway Station | Subway - Set Meal | 021 | | | Air side | Set Meal |
| 92 | Asia | China Mainland | Changchun | Changchun Railway Station | Business Class Lounge | 021 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 93 | Asia | China Mainland | Changchun | Changchun West Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 051 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 94 | Asia | China Mainland | Changchun | Changchun West Railway Station | VIP lounge | 051 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 95 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | International First Class Lounge | CGQ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 96 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | First Class Lounge | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 97 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | DIO Coffee - Set Meal | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 98 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | Lanzhou Noodles - Set Meal | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 99 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | Monbo Wonton - Set Meal | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 100 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | First Class Lounge | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 101 | Asia | China Mainland | Changchun | Longjia International Airport | Yu Noodle - Set Meal | CGQ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|--------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 102 | Asia | China Mainland | Changde | Taohuayuan Airport | First Class Lounge | CGD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 103 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | Kangshifu House Beef Noodles - Set Meal | 008 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 104 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 008 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 105 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | DragonPass & Plaza Premium Lounge | 008 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 106 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | Kungfu - Set Meal | 008 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 107 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | DragonPass & Plaza Premium Lounge (West Door) | 008 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 108 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | Steamed Liu Kee-set meal | 008 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 109 | Asia | China Mainland | Changsha | Changsha South Railway Station | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | 008 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 110 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Joy Flight VIP Lounge 5 | CSX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 111 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | First Class Lounge No.2 | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 112 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | First Class VIP Lounge No.3 | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 113 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | No.1-2 First Class Lounge | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 114 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | No.6 Business Lounge | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 115 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Ziyueqing Hunan Cuisine - Set Meal | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 116 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Ziyueyuan Hunan Cuisine - Set Meal | CSX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 117 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Joyflight No.7 First Class Lounge | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 118 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Lexiang Hall 4 | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 119 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Book Bar | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 120 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Viojoy Restaurant - Set Meal | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 121 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Viojoy Restaurant - Set Meal | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 122 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | No.16 First Class Lounge | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 123 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | Shamrock Coffee - Set Meal | CSX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 124 | Asia | China Mainland | Changsha | Huanghua International Airport | International First Class Lounge | CSX | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 125 | Asia | China Mainland | Changzhidi | Changzhidong Railway Station | Business VIP Lounge | CZDZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 126 | Asia | China Mainland | Changzhidi | Wangcun Airport | VIP Lounge | CIH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 127 | Asia | China Mainland | Changzhou | Benniu Airport | First Class Lounge | CZX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 128 | Asia | China Mainland | Changzhou | Benniu Airport | VIP Reception Counter | CZX | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 129 | Asia | China Mainland | Changzhou | Benniu Airport | UFF - Set Meal | CZX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 130 | Asia | China Mainland | Changzhou | Benniu Airport | International First Class Lounge | CZX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 131 | Asia | China Mainland | Changzhou | Changzhou Railway Station | UFF - Set Meal | CZ1 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 132 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu East Railway Station | Dicos - Set Meal | 046 | | | Air side | Set Meal |
| 133 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu East Railway Station | Master Kang - Set Meal | 046 | | | Air side | Set Meal |
| 134 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu East Railway Station | Business Lounge | 046 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 135 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | A-Xiang Noodles - Set Meal | TFU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 136 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | China Eastern VIP Lounge | TFU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 137 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | Si Chuan Airline Lounge(T2 Domestic) | TFU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 138 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | Chen Ma Po Tofu-set meal | TFU | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|--------------------------------------|---|-----------|------------|--------------------------|------------|----------|
| 139 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | On Nam Bistro-set meal | TFU | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 140 | Asia | China Mainland | Chengdu | Chengdu Tianfu International Airport | Lao Zhang Beef Noodle-set meal | TFU | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 141 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | First Class Lounge (Concourse F) | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 142 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | First Class Lounge (Concourse E&F) | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 143 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | First Class Lounge (Concourse D&E) | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 144 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | First Class Lounge (Concourse G) | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 145 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Take a Nap Business Lounge | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 146 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Chongqing Noodles - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 147 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Reception Counter | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 148 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Kuanzhai Cuisine - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 149 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Chengdu Famous Snack - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 150 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Esenco - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 151 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Chengdu Famous Snack - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 152 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Linton coffee - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 153 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | First Class Lounge | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 154 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | ChongQing Noodles - Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 155 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Mr.Wang beef noodles(D-F-2D)-Set Meal | CTU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 156 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Zhengdian Lao Zhang Beef Noodles-set meal | CTU | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 157 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Leimen Ramen-set meal | CTU | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 158 | Asia | China Mainland | Chengdu | Shuangliu International Airport | Hanpin on the Palm-set meal | CTU | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-----------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------|---------------|---|------------|----------|
| 159 | Asia | China Mainland | Chenzhou | ChenZhouXi Zhan | Shunhua Duck Egg Noodles-set meal | CZ5 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 160 | Asia | China Mainland | Chizhou | Chizhou Jiuhuashan Airport | First Class Lounge | JUH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 161 | Asia | China Mainland | Chizhou | Chizhou Jiuhuashan Airport | CIP Lounge No.2 | JUH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 162 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing North Railway Station | Lottery - Set Meal | 031 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 163 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing North Railway Station | ChongQing Noodles - Set Meal | 031 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 164 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing North Railway Station | Dicos - Set Meal | 031 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 165 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing North Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 031 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 166 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing North Railway Station | Business VIP Lounge | 031 | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 167 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing West Railway Station | Bread and Tea - Set Meal | CQ1 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 168 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing West Railway Station | Business VIP Lounge | CQ1 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 169 | Asia | China Mainland | Chongqing | Chongqing West Railway Station | Dicos - Set Meal | CQ1 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 170 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | First Class Lounge (Concourse A) | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 171 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | First Class Lounge (Concourse B) | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 172 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | First Class Lounge (Concourse C) | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 173 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Set meal- Chongqing famous snacks | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 174 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Set meal-South-R/North-N | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 175 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Subway - Set Meal | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 176 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | C.straits cafe - Set Meal | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 177 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | DQ - Set Meal | CKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-----------|----------------------------------|---|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 178 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | First and Business Class Lounge 1 | CKG | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 179 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | First and Business Lounge 2 | CKG | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 180 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Longxing Mansion Beef Noodle - Set Meal | CKG | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 181 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Sichuan Famous Snack - Set Meal | CKG | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 182 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | Ya Kun Kaya Toast - Set Meal | CKG | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 183 | Asia | China Mainland | Chongqing | Jiangbei International Airport | International Lounge | CKG | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 184 | Asia | China Mainland | Chongqing | Wuqiao Airport | VIP Room | WXN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 185 | Asia | China Mainland | Dali | Dali Airport | Best Business VIP Lounge | DLU | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 186 | Asia | China Mainland | Dalian | Dalian North Railway Station | VIP Lounge | 022 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 187 | Asia | China Mainland | Dalian | Dalian North Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 022 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 188 | Asia | China Mainland | Dalian | Dalian North Railway Station | Subway - Set Meal | 022 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 189 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | VIP Lounge (Zone A) | DLC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 190 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Business Travel Lounge | DLC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 191 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Subway - Set Meal | DLC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 192 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Subway - Set Meal | DLC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 193 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | WeiZhiZang-Set Meal | DLC | T1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 194 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Lanzhou Noodles - Set Meal | DLC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 195 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Lanzhou Noodles1 - Set Meal | DLC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 196 | Asia | China Mainland | Dalian | Zhoushuizi International Airport | Maopo Chongqing Noodles - Set Meal | DLC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 197 | Asia | China Mainland | Daqing | Sartu Airport | First Class Lounge | DQA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 198 | Asia | China Mainland | Datong | Yungang Airport | First Class Lounge | DAT | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-------------------------------|---------------------------------|-----------|---------------|--------------------------|----------------|----------|
| 199 | Asia | China Mainland | Daxian | Dazhou Jinya Airport | First Class Lounge | DZH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 200 | Asia | China Mainland | Dezhou | Dezhou East Railway Station | VIP Lounge | 004 | | Domestic Departure | Arrival - Area | Lounge |
| 201 | Asia | China Mainland | Dezhou | Dezhou East Railway Station | Gli Wonton - Set Meal | 004 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 202 | Asia | China Mainland | Dezhou | Dezhou East Railway Station | Gli Wonton - Set Meal | 004 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 203 | Asia | China Mainland | Dongying | Dongying Airport | First Class Lounge | DOY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 204 | Asia | China Mainland | Dunhuang | Dunhuang Airport | First Class Lounge No.2 | DNH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 205 | Asia | China Mainland | Erenhot | Saiwusu International Airport | First Class Lounge | ERL | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 206 | Asia | China Mainland | Foshan | FoShanXiZhan | Steamed Liu Kee-set meal | FSX01 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 207 | Asia | China Mainland | Fuyang | Xiguan Airport | First Class Lounge (Dom) | FUG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 208 | Asia | China Mainland | Fuyun | Fuyun Airport | First and Business Class Lounge | FYN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 209 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | First Class Lounge | FOC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 210 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | Business VIP Lounge | FOC | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 211 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | Sea Cloud Business Lounge | FOC | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 212 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | First Class Lounge | FOC | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 213 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | A'Xiang Rice Noodles - Set Meal | FOC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 214 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | Malan Ramen - Set Meal | FOC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 215 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | Zheng Sen Ji - Set Meal | FOC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 216 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Changle International Airport | Pork Rice - Set Meal | FOC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 217 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Fuzhou Railway Station | VIP Lounge(south entrance) | 099 | Main Terminal | | Air side | Lounge |
| 218 | Asia | China Mainland | Fuzhou | Fuzhou Railway Station | Yonghe Soybean Mile - Set Meal | 099 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-------------|------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------|------------|----------|
| 219 | Asia | China Mainland | Ganzhou | Huangjin Airport | First Class Lounge | KOW | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 220 | Asia | China Mainland | Golmud City | Golmud Airport | First Class Lounge(T2) | GOQ | T2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 221 | Asia | China Mainland | Guangyuan | Guang Yuan Airport | Easy Business VIP Room | GYS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 222 | Asia | China Mainland | Guangyuan | Guangyuan Station | Dicos - Set Meal | GYZ | Main Terminal | | Air side | Set Meal |
| 223 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Famous Cuisine - Set Meal | CAN | T2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 224 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Service Center for AirportPass Member (Gate 16) | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 225 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | China Eastern First Class Lounge | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 226 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Air China First Class Lounge | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 227 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Hainan Airlines First Class Lounge | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 228 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Shenzhen Airlines Premium Lounge | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 229 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | DragonPass Reception Counter | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 230 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Meiyimei Restaurant - Set meal | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 231 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Canton Snacks - Set meal | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 232 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Ajisen Ramen(T1A) - Set Meal | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 233 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Ajisen Ramen (T1B)- Set Meal | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 234 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Tims Coffee-set meal | CAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 235 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Lounge for Airport Pass Members | CAN | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 236 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Easy-boarding Lounge | CAN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 237 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Lounge for Airport Pass Members | CAN | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 238 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Ajisen - Set Meal | CAN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 239 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Huiru Restaurant - Set Meal | CAN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-----------|----------------------------------|---|-----------|---------------|-------------------------------|------------|----------|
| 240 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Premium Lounge (T2 International) | CAN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 241 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Baiyun International Airport | Pacific Coffee (after T2 security check)-set meal | CAN | Terminal 2 | 国际出发, International Departure | Air side | Set Meal |
| 242 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Meet Xiaomian - Set Meal | 007 | | | Air side | Set Meal |
| 243 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Kangshifu House Beef Noodles - Set Meal | 007 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 244 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | True Kungfu - Set Meal | 007 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 245 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Dicos - Set Meal | 007 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 246 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Ajisen Ramen - Set Meal | 007 | Main Building | | Air side | Set Meal |
| 247 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | DragonPass Business VIP Lounge | 007 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 248 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Set meal-YuJian Noodles No.2 Store | 007 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 249 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | True Kung Fu (B12-13 Checkpoint)-set meal | 007 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 250 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Steamed Liu Kee (Interchange Area)-set meal | 007 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 251 | Asia | China Mainland | Guangzhou | Guangzhou South Railway Station | Steamed Liu Kee (3rd Floor Mezzanine)-set meal | 007 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 252 | Asia | China Mainland | Guilin | Liangjiang International Airport | VIP Reception Counter | KWL | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 253 | Asia | China Mainland | Guilin | Liangjiang International Airport | First Class/Business Class Lounge (Dom) | KWL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 254 | Asia | China Mainland | Guilin | Liangjiang International Airport | Guilin Snack Street - Set Meal | KWL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 255 | Asia | China Mainland | Guilin | Liangjiang International Airport | Michelin - Set Meal | KWL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 256 | Asia | China Mainland | Guilin | Liangjiang International Airport | Guilin specialty snacks - Set Meal | KWL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|-----------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------|------------|----------|
| 257 | Asia | China Mainland | Guiyang | Guiyang North Railway Station | Shu Yi Herbal Jelly - Set Meal | 071 | | | Air side | Set Meal |
| 258 | Asia | China Mainland | Guiyang | Guiyang North Railway Station | DragonPass VIP Lounge | 071 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 259 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | First Class Lounge | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 260 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Maopo Chongqing Noodles - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 261 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Guiyang time-honored food Restaurant - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 262 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Long Da Ge - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 263 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Huaxi beef powder - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 264 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | MiaoXiaoTan - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 265 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | South-R&North-N - Set Meal | KWE | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 266 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | VIP Lounge (T3 Dom) | KWE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 267 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Pacific Coffee - Set Meal | KWE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 268 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Jiang Shan Restaurant - Set Meal | KWE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 269 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Yon Ho - Set Meal | KWE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 270 | Asia | China Mainland | Guiyang | Longdongbao International Airport | Skypearl Lounge(T3-Intl) | KWE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 271 | Asia | China Mainland | Haikou | Haikou East Railway Station | Dicos - Set Meal | 011 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 272 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | First Class Lounge | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 273 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Trvok Lounge | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 274 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Esenco illy - Set Meal (M1.01) | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 275 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Chongqing Noodles - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 276 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Hainan Specialty - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|----------------|----------|
| 277 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Juice Bar - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 278 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Chongqing Noodles - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 279 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Chongqing Noodles - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 280 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Hainan Famous Snack - Set Meal | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 281 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Sleeping in Airport Hotel | HAK | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 282 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Business Lounge 3 (T2 - Intl) | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 283 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Hainan Airlines Lounge | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 284 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Dicos - Set Meal | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 285 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Saboten - Set Meal | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 286 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | YanJiang Hainanese Chicken Rice - Set Meal | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 287 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Liyin Rice Roll Master Canton - Set Meal | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 288 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Set Meal-Lai De Kuai | HAK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 289 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Northeast high class lounge | HAK | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 290 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Hainan Famous Snacks-set meal | HAK | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 291 | Asia | China Mainland | Haikou | Meilan International Airport | Chongqing Small Noodles-set meal | HAK | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 292 | Asia | China Mainland | Hami | Hami Airport | First and Business Class Lounge | HMI | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 293 | Asia | China Mainland | Hami | Hami Railway Station | Dicos - Set Meal | 42188 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 294 | Asia | China Mainland | Handan | Handan Airport | VIP Lounge(Dom) | HDG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 295 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | Master Kang Beef Noodles - Set meal | 049 | | | Arrival - Area | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|--------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|----------------|----------|
| 296 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | UFF - Set Meal | 049 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 297 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | DragonPass SPD Bank VIP Room | 049 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 298 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 049 | | Domestic Departure | Arrival - Area | Set Meal |
| 299 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 049 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 300 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou East Railway Station | Master Kong's Private Beef Noodles (after security check)-set meal | 049 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 301 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Hangzhou West Railway Station | Kangshifu private beef noodles-set meal | HZX01 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 302 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Yi Xing VIP Reception Counter | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 303 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Hainan Airlines VIP Club | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 304 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Pacific Coffee - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 305 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | First Class Lounge | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 306 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Qiantang Ramen - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 307 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Jade Garden - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 308 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Shejianjian Lanzhou Noodles - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 309 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Louwailou - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 310 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Tim Hortons - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 311 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Qin Yun Old Woman TanTan Noodles - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 312 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | UFF - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 313 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | UFF - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 314 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Yu Noodle - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|--------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 315 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Yadeaber - Set Meal | HGH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 316 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Taste of Tibet-set meal | HGH | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 317 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | VIP Lounge(T4 Dom) | HGH | Terminal 4 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 318 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | VIP lounge V26 (T4 domestic) | HGH | Terminal 4 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 319 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | VIP Lounge V25 (Int T4) | HGH | Terminal 4 | International Departure | Air side | Lounge |
| 320 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Building outside the building (T4)-set meal | HGH | Terminal 4 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 321 | Asia | China Mainland | Hangzhou | Xiaoshan International Airport | Laoniangzhu (after T4 security check)-set meal | HGH | Terminal 4 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 322 | Asia | China Mainland | Harbin | Harbin West Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 018 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 323 | Asia | China Mainland | Harbin | Taiping International Airport | VIP Lounge | HRB | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 324 | Asia | China Mainland | Hefei | HeFei Railway Station | DragonPass Anhui Finance VIP Room | 055 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 325 | Asia | China Mainland | Hefei | Hefeinan Railway Station | ICBC lounge | 062 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 326 | Asia | China Mainland | Hefei | Hefeinan Railway Station | Air Rail VIP Lounge | 062 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 327 | Asia | China Mainland | Hefei | Hefeinan Railway Station | Daniang Dumpling - Set Meal | 062 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 328 | Asia | China Mainland | Hefei | Hefeinan Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 062 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 329 | Asia | China Mainland | Hefei | Hefeinan Railway Station | Hui Wei Duck Blood Vermicelli Soup-set meal | 062 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 330 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | CIP Lounge | HFE | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 331 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Dio Coffee - Set Meal | HFE | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 332 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Dio Coffee - Set Meal | HFE | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 333 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Gll Wonton - Set Meal | HFE | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 334 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Pacific Coffee - Set Meal | HFE | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 335 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Business VIP Lounge | HFE | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 336 | Asia | China Mainland | Hefei | Xinqiao International Airport | Sleeping in Airport Hotel (T1 Dom) | HFE | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 337 | Asia | China Mainland | Hengyang | Hengshan West Railway Station | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | 65824 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 338 | Asia | China Mainland | Hengyang | Hengyang Airport | First Class Lounge | HNY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 339 | Asia | China Mainland | Hengyang | Hengyang East Railway Station | Business Class Lounge | HY3 | | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 340 | Asia | China Mainland | Hengyang | Hengyang East Railway Station | Sunhwa Duck Egg Noodle-set meal | HY3 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 341 | Asia | China Mainland | Hengyang | Leiyang West Railway Station | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | LYX01 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 342 | Asia | China Mainland | Hohhot | Baita International Airport | First Class Lounge No.3 | HET | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 343 | Asia | China Mainland | Hohhot | Baita International Airport | Mengjing Yixing Reception Counter | HET | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 344 | Asia | China Mainland | Hohhot | Baita International Airport | First Class No.4 Lounge(Domestic) | HET | T2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 345 | Asia | China Mainland | Hohhot | Baita International Airport | First Class Lounge | HET | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 346 | Asia | China Mainland | Hohhot | Baita International Airport | Viojoy Restaurant - Set Meal | HET | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 347 | Asia | China Mainland | Hohhot | Hohhot East Railway Station | DragonPass Rest Bar | NH1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 348 | Asia | China Mainland | Hohhot | Hohhot Railway Station | Business Class Lounge | HEHT | | | Air side | Lounge |
| 349 | Asia | China Mainland | Honghe Hani y Yi Prefectura Autónoma | Kai Yuan South Station | Business Class waiting area | KYN01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 350 | Asia | China Mainland | Honghe Hani y Yi Prefectura Autónoma | Red River Station | Business Class waiting area | 53354 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 351 | Asia | China Mainland | Hotan | Hotan Airport | First and Business Class Lounge | HTN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 352 | Asia | China Mainland | Huai'an | Lianshui Airport | First Class Lounge | HIA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 353 | Asia | China Mainland | Huangshan | Huangshan North Railway Station | DragonPass Anhui Finance VIP Room | HS3 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 354 | Asia | China Mainland | Huangshan | Tunxi International Airport | First Class Lounge | TXN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 355 | Asia | China Mainland | Huizhou | Huizhou Pingtan Airport | Business Lounge | HUZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 356 | Asia | China Mainland | Huizhou | HuiZhouNan Zhan | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | HZ5 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 357 | Asia | China Mainland | Hulunbuir | Hailar Airport | First Class Lounge | HLD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 358 | Asia | China Mainland | Huzhou City | De Qing Station | VIP Hall of Air Rail Alliance | 31724 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 359 | Asia | China Mainland | Huzhou City | HuZhouZhan | LongXiang Vip Lounge | HZ002 | | | Air side | Lounge |
| 360 | Asia | China Mainland | Huzhou City | HuZhouZhan | Lao Niang Wu-set meal | HZ002 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 361 | Asia | China Mainland | Ili Kazakh Prefecture Autónoma | Yining Airport | First and Business Class Lounge | YIN | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 362 | Asia | China Mainland | Ji'An | Ji'An/Jing Gang Shan Airport | First Class Lounge | JGS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 363 | Asia | China Mainland | Jiamusi | Jiamusi Airport | Domestic First Class Lounge | JMU | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 364 | Asia | China Mainland | Jiangmen | Jiangmen Railway Station | Dicos - Set Meal | JMZ1 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 365 | Asia | China Mainland | Jieyang | Chaoshan Airport | China Southern Sky Pearl Club | SWA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 366 | Asia | China Mainland | Jieyang | Chaoshan Airport | First Class Lounge | SWA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 367 | Asia | China Mainland | Jieyang | Chaoshan Airport | First Class Lounge 2 | SWA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 368 | Asia | China Mainland | Jilin | ChangBai Mountain Station | Business seat waiting area | CBS01 | | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 369 | Asia | China Mainland | Jilin | Jilin Railway Station | Business Class Lounge | 63059 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 370 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Jinan Railway Station | Mr Li Beef Noodles King-Set meal | JN1 | | | Air side | Set Meal |
| 371 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Jinan Railway Station | Business Class Lounge | JN1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-------------|---------------------------------|-------------------------------|-----------|---------------|--------------------|------------|----------|
| 372 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Jinan Railway Station | Dicos - Set Meal | JN1 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 373 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Jinan West Railway Station | Business Class Lounge | 067 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 374 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Jinan West Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 067 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 375 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Yaoqiang International Airport | First Class Lounge No.5 | TNA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 376 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Yaoqiang International Airport | No.1 First Class Lounge | TNA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 377 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Yaoqiang International Airport | VIP area C | TNA | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 378 | Asia | China Mainland | Ji'nan | Yaoqiang International Airport | Laobian Dumplings - Set Meal | TNA | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 379 | Asia | China Mainland | Jincheng | Jichen East Railway Station | Business VIP Lounge | JCD01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 380 | Asia | China Mainland | Jingdezheng | Luojia Airport | First Class Lounge | JDZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 381 | Asia | China Mainland | Jingzhou | Jingzhou Railway Station | JingZhou VIP Club | JZ1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 382 | Asia | China Mainland | Ji'ning | Qufu Airport | First Class Lounge | JNG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 383 | Asia | China Mainland | Ji'ning | Qufu East Railway Station | Business Class Lounge | QFD | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 384 | Asia | China Mainland | Jinzhou | Jinzhouwan Airport | First Class Lounge | JNZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 385 | Asia | China Mainland | Jiuzhaigou | Huanglong Airport | Business VIP Lounge | JZH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 386 | Asia | China Mainland | Kaifeng | KaiFengZhan | KaiFeng Station VIP Lounge | 38774 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 387 | Asia | China Mainland | Karamay | Karamay Airport | Passenger Lounge(Dom) | KRY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 388 | Asia | China Mainland | Kashgar | Kashgar Airport | First Class Lounge | KHG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 389 | Asia | China Mainland | Kashgar | Shache Airport | First Class Lounge(Dom) | QSZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 390 | Asia | China Mainland | Korla | Korla Airport | First & Business Class Lounge | KRL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 391 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | First Class Lounge V6 | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 392 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | Lucky Air VIP Lounge | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------------------|--|--|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 393 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | First Class Lounge V17 | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 394 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | First Class Counter F01 | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 395 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | First Class Counter F02 | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 396 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | Qiao Xiang Yuan-Yunnan Crossing Bridge Rice Noodles-set meal | KMG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 397 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | KunMing Airline V19 Lounge | KMG | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 398 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | KunMing Airline V20 Lounge | KMG | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 399 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | Set Meal-Peninsula Restaurant | KMG | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 400 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | Set Meal-Qiaoxiangyuan-Yunnan Noodles (Gate 55) | KMG | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 401 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | International First Class Lounge V1 | KMG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 402 | Asia | China Mainland | Kunming | Changshui International Airport | Yunnan Ethnic Cuisine - Set Meal | KMG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 403 | Asia | China Mainland | Kunming | Kunming Railway Station | Business Class Lounge | KM1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 404 | Asia | China Mainland | Kuqa | Kuqa Airport | Two Cabins Gold and Silver Card Lounge (Domestic) | KCA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 405 | Asia | China Mainland | La ciudad de Bozhou | Bozhou South Railway Station | DragonPass Anhui Finance VIP Room | HZN01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 406 | Asia | China Mainland | La ciudad de Suzhou | Suzhou East Railway Station | DragonPass Anhui Finance VIP Room | SZD01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 407 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Lanzhou Zhongchuan Airport Railway Station | Tong Cheng Travel VIP Lounge | LLZ01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 408 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Lanzhouxi Railway Station | Dicos - Set Meal | 061 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 409 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Zhongchuan Airport | First Class Lounge | LHW | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 410 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Zhongchuan Airport | Oriental Palace Beef Noodles - Set Meal | LHW | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-------------|-----------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 411 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Zhongchuan Airport | Lanzhou Famous Snack - Set Meal | LHW | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 412 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Zhongchuan Airport | Sleeping in Airport Hotel (T2 Dom) | LHW | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 413 | Asia | China Mainland | Lanzhou | Zhongchuan Airport | T2 First Class Lounge(Domestic) | LHW | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 414 | Asia | China Mainland | Lhasa | Gonggar Airport | First Class Lounge | LXA | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 415 | Asia | China Mainland | Lianyungang | Baitabu Airport | First class lounge | LYG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 416 | Asia | China Mainland | Lijiang | Lijiang Station | CHUM VIP Lounge | LHM1 | Main Terminal | | Air side | Lounge |
| 417 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | Best VIP Reception Counter | LJG | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 418 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | Best Business VIP Lounge | LJG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 419 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | First Class Lounge | LJG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 420 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | International First Class Lounge | LJG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 421 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | International First Class Lounge No. 2 | LJG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 422 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | Seine Left Bank-set meal | LJG | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 423 | Asia | China Mainland | Lijiang | Sanyi Airport | First Class Lounge 2 (T2 Dom) | LJG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 424 | Asia | China Mainland | Linfen | Linfen Yaodu Airport | VIP Lounge | LFQ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 425 | Asia | China Mainland | Linyi | Linyi North Railway Station | Mr Li Beef Noodles King-Set Meal | 38091 | | | Air side | Set Meal |
| 426 | Asia | China Mainland | Linyi | Linyi North Railway Station | Business Travel Service Center | 38091 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 427 | Asia | China Mainland | Linyi | Shubuling Airport | Yi Xing Business First Class Lounge | LYI | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 428 | Asia | China Mainland | Liuzhou | Bailian Airport | No.1 First Class Lounge | LZH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 429 | Asia | China Mainland | Longyan | Liancheng Airport | No.1 Lounge | LCX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 430 | Asia | China Mainland | Luoyang | Luoyang Airport | Kuanzhai Cuisine - Set Meal | LYA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 431 | Asia | China Mainland | Luoyang | Luoyang Longmen | VIP Room | 39053 | | | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|------------|--------------------------------|--|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| | | | | Railway Station | | | | | | |
| 432 | Asia | China Mainland | Mangshi | Mangshi Airport | Best Business VIP Lounge | LUM | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 433 | Asia | China Mainland | Mangshi | Mangshi Airport | Best Business VIP Lounge | LUM | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 434 | Asia | China Mainland | Manzhouli | Manzhouli Airport | VIP Lounge | NZH | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 435 | Asia | China Mainland | Meizhou | Meixian Airport | V09 Easy Boarding lounge | MXZ | Main terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 436 | Asia | China Mainland | Mianyang | Nanjiao Airport | First Class Lounge | MIG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 437 | Asia | China Mainland | Mudanjiang | Hailang Airport | First Class Lounge | MDG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 438 | Asia | China Mainland | Mudanjiang | Hailang Airport | International First Class Lounge | MDG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 439 | Asia | China Mainland | Nanchang | Changbei International Airport | First Class Lounge | KHN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 440 | Asia | China Mainland | Nanchang | Changbei International Airport | CIP Lounge | KHN | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 441 | Asia | China Mainland | Nanchang | Changbei International Airport | Jazz Island Coffee - Set Meal | KHN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 442 | Asia | China Mainland | Nanchang | Changbei International Airport | MiaoXiaoTan - Set Meal | KHN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 443 | Asia | China Mainland | Nanchang | Changbei International Airport | NanXiang XiaoLong-Set meal | KHN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 444 | Asia | China Mainland | Nanchang | Nanchang Railway Station | Business Class Lounge | 25424 | | | Air side | Lounge |
| 445 | Asia | China Mainland | Nanchang | Nanchang Railway Station | Business VIP Lounge | 25424 | Main Terminal | | Air side | Lounge |
| 446 | Asia | China Mainland | Nanchang | Nanchangxi Railway Station | Dio Coffee - Set Meal | 026 | Main Terminal | | Air side | Set Meal |
| 447 | Asia | China Mainland | Nanchang | Nanchangxi Railway Station | Business VIP Lounge | 026 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 448 | Asia | China Mainland | Nanchong | Nanchong North Railway Station | Chuan Bei Jerry - Set Meal | NCBZ | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 449 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Yuexing Counter | NKG | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 450 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | V9 Business Lounge | NKG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 451 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Fuchun Tea Club&Qinhuai Snack - Set Meal | NKG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|-------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 452 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Yadeaber - Set Meal | NKG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 453 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Subway - Set Meal | NKG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 454 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | V6 Business Lounge | NKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 455 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Yuet counter | NKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 456 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Confucius Temple Snack - Set meal | NKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 457 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Duck De Burger (T2)-set meal | NKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 458 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | Subway - Set Meal | NKG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 459 | Asia | China Mainland | Nanjing | Lukou International Airport | V7 International First Class Lounge | NKG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 460 | Asia | China Mainland | Nanjing | Nanjing Railway Station | Yonghe King - Set Meal | NJ1 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 461 | Asia | China Mainland | Nanjing | Nanjing South Railway Station | UFF - Set Meal | 052 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 462 | Asia | China Mainland | Nanjing | Nanjing South Railway Station | Airport and high-speed train waiting hall | 052 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 463 | Asia | China Mainland | Nanjing | Nanjing South Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 052 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 464 | Asia | China Mainland | Nanning | Nanningdong Railway Station | Three Product King - Set Meal | 106 | Main Building | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 465 | Asia | China Mainland | Nanning | Nanningdong Railway Station | True Kung Fu-set meal | 106 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 466 | Asia | China Mainland | Nanning | Nanningdong Railway Station | True Kung Fu (Second Store)-set meal | 106 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 467 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | International First Class Lounge 2 | NNG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 468 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | First Class Lounge | NNG | T2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 469 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | First Class Lounge 2 | NNG | T2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 470 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | First Class Lounge 3 | NNG | T2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|--|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 471 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | Dicos - Set Meal | NNG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 472 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | Memory Noodles - Set Meal | NNG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 473 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | Memory Noodles - Set Meal | NNG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 474 | Asia | China Mainland | Nanning | Wuxu International Airport | Memory Noodles - Set Meal | NNG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 475 | Asia | China Mainland | Nantong | Nantong Airport | First Class Lounge | NTG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 476 | Asia | China Mainland | Nantong | Nantong Airport | Old Mother's Uncle-set meal | NTG | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 477 | Asia | China Mainland | Nanyang | Nanyang Airport | Business Lounge | NNY | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 478 | Asia | China Mainland | Neijiang | Neijiang Railway Station | Dicos - Set Meal | 035 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 479 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | First Class Lounge No. 3(T2 Domestic) | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 480 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | Business Lounge | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 481 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | First Class Lounge | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 482 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | Business Easy Boarding | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 483 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | Ningbo Famous Snack - Set Meal | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 484 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | Shejianjian Lanzhou Noodles - Set Meal | NGB | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 485 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | First Class Lounge | NGB | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 486 | Asia | China Mainland | Ningbo | Lishe International Airport | Wang Su Yuan-set meal | NGB | Terminal 2 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 487 | Asia | China Mainland | Ningbo | Ningbo Railway Station | Agricultural Bank of China VIP Hall | 048 | | | Air side | Lounge |
| 488 | Asia | China Mainland | Ningbo | Ningbo Railway Station | UFF - Set Meal | 048 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 489 | Asia | China Mainland | Ningbo | Ningbo Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 048 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 490 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Tasty - Set Meal | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|--|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 491 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Tsingtao - Set Meal | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 492 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Chuang - Set Meal | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 493 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Starfish Hotel Qingdao Intl. Airport | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 494 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Tim Hortons - Set Meal | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 495 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Chongqing Noodle - Set meal | TAO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 496 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Ziyue-Qingdao Famous Snacks (Qingdao Food Street)-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 497 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Strawbale Bun Shop (Qingdao Food Street)-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 498 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Geng Huanxi Chopped Pepper Rice Company (Qingdao Food Street)-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 499 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Qiao Xiang Yuan (Qingdao Food Street)-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 500 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | AFS Ivors (Western-style simple food)-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 501 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Laoshan Cultural Travel Experience Store-set meal | TAO | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 502 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Jiaodong International Airport | Plaza Premium Lounge (Domestic Departures) | TAO | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 503 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao North Railway Station | Business Travel Service Center | 069 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 504 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdao Railway Station | Business Class Lounge | QD1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 505 | Asia | China Mainland | Qingdao | Qingdaoxi Railway Station | Business Class Waiting Room | 17882 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 506 | Asia | China Mainland | Qingyan | Qingyang Airport | VIP Lounge No.3 | IQN | Main terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|---------------------------------------|--|-----------|----------------|-------------------------|------------|----------|
| 507 | Asia | China Mainland | Qingyang | Qingyang Railway Station | Business Class Lounge | QYZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 508 | Asia | China Mainland | Quanzhou | Jinjiang International Airport | First Class Lounge | JJN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 509 | Asia | China Mainland | Quzhou | Quzhou Airport | First Class Lounge | JUZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 510 | Asia | China Mainland | Rizhao | Rizhao West Railway Station | Business Travel Service Center | 38138 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 511 | Asia | China Mainland | Rizhao | Rizhao-Shanzihe International Airport | First Class Lounge | RIZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 512 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Gongxiao Canteen - Set Meal | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 513 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Feng Noodles - Set Meal | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 514 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Fengyingtai - Set Meal | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 515 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Gourmet Street - Set Meal | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 516 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Ctrip VIP Lounge(T1 Domestic) | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 517 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | V1 First class lounge(T1 Domestic) | SYX | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 518 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Xiao Fu Wang-GlobalBibimbap Institute - Set Meal | SYX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 519 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | Gourmet Street - Set Meal | SYX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 520 | Asia | China Mainland | Sanya | Phoenix International Airport | V2 First Class Lounge | SYX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 521 | Asia | China Mainland | Sanya | Sanya Railway Station | YangFan YiJia - Set Meal | 012 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 522 | Asia | China Mainland | Shanghai | Hongqiao International Airport | Reception Area Gate 6 | SHA | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 523 | Asia | China Mainland | Shanghai | Hongqiao International Airport | V03 VIP Lounge | SHA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 524 | Asia | China Mainland | Shanghai | Hongqiao International Airport | First Class Lounge V1 (T2 - Dom) | SHA | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 525 | Asia | China Mainland | Shanghai | Hongqiao International Airport | China Southern Airlines VIP Lounge V26 | SHA | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 526 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | Ruyi Wonton - Set Meal | PVG | Satellite Term | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-----------------------------------|--|-----------|-----------------------|-------------------------|------------|----------|
| | | | | | | | inal S1 | | | |
| 527 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | Carl's Jr. - Set Meal | PVG | Satellite Terminal S1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 528 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | Sue Noodles Mill - Set Meal | PVG | Satellite Terminal S1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 529 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | VIP Lounge No.190 (Domestic Departure - Satellite Terminal S2) | PVG | Satellite Terminal S2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 530 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | First Class Lounge No.9 | PVG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 531 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPESTAR - Set Meal | PVG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 532 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPESTAR - Set Meal | PVG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 533 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | VIP Lounge No.120 (S1 Dom) | PVG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 534 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | First Class Lounge No.37 | PVG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 535 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPE STAR - Set Meal | PVG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 536 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | Kangshifu House Beef Noodles - Set Meal | PVG | Terminal 2 | Domestic Arrival | Landside | Set Meal |
| 537 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | First Class Lounge No.73 | PVG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 538 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPE KAWEN - Set Meal | PVG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 539 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPE STAR - Set Meal | PVG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 540 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | VIP Lounge No.69 | PVG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 541 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPE KAWEN - Set Meal | PVG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 542 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | HOPE KAWEN - Set Meal | PVG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 543 | Asia | China Mainland | Shanghai | Pudong International Airport | VIP Lounge No.170 (S2 Intl) | PVG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 544 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | UFF - Set Meal | 045 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-----------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 545 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Gli Wonton - Set Meal | 045 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 546 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Kangshifu House Beef Noodles - Set Meal | 045 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 547 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Kungfu - set meal | 045 | Main Building | | Air side | Set Meal |
| 548 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 045 | Main Terminal | | Air side | Set Meal |
| 549 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Gli Wonton - Set Meal | 045 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 550 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Hongqiao Railway Station | Tex-Mex-set meal | 045 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 551 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Railway Station | Gli Wonton - Set Meal | 014 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 552 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Railway Station | Kungfu - Set Meal | 014 | Main Building | | Landside | Set Meal |
| 553 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Railway Station | Business Lounge | 38702 | | | Air side | Lounge |
| 554 | Asia | China Mainland | Shanghai | Shanghai Sanqingshan Airport | First Class Lounge | SQD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 555 | Asia | China Mainland | Shenyang | Shenyang North Railway Station | Business Class Lounge | 024 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 556 | Asia | China Mainland | Shenyang | Shenyang North Railway Station | Kungfu - Set Meal | 024 | Main Building | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 557 | Asia | China Mainland | Shenyang | Shenyang Railway Station | Business Class Lounge | 53876 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 558 | Asia | China Mainland | Shenyang | Shenyang South Railway Station | Business Class Lounge | SY7 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 559 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | First Class Lounge | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 560 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | Easy-boarding VIP Reception Center | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 561 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | No.3 First Class Lounge (Terminal 3) | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 562 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | Service Centre | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-------------------------------|---|-----------|--------------------|-------------------------|------------|----------|
| 563 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | Laobian Dumplings - Set Meal | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 564 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | South-R/North-N-Set meal | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 565 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | South F. North N. - Set Meal | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 566 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | Minjeong Restaurant - Set Meal | SHE | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 567 | Asia | China Mainland | Shenyang | Taoxian International Airport | International First Class Lounge | SHE | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 568 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Jiang Shan Restaurant - Set Meal | SZX | Satellite Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 569 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | A Bite of Lanzhou Beef Noodles - Set Meal | SZX | Satellite Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 570 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Lu Ji - Set Meal | SZX | Satellite Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 571 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Pancake&Tea - Set Meal | SZX | Satellite Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 572 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | China Southern Sky Pearl Club VIP | SZX | Satellite Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 573 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | China Southern Airlines Gold & Silver Member Lounge | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 574 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Business VIP Lounge | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 575 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | JOYEE Reception Counter | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Land side | Lounge |
| 576 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | China Southern Sky Pearl Club V2 | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 577 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Du Hsiao Yueh Restaurant - Set Meal | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 578 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Shenzhen Airport domestic VIP lounge 3(T3 - Intl) | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 579 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Tsui Wah Restaurant - Set Meal | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 580 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Family Li Imperial Cuisine - Set Meal | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 581 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Caffè MARYLING - Set Meal | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------------|---------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 582 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | VIP Service domestic Lounge 2 | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 583 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Set Meal-Wei Zhi Zang | SZX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 584 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | International Business VIP Lounge | SZX | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 585 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | JOYEE International Business Class Lounge | SZX | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 586 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Pancake Language Tea (T3)-set meal | SZX | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 587 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Baoan International Airport | Peninsula Cuisine-set meal | SZX | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 588 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Shenzhen North Railway Station | ShuYi ShaoXianCao- Set meal | 006 | | | Air side | Set Meal |
| 589 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Shenzhen North Railway Station | Kungfu - Set Meal | 006 | Main Building | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 590 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Shenzhen North Railway Station | Business VIP Lounge | 006 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 591 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Shenzhen North Railway Station | Texaco (A zone)-set meal | 006 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 592 | Asia | China Mainland | Shenzhen | Shenzhen North Railway Station | Master Kong's Private Beef Noodles (Zone A)-set meal | 006 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 593 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Shijiazhuang Railway Station | Jiahe Yipin - Set Meal | 017 | Main Terminal | | Air side | Set Meal |
| 594 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Shijiazhuang Railway Station | Master Kong chef's table - Set Meal | 017 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 595 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Shijiazhuang Railway Station | Dicos - Set Meal(East area) | 017 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 596 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Zhengding International Airport | First Class Lounge | SJW | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 597 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Zhengding International Airport | Longxing Mansion - Set Meal | SJW | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 598 | Asia | China Mainland | Shijiazhuang | Zhengding International Airport | Bibimbap - Set Meal | SJW | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 599 | Asia | China Mainland | Simao | Puer Railway Station | DragonPass Business Class Lounge | PE | | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------------|------------------------------|---|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 600 | Asia | China Mainland | Suzhou | Suzhou North Railway Station | ChengHui VIP Lounge | 064 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 601 | Asia | China Mainland | Suzhou | Suzhou Railway Station | VIP Waiting Hall | 059 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 602 | Asia | China Mainland | Suzhou | Suzhou Railway Station | Kungfu - Set Meal | 059 | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 603 | Asia | China Mainland | Tacheng | Tacheng Airport | First Class Lounge | TCG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 604 | Asia | China Mainland | Tai'an Ciudad | Taian Railway Station | Business Class Lounge | TAZ01 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 605 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Taiyuannan Railway Station | Business Class waiting room (east entrance) | 063 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 606 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Taiyuannan Railway Station | Business Class waiting room (west entrance) | 063 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 607 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Taiyuannan Railway Station | Dicos - Set Meal | 063 | Main Terminal | | Air side | Set Meal |
| 608 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Wusu International Airport | First Class Lounge | TYN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 609 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Wusu International Airport | Hainan Airlines VIP Lounge | TYN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 610 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Wusu International Airport | First & Business Class Lounge | TYN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 611 | Asia | China Mainland | Taiyuan | Wusu International Airport | First Class Lounge | TYN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 612 | Asia | China Mainland | Taizhou | Luqiao Airport | First Class Lounge | HYN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 613 | Asia | China Mainland | Tangshan | Tangshan Sannuhe Airport | First Class Lounge | TVS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 614 | Asia | China Mainland | Tengchong | Tuofeng Airport | First Class Lounge | TCZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 615 | Asia | China Mainland | Three Gorges | Sanmenxianan Railway Station | Simplesnack | 39047 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 616 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | First Class Lounge | TSN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 617 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | VIP Member Reception Center | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 618 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.13 VIP Lounge | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 619 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.16 VIP Lounge | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 620 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.17 VIP Lounge (T2) | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------------|--------------------|------------|----------|
| 621 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.18 VIP Lounge | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 622 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.20 VIP Lounge | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 623 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | No.10 VIP Lounge | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 624 | Asia | China Mainland | Tianjin | Binhai International Airport | LuGang XiaoZhen(CYT2-14)-Set Meal | TSN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 625 | Asia | China Mainland | Tianjin | Tianjin West Railway Station | Dicos - Set Meal | 013 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 626 | Asia | China Mainland | Tianjin | Tianjin West Railway Station | Kongfu - Set Meal | 013 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 627 | Asia | China Mainland | Tianshui | QinAn Railway Station | VIP Waiting Room | QAZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 628 | Asia | China Mainland | Tongliao | Tongliao Airport | First Class Lounge | TGO | Main terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 629 | Asia | China Mainland | Tongren Prefecture | Tongren Airport | First Class Lounge | TEN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 630 | Asia | China Mainland | Tumxuk | Tumxuk Tangwangcheng Airport | First and Business Class Lounge | TWC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 631 | Asia | China Mainland | Turpan | Turpan North Railway Station | Dicos - Set Meal | 42803 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 632 | Asia | China Mainland | Ulanqab | Ulanqab Railway Station | Joyful Journey Business Class Lounge | WLCB | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 633 | Asia | China Mainland | Ulanqab | Ulanqab Tsining Airport | VIP Lounge | UCB | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 634 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | First Class Lounge | URC | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 635 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Hainan Airlines VIP Lounge | URC | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 636 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Guest Lounge | URC | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 637 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Dicos - Set Meal | URC | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 638 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Mr. Kang Beef Noodles - Set Meal | URC | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 639 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | T2 Business Lounge(Domestic) | URC | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 640 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | VIP Lounge | URC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 641 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Popular Food - Set Meal | URC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|---------|-------------------------------|----------------------------------|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 642 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Dicos - Set Meal | URC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 643 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | Mr. Kang Beef Noodles - Set Meal | URC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 644 | Asia | China Mainland | Urumchi | Diwopu International Airport | T3 Business Lounge(Domestic) | URC | Terminal3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 645 | Asia | China Mainland | Urumchi | Urumqi Railway Station | Multifunctional Rest Bar | WL2 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 646 | Asia | China Mainland | Weifang | Weifang Railway Station | Business Class Lounge | WF1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 647 | Asia | China Mainland | Weihai | Dashuibo Airport | First Class Lounge | WEH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 648 | Asia | China Mainland | Weihai | Dashuibo Airport | First Class Lounge | WEH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 649 | Asia | China Mainland | Weihai | Dashuibo Airport | First Class Lounge | WEH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 650 | Asia | China Mainland | Weihai | Dashuibo Airport | International First Class Lounge | WEH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 651 | Asia | China Mainland | Wenshan | Pu Zhe Hei Railway Station | Business Class Lounge | PZHZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 652 | Asia | China Mainland | Wenzhou | Longwan International Airport | International First Class Lounge | WNZ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 653 | Asia | China Mainland | Wenzhou | Longwan International Airport | First Class VIP Lounge No.1 | WNZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 654 | Asia | China Mainland | Wenzhou | Longwan International Airport | Oriental Palace - Set Meal | WNZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 655 | Asia | China Mainland | Wenzhou | Longwan International Airport | Segafredo - Set Meal | WNZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 656 | Asia | China Mainland | Wenzhou | Wenzhounan Railway Station | VIP Waiting Hall | 068 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 657 | Asia | China Mainland | Wuhai | Wuhai Airport | First Class Lounge | WUA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 658 | Asia | China Mainland | Wuhan | Han Kou Station | Business Seat Service Center | 145 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 659 | Asia | China Mainland | Wuhan | Hanchuan Railway Station | HanChuan VIP Club | HZZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 660 | Asia | China Mainland | Wuhan | Qianjiang Railway Station | QianJiang VIP Club | TQ1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 661 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | First Class Lounge No.6 | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 662 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | First Class Lounge No.8 | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|-------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 663 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | VIP Reception No.1 | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 664 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Hubei Snacks - Set Meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 665 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Ajisen Ramen - Set Meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 666 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Longxing Mansion Beef Noodles - Set Meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 667 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Longxing Mansion Beef Noodles - Set Meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 668 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Annan Beef Noodles (2W2-03)-set meal | WUH | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 669 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | Famous Cuisine - Set Meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 670 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianhe International Airport | KeMing Restaurant-Set meal | WUH | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 671 | Asia | China Mainland | Wuhan | Tianmen South Railway Station | TianMenNan VIP Club | TM1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 672 | Asia | China Mainland | Wuhu | Wuhu Railway Station | UFF - Set Meal | WH2 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 673 | Asia | China Mainland | Wuhu | Wuhu xuancheng Airport | Business VIP Lounge | WHA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 674 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | LiangXi Post Station | WUX | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 675 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | Yu Xing Ji-set meal | WUX | Terminal 1 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 676 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | V1 First Class Lounge | WUX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 677 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | Town God's Temple Snacks - Set Meal | WUX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 678 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | Huangting Wuxi Famous Snack - Set Meal | WUX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 679 | Asia | China Mainland | Wuxi | Sunan International Airport | China Eastern VIP Lounge V3 | WUX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 680 | Asia | China Mainland | Wuyishan | Wuyishan Airport | First Class Lounge | WUS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 681 | Asia | China Mainland | Wuyishan | Wuyishan Airport | International First Class Lounge | WUS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------|-------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 682 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | Premier Lounge | XMN | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 683 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | Guest Lounge | XMN | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 684 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | No.7 International First Class Lounge | XMN | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 685 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | Ji Xiang Wonton-set meal | XMN | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 686 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | First Class Lounge | XMN | Terminal 4 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 687 | Asia | China Mainland | Xiamen | Gaoqi International Airport | Xiamen famous snack - set meal | XMN | Terminal 4 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 688 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xi'an North Railway Station | VIP Lounge | 025 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 689 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Hainan Airlines VIP Lounge | XIY | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 690 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | First Class&VIP Lounge | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 691 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | First Class&VIP Lounge | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 692 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Longxing Mansion - Set Meal | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 693 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Perch Coffee - Set Meal | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 694 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Hainan Airlines VIP Lounge | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 695 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Take a Nap Hourly Charged Lounge | XIY | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 696 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | First Class&VIP Lounge | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 697 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Longxing Mansion - Set Meal | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 698 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Zhongtu Noodle Restaurant - Set Meal | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 699 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Xi'an Famous Snacks - Set Meal | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 700 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | V39 China Eastern Airlines First Class Lounge | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 701 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | Take a nap | XIY | Terminal 3 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 702 | Asia | China Mainland | Xi'an | Xiayang International Airport | International First Class Lounge | XIY | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------|---------------|-------------------------|------------|----------|
| 703 | Asia | China Mainland | XiangYang City | Xiangfan Airport | VIP Lounge | XFN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 704 | Asia | China Mainland | XiangYang City | Xiangfan Airport | Dio Coffee - Set Meal | XFN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 705 | Asia | China Mainland | XiangYang City | Xiangfan Airport | Hubei Famous Snacks - Set Meal | XFN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 706 | Asia | China Mainland | Xiantao | Xiantaoxi Railway Station | XianTaoXi VIP Club | XTXZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 707 | Asia | China Mainland | Xichang | Qingshan Airport | First Class Lounge | XIC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 708 | Asia | China Mainland | Xilinhot | Xilinhot Airport | VIP Reception Center | XIL | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 709 | Asia | China Mainland | Xingyi | Xingyi Airport | First Class Lounge | ACX | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 710 | Asia | China Mainland | Xi'ning | Caojiabu Airport | First Class Lounge | XNN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 711 | Asia | China Mainland | Xinxian | XinXiangDongZhan | Business Lounge | XXD01 | | 国内出发 | Air side | Lounge |
| 712 | Asia | China Mainland | Xishuangbanna | Gasa Airport | First Class Lounge | JHG | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 713 | Asia | China Mainland | Xishuangbanna | Xishuangbanna Railway Station | Business Class Lounge | XSBN | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 714 | Asia | China Mainland | Xuzhou | Guanyin Airport | First Class Lounge | XUZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 715 | Asia | China Mainland | Xuzhou | Guanyin Airport | Relaxations | XUZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 716 | Asia | China Mainland | Xuzhou | Xuzhou East Railway Station | Yonghe King - Set Meal | 065 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 717 | Asia | China Mainland | Yan'an | Ershilipu Airport | First Class Lounge | ENY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 718 | Asia | China Mainland | Yan'an | Ershilipu Airport | First Class Lounge 2 | ENY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 719 | Asia | China Mainland | Yancheng | Nanyang Airport | International First Class Lounge | YNZ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 720 | Asia | China Mainland | Yancheng | Nanyang Airport | First Class Lounge | YNZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 721 | Asia | China Mainland | Yancheng | Yancheng Railway Station | DragonPass Business Class Lounge | 058 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 722 | Asia | China Mainland | Yangzhou | Taizhou Airport | First Class Lounge | YTY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 723 | Asia | China Mainland | Yangzhou | Yangzhou East Railway Station | Daniang Dumpling - Set Meal | 17334 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|----------|--------------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 724 | Asia | China Mainland | Yanji | Chaoyangchuan International Airport | First class lounge | YNJ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 725 | Asia | China Mainland | Yantai | Yantai Penglai International Airport | First Class Lounge (N0.3) | YNT | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 726 | Asia | China Mainland | Yantai | Yantai Penglai International Airport | Kenting coffee - set meal | YNT | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 727 | Asia | China Mainland | Yantai | Yantai Penglai International Airport | Sea Cloud Business Lounge | YNT | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 728 | Asia | China Mainland | Yantai | Yantai Penglai International Airport | International First Class Lounge | YNT | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 729 | Asia | China Mainland | Yantai | Yantai South Railway Station | Dicos - Set Meal | YT5 | | 国内出发 | Air side | Set Meal |
| 730 | Asia | China Mainland | Yibin | Yibin Airport | First Class Lounge | YBP | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 731 | Asia | China Mainland | Yibin | Yibin West Railway Station | Yibin Ranmian - Set Meal | 25881 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 732 | Asia | China Mainland | Yibin | Yibin West Railway Station | Dicos - Set Meal | 25881 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 733 | Asia | China Mainland | Yichang | Sanxia Airport | VIP Reception Center | YIH | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 734 | Asia | China Mainland | Yichang | Sanxia Airport | ShengXiangTing ReLu-Set meal | YIH | T2 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 735 | Asia | China Mainland | Yichang | Zhijiang North Railway Station | Heart to Heart Information | ZJBZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 736 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | International First Class Lounge | INC | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 737 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | First Class Lounge | INC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 738 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | First Class lounge | INC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 739 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | Burger King - Set Meal | INC | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 740 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | South Noodle and North Noodle-set meal | INC | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 741 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Hedong International Airport | Jinwei De. Lanzhou Ramen-Northwest famous snacks-set meal | INC | Terminal 3 | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|--------------|-------------------------------|---|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 742 | Asia | China Mainland | Yinchuan | Yinchuan Railway Station | Business Class Lounge | YC1 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 743 | Asia | China Mainland | Yingkou | Yingkou Lanqi Airport | First Class Lounge | YKH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 744 | Asia | China Mainland | Yingkou | YingKouDon gZhan | Business Lounge | YKDZ1 | | 国内出发 | Air side | Lounge |
| 745 | Asia | China Mainland | Yiwu | Yiwu Airport | First Class Lounge | YIW | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 746 | Asia | China Mainland | Yiwu | Yiwu Airport | First Class Lounge | YIW | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 747 | Asia | China Mainland | Yiwu | Yiwu Airport | Wushang Noodle House - Set Meal | YIW | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 748 | Asia | China Mainland | Yueyang | YueYangDon gZhan | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | YYD01 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 749 | Asia | China Mainland | Yulin | Yuyang Airport | Lanzhou Beef Noodle House-set meal | UYN | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 750 | Asia | China Mainland | Yulin | Yuyang Airport | First Class Lounge | UYN | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 751 | Asia | China Mainland | Yuncheng | Guangong Airport | First Class Lounge | YCU | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 752 | Asia | China Mainland | Yushu | Kunming South Railway Station | Business Class Lounge | 100 | | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 753 | Asia | China Mainland | Yushu | Kunming South Railway Station | Dicos - Set Meal | 100 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 754 | Asia | China Mainland | Yushu | Kunming South Railway Station | Military waiting area and Reserved waiting area | 100 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 755 | Asia | China Mainland | Yushu | Kunming South Railway Station | Business Lounge (Area A) | 100 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 756 | Asia | China Mainland | Yushu | Kunming South Railway Station | Business Lounge (Area B) | 100 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 757 | Asia | China Mainland | Zaozhuan g | Tengzhou East Railway Station | Business Class Lounge | TZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 758 | Asia | China Mainland | Zaozhuan g | Zaozhuang Railway Station | Business Class Lounge | ZZ | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 759 | Asia | China Mainland | Zhangjia jie | Hehua Airport | No.2 First Class Lounge | DYG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 760 | Asia | China Mainland | Zhangjia jie | Hehua Airport | No.5 First Class Lounge | DYG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-----------|--------------------------------|--|-----------|---------------|--------------------------|------------|----------|
| 761 | Asia | China Mainland | Zhanjiang | Potou Airport | First Class Lounge | ZHA | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 762 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Xinzheng International Airport | Joy Boarding First Class Lounge | CGO | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 763 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Xinzheng International Airport | Business Lounge | CGO | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 764 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Xinzheng International Airport | Ermei Shuya Lounge (T2) | CGO | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 765 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Xinzheng International Airport | International First Class Lounge | CGO | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 766 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou East Railway Station | Dicos - Set Meal | 044 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 767 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou East Railway Station | Mr.LEE - Set Meal | 044 | | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 768 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou East Railway Station | DragonPass Zhongyuan Railway Business VIP Hall | 044 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 769 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou East Railway Station | ZhongYuan Railway Business Lounge(1F) | 044 | | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 770 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou East Railway Station | A sour milk cow-set meal | 044 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 771 | Asia | China Mainland | Zhengzhou | Zhengzhou Railway Station | Waiting Lounge | 20750 | | 国内出发 | Air side | Lounge |
| 772 | Asia | China Mainland | Zhoushan | Putuoshan Airport | First Class Lounge | HSN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 773 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Jinwan Airport | First Class Lounge (East Gallery) | ZUH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 774 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Jinwan Airport | First Class Lounge (West Gallery) | ZUH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 775 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Jinwan Airport | Ke Mling Bing Sat - Set Meal | ZUH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 776 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Jinwan Airport | Segafredo - Set Meal | ZUH | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 777 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Jinwan Airport | Longxing Mansion (2E-F-02) - Set Meal | ZUH | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 778 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Zhuhai Railway Station | VIP Lounge | 005 | | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 779 | Asia | China Mainland | Zhuhai | Zhuhai Railway Station | Macau Portuguese Handicraft-set meal | 005 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 780 | Asia | China Mainland | Zhuzhou | ZhuZhouXiZhan | Sunhwa Duck Egg Noodles-set meal | ZA4 | Main Terminal | 国内出发, Domestic Departure | Air side | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------------|-----------|---|---|-----------|--------------------|--|----------------|----------|
| 781 | Asia | China Mainland | Zibo City | Zibo Railway Station | Business Class Lounge | 39474 | | | Air side | Lounge |
| 782 | Asia | China Mainland | Zunyi | Zunyi Station | Dicos - Set Meal | 47339 | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 783 | Asia | China Mainland | Zunyi | Zunyi Xinzhou Airport | Business VIP Lounge | ZYI | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 784 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) Hong Kong Airlines - Club Autus | HKG | Midfield Concourse | International Departure | Air side | Lounge |
| 785 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | test | HKG | T1 | Domestic Arrival, International Arrival | Air side | Set Meal |
| 786 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Lee Fa Yuen Express-Set meal | HKG | Terminal 1 | International Arrival | Landside | Set Meal |
| 787 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Root98 Grab "n' Go - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Set Meal |
| 788 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Tai Hing Landside - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Arrival, International Departure | Arrival - Area | Set Meal |
| 789 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Plaza Premium Lounge (Gate 1) | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 790 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Plaza Premium Lounge (Gate 35) | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 791 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) Hungry Korean - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 792 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) The Flight Deck - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 793 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) Chee Kei - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 794 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) BITE&BITE with LINE FRIENDS - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 795 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | Plaza Premium Lounge (Gate 60) | HKG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 796 | Asia | Hong Kong | Hong Kong | Hong Kong International Airport | (Temporarily closed) Baikohken - Set Meal | HKG | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 797 | Asia | India | Ahmedabad | Sardar Vallabh Bhai Patel International Airport | The Lounge | AMD | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 798 | Asia | India | Amritsar | Sri Guru Ram Dass Jee International Airport | Primus Lounge | ATQ | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|---------|-------------|--|---|-----------|------------------------|-------------------------|------------|--------|
| 799 | Asia | India | Bangalore | Kempegowda International Airport | 080 International Lounge | BLR | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 800 | Asia | India | Bangalore | Kempegowda International Airport | 080 Domestic Lounge | BLR | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 801 | Asia | India | Bangalore | Kempegowda International Airport | 080 Lounge (Domestic T2) | BLR | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 802 | Asia | India | Bhubaneswar | Biju Patnaik Airport | Bird Lounge | BBI | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 803 | Asia | India | Calicut | Calicut International Airport | Bird Lounge | CCJ | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 804 | Asia | India | Chennai | Chennai International Airport | Travel Club Lounge 2 (Domestic Terminal) | MAA | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 805 | Asia | India | Chennai | Chennai International Airport | Travel Club Lounge 1 (Old International Terminal) | MAA | International Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 806 | Asia | India | Chennai | Chennai International Airport | Travel Club Lounge 2 (Old International Terminal) | MAA | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 807 | Asia | India | Chennai | Chennai International Airport | Travel Club Lounge 1 (Domestic Terminal) | MAA | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 808 | Asia | India | Chennai | Chennai International Airport | Travel Club Lounge | MAA | Terminal 4 | International Departure | Landside | Lounge |
| 809 | Asia | India | Cochin | Cochin International Airport | Earth Lounge | COK | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 810 | Asia | India | Cochin | Cochin International Airport | Earth Lounge | COK | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 811 | Asia | India | Dehradun | Dehradun Jolly Grant Airport | Bird Lounge | DED | Domestic Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 812 | Asia | India | Goa | Goa Dabolim International Airport | Good Times Lounge | GOI | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 813 | Asia | India | Guwahati | Lokpriya Gopinath Bordoloi International Airport | Primus Lounge | GAU | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 814 | Asia | India | Hyderabad | Rajiv Gandhi International Airport | Encalm Lounge (Domestic) | HYD | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|---------|-----------|--|------------------------------------|-----------|------------------------|---|------------|--------|
| 815 | Asia | India | Hyderabad | Rajiv Gandhi International Airport | Encalm Lounge (International) | HYD | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 816 | Asia | India | Indore | Devi Ahilyabai Holkar Airport | Primus Lounge | IDR | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 817 | Asia | India | Jaipur | Jaipur International Airport | Primus Lounge | JAI | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 818 | Asia | India | Kannur | Kannur International Airport | Pearl Lounge | CNN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 819 | Asia | India | Kannur | Kannur International Airport | Pearl Lounge | CNN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 820 | Asia | India | Kolkata | Netaji Subhas Chandra Bose International Airport | Travel Club Lounge - Dom | CCU | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 821 | Asia | India | Kolkata | Netaji Subhas Chandra Bose International Airport | Travel Club Lounge (Intl) | CCU | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 822 | Asia | India | Madurai | Madurai Airport | Primus Lounge | IXM | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 823 | Asia | India | Mumbai | Chhatrapati Shivaji International Airport | Oasis Lounge | BOM | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 824 | Asia | India | Mumbai | Chhatrapati Shivaji International Airport | Travel Club (Domestic Terminal 1C) | BOM | Terminal 1C | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 825 | Asia | India | Mumbai | Chhatrapati Shivaji International Airport | Adani Lounge | BOM | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 826 | Asia | India | Mumbai | Chhatrapati Shivaji International Airport | Aviserv Lounge | BOM | Terminal 2 | International Arrival | Air side | Lounge |
| 827 | Asia | India | Mumbai | Chhatrapati Shivaji International Airport | Loyalty Lounge | BOM | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 828 | Asia | India | Nagpur | Dr. Ambedkar International Airport | Mandarin Lounge | NAG | Domestic Departure | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 829 | Asia | India | New Delhi | Indira Gandhi International Airport | Encalm Lounge (Domestic T1D) | DEL | Terminal 1D | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 830 | Asia | India | New Delhi | Indira Gandhi International Airport | Encalm Lounge (Domestic T3) | DEL | Terminal 3 | Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 831 | Asia | India | New Delhi | Indira Gandhi International Airport | Encalm Lounge (International T3) | DEL | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|-----------|---------------|---|--|-----------|-----------------------------|---|------------|----------|
| 832 | Asia | India | Pune | Pune International Airport | Earth Lounge | PNQ | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 833 | Asia | India | Trivandrum | Trivandrum International Airport | Bird Lounge | TRV | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 834 | Asia | India | Vadodra | Civil Airport Harni | Premium Lounge | BDQ | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 835 | Asia | Indonesia | Bandung | Husein Sastranegara International Airport | Saphire Blue Sky Lounge | BDO | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 836 | Asia | Indonesia | Bangka Island | Depati Amir Airport | Saphire Blue Sky Lounge | PGK | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 837 | Asia | Indonesia | Jakarta | Halim Perdanakusuma International Airport | Saphire PremiAir Executive Lounge | HLP | Departure Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 838 | Asia | Indonesia | Jakarta | Soekarno-Hatta International Airport | Saphire Blue Sky Lounge (Domestic T3 - Gate 13) | CGK | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 839 | Asia | Indonesia | Jakarta | Soekarno-Hatta International Airport | Plaza Premium Lounge (Gate7) | CGK | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 840 | Asia | Indonesia | Jakarta | Soekarno-Hatta International Airport | Saphire Blue Sky Lounge (T3 Domestic - Gate No.18) | CGK | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 841 | Asia | Indonesia | Jambi | Sultan Thaha Airport | Saphire Lounge | DJB | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 842 | Asia | Indonesia | Medan | Kualanamu International Airport | Saphire Mandai Executive Lounge (International) | KNO | International Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 843 | Asia | Indonesia | Medan | Kualanamu International Airport | Saphire Blue Sky Premier Lounge (Domestic) | KNO | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 844 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | 豚そば 月や-Setmeal | FUK | Domestic passenger terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 845 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | HAKATA洋膳屋 (ROYAL)-Set meal | FUK | Domestic passenger terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 846 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | 黄金色の豚 (ROYAL)- Set meal | FUK | Domestic passenger terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|---------|-----------|---|---------------------------------------|-----------|-----------------------------|---|------------|----------|
| 847 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | Lounge TIME/North | FUK | Domestic passenger terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 848 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | Lounge TIME/South | FUK | Domestic passenger terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 849 | Asia | Japan | Fukuoka | Fukuoka Airport | 那の福 (ROYAL)- Set meal | FUK | Domestic passenger terminal | International Departure | Landside | Set Meal |
| 850 | Asia | Japan | Hiroshima | Hiroshima Airport | Royal Host-Set meal | HIJ | Passenger Terminal | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 851 | Asia | Japan | Kagoshima | Kagoshima Airport | Royal Host - Set Meal | KOJ | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 852 | Asia | Japan | Nagoya | Nagoya Chubu Centrair International Airport | Ethan Stowell PIZZA & PASTA -Set meal | NGO | Flight of Dreams | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 853 | Asia | Japan | Nagoya | Nagoya Chubu Centrair International Airport | Beecher's Handmade Cheese-Set meal | NGO | Flight of Dreams | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 854 | Asia | Japan | Nagoya | Nagoya Chubu Centrair International Airport | Umizen Sorazen-Set meal | NGO | Terminal 1 | International Departure | Airside | Set Meal |
| 855 | Asia | Japan | Naha | Naha Airport | Lounge Hana | OKA | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 856 | Asia | Japan | Naha | Naha Airport | Royal Host - Set Meal | OKA | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 857 | Asia | Japan | Osaka | Kansai International Airport | Card Members Lounge ANEX | KIX | Terminal 1 | Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 858 | Asia | Japan | Osaka | Kansai International Airport | Card Members Lounge Rokko | KIX | Terminal 1 | Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 859 | Asia | Japan | Osaka | Kansai International Airport | Cardmembers lounge | KIX | Terminal 1 | Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 860 | Asia | Japan | Osaka | Kansai International Airport | KIX NORTH LOUNGE | KIX | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 861 | Asia | Japan | Osaka | Osaka-Itami International Airport | 名代とんかつかつくら-Set meal | ITM | Main Terminal | Domestic Arrival | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|---------|---------|------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------------------------------|--|------------|----------|
| 862 | Asia | Japan | Osaka | Osaka-Itami International Airport | TULLY'S COFFEE-Set meal | ITM | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Landside | Set Meal |
| 863 | Asia | Japan | Osaka | Osaka-Itami International Airport | NICK STOCK COFFEE- Set meal | ITM | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Set Meal |
| 864 | Asia | Japan | Sapporo | New Chitose Airport | North Lounge | CTS | International Passenger terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 865 | Asia | Japan | Sapporo | New Chitose Airport | Royal - Set Meal | CTS | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 866 | Asia | Japan | Tokyo | Narita International Airport | IASS Executive Lounge | NRT | Terminal 1 | International Departure | Landside | Lounge |
| 867 | Asia | Japan | Tokyo | Narita International Airport | IASS Executive Lounge | NRT | Terminal 2 | International Departure | Landside | Lounge |
| 868 | Asia | Japan | Tokyo | Narita International Airport | MISO KITCHEN - Set meal | NRT | Terminal 2 | International Departure | Airside | Set Meal |
| 869 | Asia | Japan | Tokyo | Narita International Airport | AVION (T2) - Set meal | NRT | Terminal 2 | International Departure | Airside | Set Meal |
| 870 | Asia | Japan | Tokyo | Shinjuku | Isetan Dining - Set Meal | JR1 | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 871 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | LDH kitchen - Set meal | HND | Terminal 1 | Domestic Arrival, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 872 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | POWER LOUNGE SOUTH | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 873 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | POWER LOUNGE NORTH (T1) | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 874 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | POWER LOUNGE CENTRAL(T1) | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 875 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Kyozen - Set Meal | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 876 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Saihou - Set Meal | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 877 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Hitoshinaya - Set Meal | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|------------|---------------|--|------------------------------|-----------|---------------|--|------------|----------|
| 878 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Le Ciel - Set Meal | HND | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 879 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | 黄金色の豚 - Set Meal | HND | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Landside | Set Meal |
| 880 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Royal Host - Set Meal | HND | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 881 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | POWER LOUNGE NORTH (T2) | HND | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 882 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | AIRPORT LOUNGE (South) | HND | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 883 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | POWER LOUNGE CENTRAL(T2) | HND | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 884 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Grill and Bar - Set Meal | HND | Terminal 2 | Domestic Departure, International Departure | Landside | Set Meal |
| 885 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | Tail Wind - Set Meal | HND | Terminal 3 | International Departure | Landside | Set Meal |
| 886 | Asia | Japan | Tokyo | Tokyo Haneda International Airport | TIAT LOUNGE | HND | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 887 | Asia | Kazakhstan | Almaty | Almaty Airport | Business Lounge | ALA | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 888 | Asia | Kazakhstan | Karagandy | Sary-Arka Airport | CIP Lounge | KGF | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 889 | Asia | Kazakhstan | Nur-Sultan | Nursultan Nazarbayev International Airport | Lounge Bar | NQZ | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 890 | Asia | Kazakhstan | Nur-Sultan | Nursultan Nazarbayev International Airport | Shanyrak Business Lounge | NQZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 891 | Asia | Kazakhstan | Nur-Sultan | Nursultan Nazarbayev International Airport | Sapar Lounge (Dom) | NQZ | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 892 | Asia | Kyrgyzstan | Bishkek | Manas International Airport | Business Lounge | FRU | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 893 | Asia | Laos | Luang Prabang | Luang Prabang Airport | (Temporarily closed) Bangkok | LPQ | International | International Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------|--------------|------------------------------------|---|-----------|------------------------|--|------------|----------|
| | | | | | Airways Luang Prabang Lounge | | Terminal | | | |
| 894 | Asia | Macau | Macau | Macau International Airport | Plaza Premium Lounge | MFM | International Terminal | Domestic Departure, International Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 895 | Asia | Malaysia | George Town | Penang International Airport | Plaza Premium Lounge (Domestic) | PEN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 896 | Asia | Malaysia | George Town | Penang International Airport | Plaza Premium Lounge (Int'l) | PEN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 897 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Plaza Premium Lounge | KUL | KLIA | International Departure | Air side | Lounge |
| 898 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Sama Sama Express | KUL | KLIA | International Departure | Air side | Lounge |
| 899 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Plaza Premium Lounge (International Departures, Contact Pier) | KUL | KLIA | International Departure | Air side | Lounge |
| 900 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Sphere Lounge - Set Meal | KUL | KLIA | International Departure, International Arrival | Landside | Set Meal |
| 901 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | (Temporarily closed) The Bar - Set Meal | KUL | KLIA 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 902 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Plaza Premium Lounge (Level 2M) | KUL | KLIA 2 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 903 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Sky Suite Lounge | KUL | KLIA 2 | Domestic Departure, International Departure | Landside | Lounge |
| 904 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (Level 2) | KUL | KLIA 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 905 | Asia | Malaysia | Kuala Lumpur | Kuala Lumpur International Airport | Flight Club Grab N' Go (KLIA2) - Set Meal | KUL | KLIA 2 | International Departure | Landside | Set Meal |
| 906 | Asia | Malaysia | Langkawi | Langkawi International Airport | Plaza Premium Lounge | LGK | International Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 907 | Asia | Malaysia | Subang Jaya | Sultan Abdul Aziz Shah Airport | Sky Lounge | SZB | Skypark Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 908 | Asia | Maldives | Dharavandhoo | Dharavandhoo Airport | Kashimaa Lounge | DRV | Domestic | Domestic Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|----------|------------|------------------------------------|---------------------------|-----------|-------------------------|--|------------|----------|
| | | | | | | | Terminal | | | |
| 909 | Asia | Maldives | Hanimadhoo | Hanimadhoo International Airport | Kashimaa Lounge | HAQ | Domestic Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 910 | Asia | Maldives | Male | Velanaa International Airport | Moonimaa Lounge | MLE | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 911 | Asia | Maldives | Male | Velanaa International Airport | Huvandhumaa Lounge | MLE | Seaplane Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 912 | Asia | Myanmar | Mandalay | Mandalay International Airport | MJAS CIP Lounge | MDL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 913 | Asia | Myanmar | Yangon | Yangon International Airport | Mingalar Sky CIP Lounge | RGN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 914 | Asia | Myanmar | Yangon | Yangon International Airport | Mingalar Sky CIP Lounge | RGN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 915 | Asia | Myanmar | Yangon | Yangon International Airport | Mingalar Sky CIP Lounge | RGN | Terminal 3 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 916 | Asia | Nepal | Kathmandu | Tribhuvan International Airport | TIA Restaurant - Set Meal | KTM | Terminal 1 | International Departure | Landside | Set Meal |
| 917 | Asia | Pakistan | Islamabad | Islamabad International Airport | Airline Lounge | ISB | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 918 | Asia | Pakistan | Karachi | Jinnah International Airport | Majestic Lounge | KHI | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 919 | Asia | Pakistan | Karachi | Jinnah International Airport | CIP Lounge | KHI | Jinnah Terminal Complex | International Departure | Airside | Lounge |
| 920 | Asia | Pakistan | Lahore | Allama Iqbal International Airport | CIP Lounge | LHE | Allama Iqbal Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 921 | Asia | Pakistan | Lahore | Allama Iqbal International Airport | CIP Lounge | LHE | Allama Iqbal Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 922 | Asia | Pakistan | Multan | Multan International Airport | CIP Lounge | MUX | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 923 | Asia | Pakistan | Multan | Multan International Airport | CIP Lounge | MUX | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|-------------|----------|--|----------------------------|-----------|---------------|--|------------|----------|
| 924 | Asia | Pakistan | Peshawar | Bacha Khan International Airport | CIP Lounge | PEW | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 925 | Asia | Pakistan | Peshawar | Bacha Khan International Airport | CIP Lounge (Dom) | PEW | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 926 | Asia | Pakistan | Peshawar | Bacha Khan International Airport | CIP Lounge (Int) | PEW | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 927 | Asia | Philippines | Cebu | Mactan-Cebu International Airport | Plaza Premium Lounge | CEB | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 928 | Asia | Philippines | Cebu | Mactan-Cebu International Airport | Plaza Premium Lounge | CEB | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 929 | Asia | Philippines | Davao | Francisco Bangoy International Airport | PAGSS Lounge (Dom) | DVO | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 930 | Asia | Philippines | Davao | Francisco Bangoy International Airport | PAGSS Lounge (Int) | DVO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 931 | Asia | Philippines | Manila | Clark International Airport | PAGSS Lounge | CRK | Terminal 2 | International Departure | Landside | Lounge |
| 932 | Asia | Philippines | Manila | Clark International Airport | Plaza Premium Lounge | CRK | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 933 | Asia | Philippines | Manila | Clark International Airport | TGM-Set meal | CRK | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 934 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | Marhaba Lounge (T1) | MNL | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 935 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | PAGSS Lounge | MNL | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 936 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | A Lounge (T1) | MNL | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 937 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | PAGSS Premium Lounge (Dom) | MNL | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 938 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | Marhaba Lounge (T3) | MNL | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 939 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | PAGSS Premium Lounge (Int) | MNL | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 940 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino | A LOUNGE T3 | MNL | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|-------------|-----------------|------------------------------------|---|-----------|------------------------|---|------------|----------|
| | | | | International Airport | | | | | | |
| 941 | Asia | Philippines | Manila | Ninoy Aquino International Airport | The Wings Transit Lounge | MNL | Terminal 3 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 942 | Asia | Philippines | Puerto Princesa | Puerto Princesa Airport | (Temporarily closed) PAGSS Lounge | PPS | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 943 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Changi Lounge | SIN | Jewel Changi | International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 944 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | SATS Premier Lounge | SIN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 945 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Plaza Premium Lounge | SIN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 946 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Marhaba Lounge (T1) | SIN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 947 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Terrace Chinese Kitchen-Set meal | SIN | Terminal 1 | International Departure | Landside | Set Meal |
| 948 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Crystal Jade La Mian Xiao Long Bao - Set Meal | SIN | Terminal 1 | International Departure | Airside | Set Meal |
| 949 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | TGM&Root98 - Set Meal | SIN | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 950 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | SATS Premier Lounge | SIN | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |
| 951 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Ambassador Transit Lounge | SIN | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |
| 952 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Kaveri Indian Vegetarian - Set meal | SIN | Terminal 2 | International Departure | Airside | Set Meal |
| 953 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Chutney Mary - Set Meal | SIN | Terminal 2 | International Departure | Landside | Set Meal |
| 954 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | SATS Premier Lounge | SIN | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 955 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Marhaba Lounge (T3) | SIN | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 956 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Ambassador Transit Lounge | SIN | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 957 | Asia | Singapore | Singapore | Singapore Changi Airport | Blossom - Sats & Plaza Premium Lounge | SIN | Terminal 4 | International Departure | Airside | Lounge |
| 958 | Asia | South Korea | Busan | Gimhae International Airport | KAL Lounge | PUS | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 959 | Asia | South Korea | Busan | Gimhae International Airport | Sky Hub Lounge | PUS | International | International Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|-------------|---------|------------------------------------|--|-----------|------------------------|--|------------|----------|
| | | | | | | | Terminal | | | |
| 960 | Asia | South Korea | Seoul | Gimpo International Airport | Sky Hub Lounge | GMP | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 961 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Chinese Restaurant - Set meal | ICN | Terminal 1 | Domestic Arrival, International Arrival, International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 962 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Korean Dining - Set meal | ICN | Terminal 1 | International Arrival, Domestic Arrival, International Departure, Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 963 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | (Temporarily closed) Matina Lounge (East Wing) | ICN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 964 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Matina Lounge (West Wing) | ICN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 965 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Sky Hub Lounge (East Wing) | ICN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 966 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Sky Hub Lounge (West Wing) | ICN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 967 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | (Temporarily closed) Sky Hub Lounge (Intl - Concourse A) | ICN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 968 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Matina Lounge | ICN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 969 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Lounge L | ICN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 970 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | (Temporarily closed) SPC Lounge | ICN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 971 | Asia | South Korea | Seoul | Incheon International Airport | Matina Gold | ICN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 972 | Asia | Sri Lanka | Colombo | Bandaranaike International Airport | Executive Lounge | CMB | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 973 | Asia | Sri Lanka | Colombo | Bandaranaike International Airport | Palm Strip Restaurant - Set Meal | CMB | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Set Meal |
| 974 | Asia | Sri Lanka | Colombo | Bandaranaike International Airport | Palm Strip Lounge | CMB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|-----|-----------|---------|-----------|--------------------------------------|--|-----------|------------------------|-------------------------|------------|----------|
| 975 | Asia | Taiwan | Kaohsiung | Kaohsiung International Airport | (Temporarily closed) EVA Air Lounge | KHH | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 976 | Asia | Taiwan | Kaohsiung | Kaohsiung International Airport | Homee Kitchen - Set Meal | KHH | International Terminal | International Departure | Air side | Set Meal |
| 977 | Asia | Taiwan | Taichung | Taichung Airport | Wing Café - Set Meal | RMQ | International Terminal | International Departure | Air side | Set Meal |
| 978 | Asia | Taiwan | Taipei | Songshan Airport | Homee Kitchen - Set Meal | TSA | International Terminal | International Departure | Air side | Set Meal |
| 979 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (T1 Zone C) | TPE | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 980 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Plaza Premium Lounge (T1 Zone D) | TPE | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 981 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Homee KITCHEN(Concourse A)-set meal | TPE | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 982 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Homee KITCHEN(Concourse B)-set meal | TPE | Terminal 1 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 983 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (T2 Zone A1) | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 984 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Plaza Premium Lounge (T2 Zone A) | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 985 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | D3 Bar (T2 Zone D) - Set Meal | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 986 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | D7 Bar (T2 Zone D) - Set Meal | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 987 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | KiKi Noodle Bar - Set Meal | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 988 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Wing Café - Set Meal | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 989 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Oriental Club Lounge | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|---------|--------------------------------------|--|-----------|------------------------|-------------------------|------------|----------|
| 990 | Asia | Taiwan | Taoyuan | Taiwan Taoyuan International Airport | Homee KITCHEN(Concourse C)-set meal | TPE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 991 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | Le Coral Café - Set Meal | DMK | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Set Meal |
| 992 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | The Coral Executive Lounge (T1 - Level 3) | DMK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 993 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | Miracle Lounge (T1 - Level 3) | DMK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 994 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | (Temporarily closed) Miracle Lounge | DMK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 995 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | The Coral Executive Lounge (T2 - Level 3) | DMK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 996 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | (Temporarily closed) Miracle Co-Working Space | DMK | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 997 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | Miracle Lounge | DMK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 998 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | (Temporarily closed) Coral Executive Lounge | DMK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 999 | Asia | Thailand | Bangkok | Don Mueang International Airport | Nok Air Lounge | DMK | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1000 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Bangkok Airways Blue Ribbon Club Lounge | BKK | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1001 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Bangkok Airways Boutique Lounge | BKK | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1002 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle Lounge | BKK | Domestic terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1003 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Concourse A) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1004 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Concourse C - Level 3) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1005 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Business Class) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1006 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (First Class Lounge) | BKK | International | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|------------|------------------------------------|--|-----------|------------------------|-------------------------|------------|--------|
| | | | | | | | Terminal | | | |
| 1007 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Concourse G - Level 4) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1008 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Concourse G - Level 3,G2) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1009 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Air France & KLM Sky Lounge | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1010 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (First Class) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1011 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle Business Class Lounge (Business Class Lounge) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1012 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Bangkok Airways Blue Ribbon Club Lounge | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1013 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Bangkok Airways Boutique Lounge | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1014 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Oman Air First & Business Class Lounge | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1015 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | Miracle First Class Lounge (Concourse A1) | BKK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1016 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | The Coral Executive Lounge | BKK | Terminal A | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1017 | Asia | Thailand | Bangkok | Suvarnabhumi International Airport | The Coral Finest Business Class Lounge | BKK | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1018 | Asia | Thailand | Chiang Rai | Chiang Rai International Airport | (Temporarily closed) Bangkok Airways Blue Ribbon Club Domestic | CEI | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1019 | Asia | Thailand | Chiang Rai | Chiang Rai International Airport | Coral Executive Lounge | CEI | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1020 | Asia | Thailand | Chiang Mai | Chiang Mai International Airport | Bangkok Airways Blue Ribbon Club Domestic | CNX | Domestic | Domestic Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|------------|----------------------------------|--|-----------|------------------------|--------------------------------------|------------|----------|
| | | | | | | | Terminal | | | |
| 1021 | Asia | Thailand | Chiang Mai | Chiang Mai International Airport | Bangkok Airways Boutique Lounge Domestic | CNX | Domestic Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1022 | Asia | Thailand | Chiang Mai | Chiang Mai International Airport | Coral Executive Lounge | CNX | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1023 | Asia | Thailand | Chiang Mai | Chiang Mai International Airport | The Coral Executive Lounge | CNX | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1024 | Asia | Thailand | Hat Yai | Hat Yai International Airport | Coral Executive Lounge | HDY | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1025 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Le Coral Café - Set Meal(Boarding gate 5) | HKT | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Set Meal |
| 1026 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Le Coral café - Set Meal (Boarding gate 10) | HKT | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Set Meal |
| 1027 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | The Coral Premium Lounge(Sino Lounge) | HKT | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1028 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Coral Beach Lounge (Coral Executive Lounge) | HKT | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1029 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Le Coral Café - Set Meal(gate 83) | HKT | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Set Meal |
| 1030 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Blue Ribbon Lounge | HKT | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1031 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | The Coral Executive Lounge (International Departure) | HKT | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1032 | Asia | Thailand | Phuket | Phuket International Airport | Coral Premium Lounge | HKT | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1033 | Asia | Thailand | Samui | Samui Airport | Blue Ribbon Club Lounge | USM | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1034 | Asia | Thailand | Samui | Samui Airport | Blue Ribbon Club Lounge | USM | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1035 | Asia | Thailand | Udon Thani | Udon Thani International Airport | Coral Executive Lounge | UTH | Terminal 2 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1036 | Asia | Vietnam | Banmethuot | Buon Ma Thuot Airport | Buon Ma Thuot Business Lounge | BMV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|------------------|------------------------------------|---|-----------|------------------------|-------------------------|------------|----------|
| 1037 | Asia | Vietnam | Cam Ranh | Cam Ranh International Airport | The Champ Lounge | CXR | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1038 | Asia | Vietnam | Cam Ranh | Cam Ranh International Airport | Yen Restaurant T1 - Set Meal | CXR | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 1039 | Asia | Vietnam | Cam Ranh | Cam Ranh International Airport | Lotus Lounge | CXR | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1040 | Asia | Vietnam | Cam Ranh | Cam Ranh International Airport | Sun Coast | CXR | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1041 | Asia | Vietnam | Cam Ranh | Cam Ranh International Airport | (Temporarily closed) Yen Restaurant T2 - Set Meal | CXR | Terminal 2 | International Departure | Air side | Set Meal |
| 1042 | Asia | Vietnam | Can Tho | Can Tho International Airport | Can Tho Business Lounge | VCA | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1043 | Asia | Vietnam | Chulai | Chulai International Airport | Chu Lai Business Lounge | VCL | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1044 | Asia | Vietnam | Da Nang | Da Nang International Airport | Vietnam Airlines Domestic Lounge | DAD | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1045 | Asia | Vietnam | Da Nang | Da Nang International Airport | CIP Orchid Lounge | DAD | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1046 | Asia | Vietnam | Dalat | Lien Khuong Airport | Lien Khuong Business Lounge | DLI | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1047 | Asia | Vietnam | Dong Hoi | Dong Hoi Airport | Dong Hoi Business Lounge | VDH | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1048 | Asia | Vietnam | Haiphong | Cat Bi International Airport | Cat Bi Business Lounge | HPH | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1049 | Asia | Vietnam | Hanoi | Noi Bai International Airport | Vietnam Airlines Lotus Lounge | HAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1050 | Asia | Vietnam | Hanoi | Noi Bai International Airport | Song Hong Premium Lounge | HAN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1051 | Asia | Vietnam | Hanoi | Noi Bai International Airport | Business Class Lounge of Vietnam Airlines | HAN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1052 | Asia | Vietnam | Hanoi | Noi Bai International Airport | Song Hong Business Lounge | HAN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1053 | Asia | Vietnam | Ho Chi Minh City | Tan Son Nhat International Airport | Le Saigonais Business Lounge (Domestic - T1) | SGN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1054 | Asia | Vietnam | Ho Chi Minh City | Tan Son Nhat International Airport | Apricot Business Lounge | SGN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|------------------|--|---|-----------|-------------------|---|------------|--------|
| 1055 | Asia | Vietnam | Ho Chi Minh City | Tan Son Nhat International Airport | (Temporarily closed) Rose Lounge | SGN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1056 | Asia | Vietnam | Ho Chi Minh City | Tan Son Nhat International Airport | Jasmine Halal Lounge (previously orchid lounge) | SGN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1057 | Asia | Vietnam | Hue | Phu Bai International Airport | Phu Bai International Airport | HUI | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1058 | Asia | Vietnam | Phu Quoc | Phu Quoc International Airport | Phu Quoc Business Lounge | PQC | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1059 | Asia | Vietnam | Pleiku | Pleiku Airport | Pleiku Business Lounge | PXU | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1060 | Asia | Vietnam | QuiNhon | Phu Cat Airport | Phu Cat Business Lounge | UIH | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1061 | Asia | Vietnam | ThanhHoa | Tho Xuan Airport | Tho Xuan Business Lounge | THD | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1062 | Asia | Vietnam | TuyHoa | Dong Tac Airport | Tuy Hoa Business Lounge | TBB | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1063 | Asia | Vietnam | VinhCity | Vinh Airport | Vinh Business Lounge | VII | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1064 | Europe | Albania | Tirana | Tirana International Airport Nene Tereza | Business Lounge | TIA | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1065 | Europe | Austria | Graz | Graz Airport | VIP Lounge | GRZ | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1066 | Europe | Austria | Vienna | Vienna International Airport | Vienna Lounge (Additional Charge Applies) | VIE | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1067 | Europe | Austria | Vienna | Vienna International Airport | Austrian Business Lounge (Schengen) | VIE | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1068 | Europe | Austria | Vienna | Vienna International Airport | Austrian Business Lounge (Non-Schengen) | VIE | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1069 | Europe | Austria | Vienna | Vienna International Airport | Sky Lounge | VIE | Terminal 3 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1070 | Europe | Belarus | Minsk | Minsk National Airport | Domestic Business Lounge | MSQ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1071 | Europe | Belarus | Minsk | Minsk National Airport | International Business Lounge | MSQ | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1072 | Europe | Belgium | Brussels | Brussels Airport | Diamond Lounge | BRU | Terminal A | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|------------------------|------------|--------------------------------|--|-----------|---------------|---|------------|----------|
| 1073 | Europe | Belgium | Brussels | Brussels Airport | Diamond Lounge | BRU | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1074 | Europe | Bosnia and Herzegovina | Sarajevo | Sarajevo International Airport | Business Lounge No. 1044 | SJJ | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1075 | Europe | Bulgaria | Sofia | Sofia Airport | Aspire Lounge | SOF | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1076 | Europe | Bulgaria | Varna | Varna Airport | VIP/Business Lounge | VAR | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1077 | Europe | Croatia | Zadar | Zadar Airport | (Temporarily closed) Zadar Airport Business Lounge | ZAD | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1078 | Europe | Croatia | Zagreb | Zagreb Airport | Primeclass Lounge | ZAG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1079 | Europe | Cyprus | Larnaca | Larnaca International Airport | Aspire Aphrodite Lounge | LCA | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1080 | Europe | Cyprus | Paphos | Paphos International Airport | Premium Lounge | PFO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1081 | Europe | Czech Republic | Brno | Brno-Turany Airport | Business Lounge | BRQ | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1082 | Europe | Czech Republic | Ostrava | Ostrava Leos Janacek Airport | Business Lounge | OSR | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1083 | Europe | Czech Republic | Prague | Vaclav Havel Airport Prague | MasterCard Lounge | PRG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1084 | Europe | Czech Republic | Prague | Vaclav Havel Airport Prague | Erste Premier Lounge | PRG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1085 | Europe | Denmark | Aalborg | Aalborg Airport | Aalborg Airport Lounge | AAL | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1086 | Europe | Denmark | Billund | Billund Airport | King Amlet Lounge | BLL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1087 | Europe | Denmark | Copenhagen | Kastrup Airport | Aspire Lounge | CPH | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1088 | Europe | Denmark | Copenhagen | Kastrup Airport | Eventyr Lounge | CPH | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1089 | Europe | Estonia | Tallinn | Lennart Meri Tallinn Airport | Tallinn Airport Business Lounge | TLL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1090 | Europe | Finland | Helsinki | Helsinki Airport | Aspire Lounge (Gate 13) | HEL | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1091 | Europe | Finland | Helsinki | Helsinki Airport | Plaza Premium Lounge | HEL | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1092 | Europe | Finland | Helsinki | Helsinki Airport | TGM Asian Fusion-Set meal | HEL | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Set Meal |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|---------------|--|------------|--------|
| 1093 | Europe | Finland | Helsinki | Helsinki Airport | Plaza Premium Lounge | HEL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1094 | Europe | Finland | Helsinki | Helsinki Airport | Aspire Lounge | HEL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1095 | Europe | France | Bordeaux | Bordeaux-Merignac Airport | Business Lounge | BOD | Hall A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1096 | Europe | France | Marseille | Marseille Provence Airport | Cezanne Lounge | MRS | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1097 | Europe | France | Marseille | Marseille Provence Airport | Luberon Lounge | MRS | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1098 | Europe | France | Nice | Nice Airport | The Library Lounge | NCE | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1099 | Europe | France | Nice | Nice Airport | The Canopy Lounge | NCE | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1100 | Europe | France | Nice | Nice Airport | The Infinity Lounge | NCE | Terminal 2 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1101 | Europe | France | Nice | Nice Airport | The Levity Lounge | NCE | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1102 | Europe | France | Paris | Paris-Charles de Gaulle Airport | (Temporarily closed) Icare Lounge | CDG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1103 | Europe | France | Paris | Paris-Orly Airport | Premium Traveller Lounge | ORY | Orly 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1104 | Europe | France | Paris | Paris-Orly Airport | Primeclass Lounge | ORY | Orly 4 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1105 | Europe | France | Toulouse | Toulouse-Blagnac Airport | La Croix du Sud Lounge | TLS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1106 | Europe | Georgia | Batumi | Batumi International Airport | Primeclass Lounge | BUS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1107 | Europe | Georgia | Tbilisi | Tbilisi International Airport | Primeclass Lounge | TBS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1108 | Europe | Germany | Berlin | Berlin Brandenburg Airport | Lounge Tempelhof | BER | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1109 | Europe | Germany | Dusseldorf | Dusseldorf International Airport | Hugo Junkers Lounge | DUS | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1110 | Europe | Germany | Dusseldorf | Dusseldorf International Airport | Open Sky Lounge | DUS | Terminal C | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1111 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | LuxxLounge | FRA | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure, International | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|-----------|--------------|---------------------------------|---|-----------|---------------|--|------------|--------|
| | | | | | | | | Arrival, Domestic Arrival | | |
| 1112 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | Air Canada Maple Leaf Lounge | FRA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1113 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | Air France KLM Lounge | FRA | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1114 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | Primeclass Lounge | FRA | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1115 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | (Temporarily Closed) Plaza Premium Lounge | FRA | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1116 | Europe | Germany | Frankfurt | Frankfurt Airport | Priority Lounge | FRA | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1117 | Europe | Germany | Hamburg | Hamburg Airport | Airport Lounge | HAM | Airport Plaza | International Departure | Air side | Lounge |
| 1118 | Europe | Germany | Munich | Munich Airport | Airport Lounge Europe | MUC | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1119 | Europe | Germany | Munich | Munich Airport | Airport Lounge World | MUC | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1120 | Europe | Germany | Munich | Munich Airport | Air France KLM Lounge | MUC | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1121 | Europe | Germany | Nuremberg | Albrecht Durer Airport Nurnberg | Durer Lounge | NUE | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1122 | Europe | Germany | Saarbrücken | Saarbrücken Airport | SCN Business Lounge | SCN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1123 | Europe | Germany | Stuttgart | Stuttgart Airport | (Temporarily closed) Air France KLM Lounge | STR | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1124 | Europe | Gibraltar | Gibraltar | Gibraltar Airport | Calpe Lounge | GIB | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1125 | Europe | Greece | Athens | Athens International Airport | Skyserv Aristotle Onassis Lounge | ATH | Hall A | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1126 | Europe | Greece | Athens | Athens International Airport | Goldair Handling Lounge Intra Schengen Area | ATH | Hall B | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1127 | Europe | Greece | Athens | Athens International Airport | Skyserv Melina Merkouri Lounge | ATH | Hall B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1128 | Europe | Greece | Athens | Athens International Airport | Goldair Handling Lounge Extra Schengen Area | ATH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1129 | Europe | Greece | Thessaloniki | Thessaloniki Airport | Skyserv Lounge | SKG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1130 | Europe | Hungary | Budapest | Budapest Ferenc Liszt | SkyCourt Lounge | BUD | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|----------|---|---------------------------|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| | | | | International Airport | | | | | | |
| 1131 | Europe | Hungary | Budapest | Budapest Ferenc Liszt International Airport | Plaza Premium Lounge | BUD | Terminal 2 - Sky Court | International Departure | Air side | Lounge |
| 1132 | Europe | Hungary | Budapest | Budapest Ferenc Liszt International Airport | Platinum Lounge | BUD | Terminal 2A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1133 | Europe | Hungary | Budapest | Budapest Ferenc Liszt International Airport | Platinum Lounge | BUD | Terminal 2B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1134 | Europe | Hungary | Budapest | Budapest Ferenc Liszt International Airport | Plaza Premium Lounge | BUD | Terminal 2B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1135 | Europe | Ireland | Cork | Cork Airport | Aspire Lounge | ORK | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1136 | Europe | Ireland | Dublin | Dublin Airport | T1 Lounge | DUB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1137 | Europe | Ireland | Dublin | Dublin Airport | T2 Lounge | DUB | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1138 | Europe | Ireland | Shannon | Shannon Airport | Boru Lounge | SNN | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1139 | Europe | Italy | Bari | Bari Karol Wojtyła Airport | VIP Lounge | BRI | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1140 | Europe | Italy | Bergamo | Milan Bergamo Orio al Serio International Airport | HelloSky VIP Lounge | BGY | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1141 | Europe | Italy | Bergamo | Milan Bergamo Orio al Serio International Airport | VIP Lounge and Fast Track | BGY | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1142 | Europe | Italy | Bologna | Bologna Guglielmo Marconi Airport | Marconi Business Lounge | BLQ | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1143 | Europe | Italy | Cagliari | Cagliari - Elmas Airport | Prima Vista Lounge | CAG | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1144 | Europe | Italy | Florence | Florence Peretola Airport | VIP Club | FLR | Departure Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1145 | Europe | Italy | Genoa | Genoa Cristoforo Colombo Airport | Sala Genova | GOA | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|---------|---------------------------------------|---|-----------|----------------------|--|------------|--------|
| 1146 | Europe | Italy | Milan | Milan Linate Airport | Sala Piranesi | LIN | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Landside | Lounge |
| 1147 | Europe | Italy | Milan | Milan Linate Airport | Sala Leonardo | LIN | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1148 | Europe | Italy | Milan | Milan Malpensa Airport | Sala Monteverdi | MLP | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1149 | Europe | Italy | Milan | Milan Malpensa Airport | Sala Montale | MLP | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1150 | Europe | Italy | Naples | Naples International Airport | Pearl Lounge | NAP | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1151 | Europe | Italy | Olbia | Olbia Costa Smeralda Airport | Club Lounge | OLB | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 1152 | Europe | Italy | Palermo | Falcone - Borsellino Airport | (Temporarily closed) Gesap Vip Lounge | PMO | Departure Terminal | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1153 | Europe | Italy | Pisa | Pisa International Airport | VIP Club | PSA | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 1154 | Europe | Italy | Rome | Roma Termini Railway Station | ItaliaPass Lounge | I01 | Main Building | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1155 | Europe | Italy | Rome | Rome Fiumicino Airport | Hello Sky Air Rooms & Lounge | FCO | In front of Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1156 | Europe | Italy | Rome | Rome Fiumicino Airport | Plaza Premium Lounge | FCO | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 1157 | Europe | Italy | Rome | Rome Fiumicino Airport | Plaza Premium Lounge | FCO | Terminal 3 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1158 | Europe | Italy | Rome | Rome Fiumicino Airport | Prima Vista Lounge | FCO | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1159 | Europe | Italy | Rome | Rome Fiumicino Airport | Prima Vista Lounge | FCO | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1160 | Europe | Italy | Trieste | Trieste-Friuli Venezia Giulia Airport | Sala Calligaris | TRS | Main Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1161 | Europe | Italy | Turin | Turin Airport | Piemonte Lounge | TRN | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1162 | Europe | Italy | Venice | Marco Polo International Airport | Marco Polo Club | VCE | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 1163 | Europe | Italy | Verona | Verona Villafranca Airport | (Temporarily closed) Valerio Catullo Lounge | VRN | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|-----------------|------------|--|----------------------------|-----------|------------------------|--|----------------|--------|
| 1164 | Europe | Kosovo | Pristina | Prishtina International Airport Adem Jashari | 17/02 Lounge | PRN | Main Terminal | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 1165 | Europe | Latvia | Riga | Riga International Airport | Primeclass Business Lounge | RIX | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1166 | Europe | Lithuania | Vilnius | Vilnius Airport | Narbutas Business Lounge | VNO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1167 | Europe | Luxembourg | Luxembourg | Luxembourg Findel Airport | The Lounge | LUX | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1168 | Europe | Malta | Valletta | Malta International Airport | VIP Lounge (Arrivals) | MLA | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1169 | Europe | Malta | Valletta | Malta International Airport | La Valette Club | MLA | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1170 | Europe | Montenegro | Podgorica | Podgorica Airport | Business Lounge | TGD | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1171 | Europe | Montenegro | Tivat | Tivat Airport | Business Lounge | TIV | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1172 | Europe | Netherlands | Amsterdam | Amsterdam Airport Schiphol | Aspire Lounge (No.26) | AMS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1173 | Europe | Netherlands | Amsterdam | Amsterdam Airport Schiphol | Aspire Lounge (No.41) | AMS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1174 | Europe | Netherlands | Eindhoven | Eindhoven Airport | Aspire Lounge | EIN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1175 | Europe | Netherlands | Rotterdam | Rotterdam The Hague Airport | Prima Vista Lounge | RTM | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1176 | Europe | North Macedonia | Ohrid | Ohrid St. Paul the Apostle Airport | Primeclass Lounge | OHD | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1177 | Europe | North Macedonia | Skopje | Skopje International Airport | Primeclass Business Lounge | SKP | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1178 | Europe | Norway | Bergen | Bergen Airport Flesland | Bergen Lounge | BGO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1179 | Europe | Norway | Oslo | Oslo Airport | OSL Lounge | OSL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1180 | Europe | Norway | Stavanger | Stavanger Airport, Sola | Sola North Sea Lounge | SVG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|-------------|---|--|-----------|------------------------------|---|------------|--------|
| 1181 | Europe | Poland | Gdansk | Gdansk Lech Walesa Airport | Executive Lounge | GDN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1182 | Europe | Poland | Katowice | Katowice International Airport | Business Lounge | KTW | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1183 | Europe | Poland | Katowice | Katowice International Airport | Business Lounge | KTW | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1184 | Europe | Poland | Krakow | Krakow Airport | Business Lounge | KRK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1185 | Europe | Poland | Lublin | Lublin Airport | Business Executive Lounge Non-Schengen | LUZ | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1186 | Europe | Poland | Lublin | Lublin Airport | Business Executive Lounge Schengen | LUZ | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1187 | Europe | Poland | Poznan | Poznan-Lawica Henryk Wieniawski Airport | Business Executive Lounge | POZ | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1188 | Europe | Poland | Warsaw | Warsaw Chopin Airport | Bolero Executive Lounge | WAW | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1189 | Europe | Poland | Warsaw | Warsaw Chopin Airport | Preludium Executive Lounge | WAW | Terminal A | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1190 | Europe | Poland | Wroclaw | Wroclaw-Copernicus Airport | Executive Lounge | WRO | Schengen Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1191 | Europe | Portugal | Faro | Faro Airport | CIP Lounge | FAO | Main Terminal - Non Schengen | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1192 | Europe | Portugal | Faro | Faro Airport | CIP Lounge | FAO | Main Terminal - Schengen | International Departure | Air side | Lounge |
| 1193 | Europe | Portugal | Funchal | Madeira Airport | (Temporarily closed) TAP Air Portugal Lounge | FNC | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1194 | Europe | Portugal | Lisbon | Lisbon Portela Airport | ANA Lounge | LIS | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1195 | Europe | Portugal | Porto | Francisco Sa Carneiro Airport | Airport Lounge | OPO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1196 | Europe | Romania | Cluj Napoca | Cluj International Airport | Business Lounge | CLJ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1197 | Europe | Romania | Cluj Napoca | Cluj International Airport | Business Lounge | CLJ | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|---------------|-----------------------------------|--|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| 1198 | Europe | Romania | Timisoara | Traian Vuia International Airport | Domestic Business Lounge | TSR | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1199 | Europe | Romania | Timisoara | Traian Vuia International Airport | International Business Lounge | TSR | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1200 | Europe | Russia | Abakan | Abakan Airport | Abakan Lounge | ABA | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1201 | Europe | Russia | Anadyr | Anadyr Airport | Comfort Lounge | DYR | Main Terminal | Domestic Arrival, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1202 | Europe | Russia | Anapa | Anapa Airport | (Temporarily closed) Buratinos Bar & Pizza | AAQ | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1203 | Europe | Russia | Arkhangelsk | Arkhangelsk Airport | Sky Lounge | ARH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1204 | Europe | Russia | Arkhangelsk | Arkhangelsk Airport | High Comfy Lounge | ARH | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1205 | Europe | Russia | Astrakhan | Astrakhan Airport | Business Lounge | ASF | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1206 | Europe | Russia | Barnaul | Barnaul Airport | Business Terminal | BAX | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1207 | Europe | Russia | Belgorod | Belgorod Airport | (Temporarily closed) Comfort Lounge | EGO | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1208 | Europe | Russia | Belgorod | Belgorod Airport | (Temporarily closed) VIP Lounge | EGO | Main Terminal | International Arrival, International Departure | Landside | Lounge |
| 1209 | Europe | Russia | Chelyabinsk | Chelyabinsk Airport | Business Lounge | CEK | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1210 | Europe | Russia | Chelyabinsk | Chelyabinsk Airport | Business Lounge | CEK | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1211 | Europe | Russia | Chita | Chita Airport | Business Lounge | HTA | Terminal B Domestic | Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1212 | Europe | Russia | Elista | Elista Airport | (Temporarily closed) Comfort Lounge | ESL | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1213 | Europe | Russia | Gelenzhik | Gelenzhik Airport | (Temporarily Closed) Business Lounge | GDZ | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1214 | Europe | Russia | Gorno-Altaysk | Gorno-Altaysk Airport | Airport Business Lounge | RGK | Terminal A | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1215 | Europe | Russia | Irkutsk | Irkutsk Airport | High Comfy Zone Lounge (Domestic) | IKT | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|--------------|-----------------------------------|--|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| 1216 | Europe | Russia | Irkutsk | Irkutsk Airport | High Comfy Zone Lounge (International) | IKT | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1217 | Europe | Russia | Ivanovo | Ivanovo Railway Station | Business Lounge | XVK | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1218 | Europe | Russia | Kaliningrad | Khrabrovo Airport | Business Lounge Mayak | KGD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1219 | Europe | Russia | Kaliningrad | Khrabrovo Airport | Business Lounge Dune | KGD | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1220 | Europe | Russia | Kazan | Kazan International Airport | The Kraft | KZN | Terminal 1A | Domestic Arrival, International Arrival, International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1221 | Europe | Russia | Kemerovo | Kemerovo Airport | Business Lounge | KEJ | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1222 | Europe | Russia | Kemerovo | Kemerovo Airport | (Temporarily closed) Business Lounge | KEJ | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1223 | Europe | Russia | Khabarovsk | Khabarovsk Novy Airport | Amur Lounge | KHV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1224 | Europe | Russia | Khabarovsk | Khabarovsk Novy Airport | Business Lounge | KHV | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1225 | Europe | Russia | Kirov | Kirov Airport | Business Lounge | KVX | Terminal A | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1226 | Europe | Russia | Kirovsk | Kirovsk-Apatity Airport | Business Lounge | KVK | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1227 | Europe | Russia | Krasnodar | Krasnodar International Airport | (Temporarily closed) Bort 17/93 | KRR | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1228 | Europe | Russia | Krasnoyarsk | Yemelyanovo International Airport | Grey Wall Lounge | KJA | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1229 | Europe | Russia | Krasnoyarsk | Yemelyanovo International Airport | Grey Wall Lounge | KJA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1230 | Europe | Russia | Krasnoyarsk | Yemelyanovo International Airport | Vivi Lounge | KJA | VIP Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1231 | Europe | Russia | Magnitogorsk | Magnitogorsk Airport | Comfort Lounge | MQF | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1232 | Europe | Russia | Makhachkala | Makhachkala Airport | Airport Business Lounge | MCX | Terminal B | International Departure | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|----------------|-------------------------------------|--|-----------|-------------------|-------------------------|------------|--------|
| 1233 | Europe | Russia | MineralnyeVody | Mineralnye Vody Airport | Business Lounge | MRV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1234 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Domodedovo Airport | Shostakovich Lounge by UTG Aviation Services | DME | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1235 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Domodedovo Airport | S7 Business Lounge (Domestic) | DME | Sector A/B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1236 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Domodedovo Airport | S7 Comfort Lounge (Domestic) | DME | Sector C | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1237 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Domodedovo Airport | Grey Wall Lounge | DME | Sector C | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1238 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Domodedovo Airport | S7 Business Lounge (International) | DME | Sector D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1239 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Leningradsky Railway Station | Business Lounge | ZKD | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1240 | Europe | Russia | Moscow | Moscow Paveletsky Railway Station | Business Lounge | XRK | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1241 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | Kandinsky Lounge | SVO | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1242 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily Closed) Malevich Lounge | SVO | Terminal C | International Departure | Air side | Lounge |
| 1243 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | Chagall Lounge | SVO | Terminal C | International Departure | Air side | Lounge |
| 1244 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Lissitzky Lounge | SVO | Terminal C | International Departure | Air side | Lounge |
| 1245 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) GettSleep Capsule Hotel | SVO | Terminal C | International Departure | Air side | Lounge |
| 1246 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Sochi Lounge | SVO | Terminal D | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1247 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Gallery Lounge | SVO | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1248 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily Closed) Matryoshka Lounge | SVO | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1249 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Moscow Lounge | SVO | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1250 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Saint Petersburg Lounge | SVO | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1251 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Galaxy Lounge | SVO | Terminal E | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|-----------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------------|---|------------|--------|
| 1252 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Space Lounge | SVO | Terminal E | International Departure | Air side | Lounge |
| 1253 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Classic Lounge | SVO | Terminal F | International Departure | Air side | Lounge |
| 1254 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) All Star Lounge | SVO | Terminal F | International Departure | Air side | Lounge |
| 1255 | Europe | Russia | Moscow | Sheremetyevo International Airport | (Temporarily closed) Amber Lounge | SVO | Terminal F | International Departure | Air side | Lounge |
| 1256 | Europe | Russia | Moscow | Vnukovo International Airport | Prokofiev Lounge | VKO | Terminal A | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1257 | Europe | Russia | Moscow | Vnukovo International Airport | Art Lounge | VKO | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1258 | Europe | Russia | Moscow | Vnukovo International Airport | Business Lounge | VKO | Terminal A | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1259 | Europe | Russia | Moscow | Vostochny Railway Station | Vostochny Business Lounge | 810 | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1260 | Europe | Russia | Murmansk | Murmansk Airport | Comfort Lounge | MMK | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1261 | Europe | Russia | Nalchik | Nalchik Airport | Business Lounge | NAL | Main Terminal | Domestic Arrival, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1262 | Europe | Russia | Nizhnevartovsk | Nizhnevartovsk Airport | Sky Priority | NJC | Terminal 1 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1263 | Europe | Russia | Nizhny Novgorod | Nizhny Novgorod Railway Station | Business Lounge | XUK | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1264 | Europe | Russia | Novokuznetsk | Novokuznetsk Airport | VIP Lounge | NOZ | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1265 | Europe | Russia | Novosibirsk | Novosibirsk Tolmachevo Airport | Comfort Lounge | OVB | Sector A | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1266 | Europe | Russia | Novosibirsk | Novosibirsk Tolmachevo Airport | Heineken Lounge | OVB | Sector A | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1267 | Europe | Russia | Novosibirsk | Novosibirsk Tolmachevo Airport | Business Lounge International | OVB | Sector B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1268 | Europe | Russia | Omsk | Omsk Airport | Business Lounge | OMS | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1269 | Europe | Russia | Perm | Perm Airport | Domestic Business Lounge | PEE | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1270 | Europe | Russia | Perm | Perm Airport | International Business Lounge | PEE | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1271 | Europe | Russia | Petrozavodsk | Petrozavodsk Railway Station | Business Lounge | XQK | Main Building | | Landside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|----------------|--|--------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------------------------|------------|--------|
| 1272 | Europe | Russia | Rostov on Don | Platov International Airport | (Temporarily closed) Business Lounge | ROV | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1273 | Europe | Russia | Rostov on Don | Platov International Airport | (Temporarily closed) Business Lounge | ROV | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1274 | Europe | Russia | Rostov on Don | Rostov-on-Don Railway Station | Business Lounge | 510204 | | | Landside | Lounge |
| 1275 | Europe | Russia | Saransk | Saransk Airport | Comfort Lounge | SKX | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1276 | Europe | Russia | Sochi | Sochi International Airport | Comfort Lounge | AER | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1277 | Europe | Russia | Sochi | Sochi International Airport | Business Lounge | AER | Domestic Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1278 | Europe | Russia | Sochi | Sochi International Airport | Buffet Travel | AER | Main Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1279 | Europe | Russia | Sochi | Sochi International Airport | Pizza & Pasta | AER | Terminal B | Domestic Arrival, Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1280 | Europe | Russia | Sochi | Sochi Railway Station | Business Lounge | XSK | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1281 | Europe | Russia | St. Petersburg | St. Petersburg Moskovsky Railway Station | Business Lounge | XLE | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1282 | Europe | Russia | Stavropol | Stavropol Airport | Comfort Lounge | STW | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1283 | Europe | Russia | Surgut | Surgut Airport | Comfort Lounge | SGC | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1284 | Europe | Russia | Tomsk | Tomsk Airport | Business Lounge | TOF | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1285 | Europe | Russia | Tyumen | Roshchino International Airport | Business Lounge | TJM | Main Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1286 | Europe | Russia | Ufa | Ufa International Airport | Iremel Lounge | UFA | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1287 | Europe | Russia | Ufa | Ufa Railway Station | Business Lounge | 654504 | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1288 | Europe | Russia | Ulan-Ude | Ulan-Ude Airport | Business Lounge | UUD | Domestic Terminal | Domestic Arrival, Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1289 | Europe | Russia | Ulyanovsk | Ulyanovsk Baratayevka Airport | Business Lounge | ULV | Main Terminal | Domestic Arrival, Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1290 | Europe | Russia | Vladikavkaz | Vladikavkaz Airport | Business Lounge | OGZ | Domestic Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|-------------|-----------------------------------|--|-----------|--------------------------|--|------------|--------|
| 1291 | Europe | Russia | Vladivostok | Vladivostok International Airport | Laguna Lounge | VVO | Terminal A | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1292 | Europe | Russia | Vladivostok | Vladivostok International Airport | Primorye Lounge | VVO | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1293 | Europe | Russia | Vladivostok | Vladivostok Railway Station | Business Lounge | 98000 | | | Landside | Lounge |
| 1294 | Europe | Russia | Volgograd | Volgograd Airport | Business Lounge | VOG | Terminal C International | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 1295 | Europe | Russia | Volgograd | Volgograd Airport | Business Lounge | VOG | Terminal C2 Domestic | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1296 | Europe | Russia | Volgograd | Volgograd Railway Station | Business Lounge | XTK | Main Building | | Landside | Lounge |
| 1297 | Europe | Russia | Voronezh | Voronezh Airport | (Temporarily closed) Platonovsky Business Lounge | VOZ | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1298 | Europe | Russia | Voronezh | Voronezh Airport | (Temporarily closed) Buninsky Business Lounge | VOZ | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1299 | Europe | Russia | Yaroslavl | Tunoshna Airport | Comfort Lounge | IAR | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1300 | Europe | Russia | Zhukovsky | Zhukovsky International Airport | Business Lounge | ZIA | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1301 | Europe | Serbia | Belgrade | Belgrade Nikola Tesla Airport | Airport Business Lounge | BEG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1302 | Europe | Slovakia | Zilina | Zilina Airport | (Temporarily closed) Gate VIP Lounge | ILZ | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1303 | Europe | Slovenia | Ljubljana | Ljubljana Joze Pucnik Airport | Business Lounge | LJU | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1304 | Europe | Spain | A Coruna | A Coruna Airport | Sala VIP A Coruna | LCG | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1305 | Europe | Spain | Alicante | Alicante-Elche Airport | Sala VIP Costa Blanca | ALC | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1306 | Europe | Spain | Barcelona | Barcelona-El Prat Airport | Sala VIP Colomer | BCN | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1307 | Europe | Spain | Barcelona | Barcelona-El Prat Airport | Sala VIP Miro | BCN | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|---------------------------|-----------|---------------|--|------------|--------|
| 1308 | Europe | Spain | Barcelona | Barcelona-El Prat Airport | Sala VIP Pau Casals | BCN | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1309 | Europe | Spain | Barcelona | Barcelona-El Prat Airport | Premium VIP Lounge | BCN | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1310 | Europe | Spain | Barcelona | Barcelona-El Prat Airport | Sala VIP Canudas | BCN | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1311 | Europe | Spain | Bilbao | Bilbao Airport | Sala VIP Bilbao | BIO | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1312 | Europe | Spain | Gran Canaria | Gran Canaria Airport | Sala VIP Gran Canaria | LPA | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1313 | Europe | Spain | Ibiza | Ibiza Airport | Sala VIP Cap des Falco | IBZ | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1314 | Europe | Spain | Lanzarote | Lanzarote Airport | Sala VIP Guacimeta | ACE | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1315 | Europe | Spain | Madrid | Adolfo Suarez Madrid-Barajas Airport | Sala VIP Cibeles | MAD | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1316 | Europe | Spain | Madrid | Adolfo Suarez Madrid-Barajas Airport | Sala VIP Puerta de Alcalá | MAD | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1317 | Europe | Spain | Madrid | Adolfo Suarez Madrid-Barajas Airport | Sala VIP Puerta del Sol | MAD | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1318 | Europe | Spain | Madrid | Adolfo Suarez Madrid-Barajas Airport | Sala VIP Plaza Mayor | MAD | Terminal 4 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1319 | Europe | Spain | Madrid | Adolfo Suarez Madrid-Barajas Airport | Sala VIP Neptuno | MAD | Terminal 4S | International Departure | Air side | Lounge |
| 1320 | Europe | Spain | Malaga | Malaga Airport | Sala VIP Malaga | AGP | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1321 | Europe | Spain | Menorca | Menorca Airport | Sala VIP Tramuntana | MAH | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1322 | Europe | Spain | Palma de Mallorca | Palma de Mallorca Airport | Sala VIP Mediterraneo | PMI | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1323 | Europe | Spain | Palma de Mallorca | Palma de Mallorca Airport | Sala VIP Valldemossa | PMI | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|-------------|------------------------|-------------------------------------|----------------------------|-----------|--------------------|--|------------|--------|
| 1324 | Europe | Spain | Palma de Mallorca | Palma de Mallorca Airport | Sala VIP Llevant | PMI | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1325 | Europe | Spain | Palma de Mallorca | Palma de Mallorca Airport | Sala VIP Formentor | PMI | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1326 | Europe | Spain | Puerto del Rosario | Fuerteventura Airport | Sala VIP Jable | FUE | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1327 | Europe | Spain | Santiago De Compostela | Santiago de Compostela Airport | Sala VIP Santiago | SCQ | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1328 | Europe | Spain | Seville | Seville Airport | Sala VIP Azahar | SVQ | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1329 | Europe | Spain | Tenerife | Tenerife North Airport | Sala VIP Nivaria | TFN | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1330 | Europe | Spain | Tenerife | Tenerife South Airport | Sala VIP Montana Roja | TFS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1331 | Europe | Spain | Valencia | Valencia Airport | Sala VIP Joan Olivert | VLC | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1332 | Europe | Spain | Vigo | Vigo-Peinador Airport | Sala VIP Illas Cies | VGO | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1333 | Europe | Sweden | Gothenburg | Landvetter Airport | Vinga Lounge | GOT | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1334 | Europe | Sweden | Stockholm | Arlanda Airport | Pearl Lounge | ARN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1335 | Europe | Sweden | Stockholm | Arlanda Airport | Pearl Lounge | ARN | Terminal 5 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1336 | Europe | Switzerland | Basel | EuroAirport Basel Mulhouse Freiburg | Euroairport Skyview Lounge | BSL | Terminal Y | International Departure | Air side | Lounge |
| 1337 | Europe | Switzerland | Geneva | Geneva Airport | Crystal Lounge by Aspire | GVA | East Wing Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1338 | Europe | Switzerland | Geneva | Geneva Airport | Air France Lounge | GVA | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1339 | Europe | Switzerland | Geneva | Geneva Airport | Marhaba Lounge | GVA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1340 | Europe | Switzerland | Geneva | Geneva Airport | Horizon Lounge | GVA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1341 | Europe | Switzerland | Zurich | Zurich Airport | Aspire Lounge | ZRH | Terminal A & B | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|-------------|----------|-------------------------|-------------------|-----------|---|--------------------------------------|------------|--------|
| | | | | | | | (Schengen), D (Non Schengen) | | | |
| 1342 | Europe | Switzerland | Zurich | Zurich Airport | Marhaba Lounge | ZRH | Terminal A & B (Schengen), D (Non Schengen) | International Departure | Air side | Lounge |
| 1343 | Europe | Switzerland | Zurich | Zurich Airport | Aspire Lounge | ZRH | Terminal E | International Departure | Air side | Lounge |
| 1344 | Europe | Switzerland | Zurich | Zurich Airport | Primeclass Lounge | ZRH | Terminal E | International Departure | Air side | Lounge |
| 1345 | Europe | Turkey | Ankara | Ankara Esenboga Airport | Primeclass Lounge | ESB | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1346 | Europe | Turkey | Ankara | Ankara Esenboga Airport | Primeclass Lounge | ESB | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1347 | Europe | Turkey | Antalya | Antalya Airport | CIP Lounge | AYT | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1348 | Europe | Turkey | Antalya | Antalya Airport | CIP Lounge | AYT | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1349 | Europe | Turkey | Antalya | Antalya Airport | CIP Lounge | AYT | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1350 | Europe | Turkey | Bodrum | Milas-Bodrum Airport | Primeclass Lounge | BJV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1351 | Europe | Turkey | Bodrum | Milas-Bodrum Airport | Primeclass Lounge | BJV | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1352 | Europe | Turkey | Dalaman | Dalaman Airport | DLM Lounge | DLM | Domestic Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1353 | Europe | Turkey | Dalaman | Dalaman Airport | CIP Lounge | DLM | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1354 | Europe | Turkey | Istanbul | Istanbul Airport | iGA Lounge | IST | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1355 | Europe | Turkey | Istanbul | Istanbul Airport | iGA Lounge | IST | International | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------------|------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------------------------|------------|--------|
| | | | | | | | nal Terminal | | | |
| 1356 | Europe | Turkey | Istanbul | Sabiha Gokcen International Airport | Plaza Premium Lounge | SAW | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1357 | Europe | Turkey | Istanbul | Sabiha Gokcen International Airport | Plaza Premium Lounge | SAW | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1358 | Europe | Turkey | Istanbul | Sabiha Gokcen International Airport | Kepler Club | SAW | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1359 | Europe | Turkey | Izmir | Adnan Menderes Airport | Primeclass Lounge | ADB | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1360 | Europe | Turkey | Izmir | Adnan Menderes Airport | Primeclass Lounge | ADB | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1361 | Europe | Ukraine | Kiev | Boryspil International Airport | (Temporarily closed) Business Lounge | KBP | Terminal D | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1362 | Europe | Ukraine | Kiev | Boryspil International Airport | (Temporarily closed) Comfort Lounge | KBP | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1363 | Europe | Ukraine | Kiev | Boryspil International Airport | (Temporarily closed) Business Lounge | KBP | Terminal F | International Departure | Air side | Lounge |
| 1364 | Europe | United Kingdom | Aberdeen | Aberdeen Airport | Northern Lights Executive Lounge | ABZ | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1365 | Europe | United Kingdom | Belfast | Belfast International Airport | The Causeway Lounge | BFS | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1366 | Europe | United Kingdom | Belfast | George Best Belfast City Airport | Aspire Lounge | BHD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1367 | Europe | United Kingdom | Birmingham | Birmingham Airport | Clubrooms (Additional Charge Applies) | BHX | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1368 | Europe | United Kingdom | Birmingham | Birmingham Airport | No1 Birmingham | BHX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1369 | Europe | United Kingdom | Birmingham | Birmingham Airport | Aspire Lounge (North) | BHX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1370 | Europe | United Kingdom | Birmingham | Birmingham Airport | Aspire Lounge (South) | BHX | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------|----------------|--|------------|--------|
| 1371 | Europe | United Kingdom | Bristol | Bristol Airport | Aspire Lounge | BRS | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1372 | Europe | United Kingdom | Cardiff | Cardiff Airport | 51 Degrees Executive Lounge | CWL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1373 | Europe | United Kingdom | Durham Tees Valley | Teesside International Airport | The Middleton Lounge | MME | Main Terminal | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1374 | Europe | United Kingdom | East Midlands | East Midlands Airport | Escape Lounge | EMA | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1375 | Europe | United Kingdom | Edinburgh | Edinburgh Airport | Aspire Lounge (Gate 16) | EDI | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1376 | Europe | United Kingdom | Edinburgh | Edinburgh Airport | Plaza Premium Lounge | EDI | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1377 | Europe | United Kingdom | Edinburgh | Edinburgh Airport | Aspire Lounge (Gate 4) | EDI | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1378 | Europe | United Kingdom | Exeter | Exeter International Airport | Executive Lounge | EXT | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1379 | Europe | United Kingdom | Glasgow | Glasgow Airport | UpperDeck Lounge | GLA | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1380 | Europe | United Kingdom | Humber side | Humberside Airport | Aspire Lounge | HUY | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1381 | Europe | United Kingdom | Inverness | Inverness Airport | Aspire Lounge | INV | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1382 | Europe | United Kingdom | Isle of Man | Ronaldsway Airport | Rendezvous Executive Lounge | IOM | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1383 | Europe | United Kingdom | Jersey Island | Jersey Airport | The Executive Lounge | JER | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1384 | Europe | United Kingdom | Leeds | Leeds Bradford Airport | Yorkshire Lounge | LBA | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1385 | Europe | United Kingdom | Liverpool | Liverpool John Lennon Airport | Aspire Lounge | LPL | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1386 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | No1 Gatwick North | LGW | North Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------------|--------|-------------------------|--|-----------|----------------|---|----------------|--------|
| 1387 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | The Gateway | LGW | North Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1388 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | Clubrooms (Additional Charge Applies) | LGW | North Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1389 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | Plaza Premium Lounge | LGW | North Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1390 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | (Temporarily closed) Clubrooms | LGW | South Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1391 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | My Lounge | LGW | South Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1392 | Europe | United Kingdom | London | London Gatwick Airport | No1 Gatwick South | LGW | South Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1393 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (Arrivals) | LHR | Terminal 2 | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1394 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | Plaza Premium Lounge | LHR | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1395 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (Arrivals) | LHR | Terminal 3 | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1396 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | No1 Heathrow | LHR | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1397 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (Arrivals) | LHR | Terminal 4 | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1398 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | Plaza Premium Lounge | LHR | Terminal 4 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1399 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | Blush Lounge by Plaza Premium Group | LHR | Terminal 4 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1400 | Europe | United Kingdom | London | London Heathrow Airport | Plaza Premium Lounge | LHR | Terminal 5 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1401 | Europe | United Kingdom | London | London Luton Airport | Aspire Lounge | LTN | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1402 | Europe | United Kingdom | London | London Southend Airport | Skylife Lounge @ The Pilot Cafe | SEN | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-------------|----------------|-------------|----------------------------------|---|-----------|---------------|--|------------|--------|
| | | Kingdom | | | | | | | | |
| 1403 | Europe | United Kingdom | London | London Stansted Airport | Escape Lounge | STN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1404 | Europe | United Kingdom | Londonderry | City of Derry Airport | Amelia Earhart Lounge | LDY | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1405 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Aspire Lounge | MAN | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1406 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Escape Lounge | MAN | Terminal 1 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1407 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Aspire Lounge | MAN | Terminal 2 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1408 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Escape Lounge | MAN | Terminal 2 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1409 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Escape Lounge | MAN | Terminal 3 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1410 | Europe | United Kingdom | Manchester | Manchester International Airport | Escape Lounge | MAN | Terminal 3 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1411 | Europe | United Kingdom | Newcastle | Newcastle Airport | Aspire Lounge | NCL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1412 | Europe | United Kingdom | Newcastle | Newcastle Airport | Aspire Plus (Additional Charge Applies) | NCL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1413 | Europe | United Kingdom | Newquay | Newquay Cornwall Airport | Executive Lounge | NQY | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1414 | Europe | United Kingdom | Norwich | Norwich International Airport | Norwich Airport Executive Lounge | NWI | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1415 | Middle East | Bahrain | Manama | Bahrain International Airport | The Pearl Lounge | BAH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1416 | Middle East | Egypt | Alexandria | Borg El Arab Airport | Pearl Lounge | HBE | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1417 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | First Class Lounge | CAI | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-------------|---------|-----------------|---------------------------------------|--|-----------|--------------------|--|------------|--------|
| 1418 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | First Class Lounge | CAI | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1419 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | Ahlein Premium Lounge | CAI | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1420 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | CAC VIP Lounge | CAI | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1421 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | (Temporarily closed) First Class Lounge | CAI | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1422 | Middle East | Egypt | Cairo | Cairo International Airport | CAC VIP "G" Lounge | CAI | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1423 | Middle East | Egypt | Hurghada | Hurghada Airport | Pearl Lounge | HRG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1424 | Middle East | Egypt | Hurghada | Hurghada Airport | CIP Pearl Lounge | HRG | Terminal 2 | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1425 | Middle East | Egypt | Marsa Alam | Marsa Alam Airport | Pearl Lounge (Landside) | RMF | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1426 | Middle East | Egypt | Marsa Alam | Marsa Alam Airport | Pearl Lounge (Airside) | RMF | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1427 | Middle East | Egypt | Sharm el Sheikh | Sharm el-Sheikh International Airport | Pearl Lounge | SSH | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1428 | Middle East | Egypt | Sharm el Sheikh | Sharm el-Sheikh International Airport | Pearl Lounge | SSH | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1429 | Middle East | Iraq | Baghdad | Baghdad International Airport | Baghdad Lounge | BGW | Passenger Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1430 | Middle East | Jordan | Amman | Queen Alia International Airport | Crown Lounge | AMM | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1431 | Middle East | Jordan | Aqaba | King Hussein International Airport | Pearl Lounge | AQJ | Departure Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1432 | Middle East | Kuwait | Kuwait | Kuwait International Airport | Dasman Lounge | KWI | Terminal 1 | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 1433 | Middle East | Kuwait | Kuwait | Kuwait International Airport | (Temporarily closed) Dasman Premier Lounge | KWI | Terminal 1 | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 1434 | Middle East | Kuwait | Kuwait | Kuwait International Airport | Pearl Lounge | KWI | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1435 | Middle East | Kuwait | Kuwait | Kuwait International Airport | Al Mubarakiya Lounge | KWI | Terminal 4 | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1436 | Middle East | Kuwait | Kuwait | Kuwait International Airport | Pearl Lounge | KWI | Terminal 5 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-------------|--------------|---------|---|-------------------------------|-----------|------------------------|--|------------|----------|
| 1437 | Middle East | Lebanon | Beirut | Beirut-Rafic Hariri International Airport | Ahlein Premium Lounge | BEY | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1438 | Middle East | Lebanon | Beirut | Beirut-Rafic Hariri International Airport | Beirut Lounge | BEY | Main Terminal | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1439 | Middle East | Oman | Muscat | Muscat International Airport | Majan Lounge | MCT | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1440 | Middle East | Oman | Salalah | Salalah Airport | Al Khareef Lounge | SLL | Departure Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1441 | Middle East | Qatar | Doha | Hamad International Airport | Al Maha Transit Lounge | DOH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1442 | Middle East | Qatar | Doha | Hamad International Airport | sleep 'n fly Sleep Lounge | DOH | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1443 | Middle East | Saudi Arabia | Dammam | King Fahd International Airport | naSmiles Lounge | DMM | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1444 | Middle East | Saudi Arabia | Dammam | King Fahd International Airport | Plaza Premium Lounge | DMM | International Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1445 | Middle East | Saudi Arabia | Dammam | King Fahd International Airport | Root 98-Set meal | DMM | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Landside | Set Meal |
| 1446 | Middle East | Saudi Arabia | Jeddah | King Abdulaziz International Airport | First Class Lounge | JED | North Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1447 | Middle East | Saudi Arabia | Jeddah | King Abdulaziz International Airport | Plaza Premium Lounge | JED | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1448 | Middle East | Saudi Arabia | Jeddah | King Abdulaziz International Airport | Wellcome Lounge International | JED | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1449 | Middle East | Saudi Arabia | Medina | Prince Mohammad bin Abdulaziz International Airport | Wellcome Lounge | MED | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1450 | Middle East | Saudi Arabia | Riyadh | King Khalid International Airport | Wellcome Lounge | RUH | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1451 | Middle East | Saudi Arabia | Riyadh | King Khalid International Airport | Wellcome Lounge | RUH | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1452 | Middle East | Saudi Arabia | Riyadh | King Khalid International Airport | Plaza Premium Lounge | RUH | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1453 | Middle East | Saudi Arabia | Riyadh | King Khalid International Airport | Hayyak Lounge | RUH | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|--------------|-----------|-----------------------------------|---|-----------|----------------------------------|--|------------|--------|
| 1454 | Middle East | Saudi Arabia | Riyadh | King Khalid International Airport | naSmiles Lounge | RUH | Terminal 5 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1455 | Middle East | UAE | Abu Dhabi | Abu Dhabi International Airport | Al Dhabi Lounge | AUH | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1456 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Ahlan Business Class Lounge (Concourse D) | DXB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1457 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Ahlan First Class Lounge (Concourse D) | DXB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1458 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Marhaba Lounge (Concourse D) | DXB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1459 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | sleep 'n fly Sleep Lounge & Showers (Concourse D) | DXB | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1460 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Marhaba Lounge | DXB | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1461 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Their Patio by Plaza Premium Group | DXB | Terminal 3 | Domestic Arrival, International Arrival | Landside | Lounge |
| 1462 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Plaza Premium Lounge (Concourse A) | DXB | Terminal 3 | International Arrival, International Departure | Air side | Lounge |
| 1463 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Marhaba Lounge (Concourse C) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1464 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Marhaba Lounge (Concourse B) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1465 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Marhaba Lounge (Concourse A) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1466 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Ahlan Lounge @B | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1467 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | sleep 'n fly Sleep Lounge (Concourse A) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1468 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | The Gallery (Concourse B) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1469 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | sleep 'n fly Sleep Lounge (Concourse C) | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1470 | Middle East | UAE | Dubai | Dubai International Airport | Ahlan Lounge @ Gate A1 | DXB | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1471 | Middle East | UAE | Sharjah | Sharjah International Airport | The Lounge | SHJ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1472 | North America | Bermuda | Bermuda | L.F. Wade International Airport | Primeclass Lounge | BDA | International Departure Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|---------|----------|--|--|-----------|--------------------------------|---|------------|--------|
| 1473 | North America | Bermuda | Bermuda | L.F. Wade International Airport | Primeclass Lounge | BDA | US Departures Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1474 | North America | Canada | Calgary | Calgary International Airport | Elevation Lounge | YYC | Domestic Terminal, Concourse B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1475 | North America | Canada | Calgary | Calgary International Airport | Aspire Lounge Transborder | YYC | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1476 | North America | Canada | Calgary | Calgary International Airport | Aspire Lounge International | YYC | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1477 | North America | Canada | Edmonton | Edmonton International Airport | Plaza Premium Lounge (Non-US Departures) | YEG | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1478 | North America | Canada | Edmonton | Edmonton International Airport | Plaza Premium Lounge (US Departures) | YEG | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1479 | North America | Canada | Montreal | Montreal International Airport | National Bank Lounge | YUL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1480 | North America | Canada | Montreal | Montreal International Airport | Air France and KLM Lounge Managed by Plaza Premium Group | YUL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1481 | North America | Canada | Ottawa | Ottawa/Macdonald-Cartier International Airport | Aspire Lounge | YOW | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1482 | North America | Canada | Quebec | Quebec City Jean Lesage International Airport | V.I.P Lounge by Club Med | YQB | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1483 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (Domestic) | YYZ | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1484 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (International) | YYZ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1485 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (US Transborder) | YYZ | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1486 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (Domestic) | YYZ | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1487 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (US Transborder) | YYZ | Terminal 3 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|---------|-----------|---|---|-----------|------------------------|--|------------|----------|
| 1488 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | (Temporarily closed) Plaza Premium Lounge (International) | YYZ | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1489 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Plaza Premium Lounge (International) | YYZ | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1490 | North America | Canada | Toronto | Toronto Pearson International Airport | Air France - KLM Lounge | YYZ | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1491 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Plaza Premium Lounge | YVR | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1492 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Plaza Premium Lounge (Pier C) | YVR | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1493 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Plaza Premium Lounge | YVR | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1494 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Plaza Premium Lounge (US Transborder) | YVR | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1495 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Skyteam VIP Lounge | YVR | International Terminal | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1496 | North America | Canada | Vancouver | Vancouver International Airport | Root 98-Set meal | YVR | US Terminal | Domestic Departure | Landside | Set Meal |
| 1497 | North America | Canada | Winnipeg | Winnipeg James Armstrong Richardson International Airport | Plaza Premium Lounge | YWG | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1498 | North America | Canada | Winnipeg | Winnipeg James Armstrong Richardson International Airport | Root 98-Set meal | YWG | Main Terminal | International Departure, International Arrival, Domestic Departure, Domestic Arrival | Landside | Set Meal |
| 1499 | North America | Mexico | Cancun | Cancun International Airport | VIP lounge by MERA | CUN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1500 | North America | Mexico | Cancun | Cancun International Airport | VIP lounge by MERA | CUN | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1501 | North America | Mexico | Cancun | Cancun International Airport | VIP lounge by MERA Domestic | CUN | Terminal 4 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1502 | North America | Mexico | Cancun | Cancun International Airport | VIP lounge by MERA International | CUN | Terminal 4 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|--------------------------|--------------------------|--|----------------------|-----------|------------|-------------------------|------------|--------|
| 1503 | North America | United States of America | Boston | Logan International Airport | Air France Lounge | BOS | Terminal E | International Departure | Air side | Lounge |
| 1504 | North America | United States of America | Cincinnati | Cincinnati/Northern Kentucky International Airport | Escape Lounge | CVG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1505 | North America | United States of America | Columbus | Port Columbus International Airport | Escape Lounge | CMH | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1506 | North America | United States of America | Dallas | Dallas/Fort Worth International Airport | Plaza Premium Lounge | DFW | Terminal E | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1507 | North America | United States of America | Fort Lauderdale | Fort Lauderdale-Hollywood International Airport | Escape Lounge | FLL | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1508 | North America | United States of America | Greenville | Greenville-Spartanburg Airport | Escape Lounge | GSP | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1509 | North America | United States of America | Hartford | Bradley International Airport | Escape Lounge | BDL | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1510 | North America | United States of America | Honolulu | Honolulu International Airport | IASS Hawaii Lounge | HNL | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1511 | North America | United States of America | Houston | George Bush Intercontinental Airport | Air France Lounge | IAH | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1512 | North America | United States of America | Houston | George Bush Intercontinental Airport | KLM Crown Lounge | IAH | Terminal D | International Departure | Air side | Lounge |
| 1513 | North America | United States of | Minneapolis - Saint Paul | Minneapolis - Saint Paul International Airport | Escape Lounge | MSP | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|--------------------------|----------|--------------------------------------|---|-----------|------------|---|------------|--------|
| | | America | | | | | | | | |
| 1514 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | Air France Lounge | JFK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1515 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | Primeclass Lounge | JFK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1516 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | Turkish Airlines Lounge | JFK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1517 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | KAL Lounge | JFK | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1518 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | Air India Maharaja Lounge | JFK | Terminal 4 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1519 | North America | United States of America | New York | John F.Kennedy International Airport | Primeclass Lounge | JFK | Terminal 4 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1520 | North America | United States of America | New York | Newark Liberty International Airport | Virgin Atlantic Clubhouse operated by Plaza Premium Group | EWR | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1521 | North America | United States of America | Oakland | Oakland International Airport | Escape Lounge | OAK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1522 | North America | United States of America | Ontario | Ontario International Airport | Aspire Lounge | ONT | Terminal 2 | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1523 | North America | United States of America | Ontario | Ontario International Airport | Aspire Lounge | ONT | Terminal 4 | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|--------------------------|---------------|--|-------------------------|-----------|--------------------------|---|------------|--------|
| 1524 | North America | United States of America | Orlando | Orlando International Airport | Plaza Premium Lounge | MCO | Terminal C | International Departure | Air side | Lounge |
| 1525 | North America | United States of America | Phoenix | Phoenix Sky Harbor International Airport | Escape Lounge | PHX | Terminal 3 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1526 | North America | United States of America | Phoenix | Phoenix Sky Harbor International Airport | Escape Lounge | PHX | Terminal 4 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1527 | North America | United States of America | Providence | Theodore Francis Green State Airport | Escape Lounge | PVD | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1528 | North America | United States of America | Reno | Reno-Tahoe International Airport | Escape Lounge | RNO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1529 | North America | United States of America | Sacramento | Sacramento International Airport | Escape Lounge | SMF | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1530 | North America | United States of America | Sacramento | Sacramento International Airport | Escape Lounge | SMF | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1531 | North America | United States of America | San Diego | San Diego International Airport | Aspire Lounge | SAN | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1532 | North America | United States of America | San Francisco | San Francisco International Airport | Air France - KLM Lounge | SFO | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1533 | North America | United States of America | San Francisco | San Francisco International Airport | China Airlines Lounge | SFO | International Terminal A | International Departure, Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1534 | North America | United States of | Washington | Washington Dulles International Airport | Air France - KLM Lounge | IAD | Concourse A | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------|--------------------------|-----------------|---|------------------------------------|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| | | America | | | | | | | | |
| 1535 | North America | United States of America | Washington | Washington Dulles International Airport | Virgin Atlantic Clubhouse | IAD | Concourse A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1536 | North America | United States of America | Washington | Washington Dulles International Airport | Turkish Airlines Lounge | IAD | Concourse B | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1537 | North America | United States of America | West Palm Beach | Palm Beach International Airport | Escape Lounge | PBI | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1538 | Oceania | Australia | Adelaide | Adelaide Airport | Plaza Premium Lounge Departures | ADL | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1539 | Oceania | Australia | Brisbane | Brisbane Airport | Plaza Premium Lounge | BNE | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1540 | Oceania | Australia | Brisbane | Brisbane Airport | Aspire Airport Lounge | BNE | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1541 | Oceania | Australia | Melbourne | Melbourne Airport | Marhaba Lounge | MEL | Terminal 2 | International Arrival | Air side | Lounge |
| 1542 | Oceania | Australia | Melbourne | Melbourne Airport | Plaza Premium Lounge | MEL | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1543 | Oceania | Australia | Melbourne | Melbourne Airport | The House by Aspire Lounge | MEL | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1544 | Oceania | Australia | Perth | Perth International Airport | Aspire Lounge | PER | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1545 | Oceania | Australia | Perth | Perth International Airport | (Temporarily closed) Aspire Lounge | PER | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1546 | Oceania | Australia | Sydney | Sydney Kingsford Smith Airport | Plaza Premium Lounge | SYD | Terminal 1 | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1547 | Oceania | Australia | Sydney | Sydney Kingsford Smith Airport | Plaza Premium Lounge | SYD | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1548 | Oceania | Australia | Sydney | Sydney Kingsford Smith Airport | The House by Aspire Lounge | SYD | Terminal 1 | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1549 | Oceania | Fiji | Nadi | Nadi International Airport | Fiji Airways Premier lounge | NAN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1550 | Oceania | Guam | Guam | Guam International Airport | Sagan Bisita VIP Lounge | GUM | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|-------------|--------------------|--|--|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| 1551 | Oceania | New Zealand | Auckland | Auckland Airport | Strata Lounge | AKL | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1552 | Oceania | New Zealand | Christchurch | Christchurch International Airport | Manaia Lounge | CHC | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1553 | Oceania | New Zealand | Queenstown | Queenstown Airport | Manaia Lounge | ZQN | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1554 | Oceania | Saipan | Saipan | Saipan International Airport | Hafa Adai Lounge | SPN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1555 | South America and the Caribbean | Argentina | Bariloche | San Carlos de Bariloche Airport | Bariloche by AMAE Lounge | BRC | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1556 | South America and the Caribbean | Argentina | Buenos Aires | Ministro Pistarini International Airport | Aeropuertos VIP Club | EZE | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1557 | South America and the Caribbean | Argentina | Buenos Aires | Ministro Pistarini International Airport | Star Alliance Lounge | EZE | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1558 | South America and the Caribbean | Argentina | Comodoro Rivadavia | General Enrique Mosconi International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Comodoro | CRD | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1559 | South America and the Caribbean | Argentina | Cordoba | Taravella International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Cordoba | COR | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1560 | South America and the Caribbean | Argentina | Mar del Plata | Astor Piazzolla International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Mar del Plata | MDQ | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1561 | South America and the Caribbean | Argentina | Mendoza | Governor Francisco Gabrielli International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Mendoza | MDZ | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1562 | South America and the Caribbean | Argentina | Puerto Iguazú | Cataratas del Iguazu International Airport | Iguazu by AMAE Lounge (Opening 24th April) | IGR | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|-----------|----------------|--|--|-----------|--------------------|--------------------------------------|------------|--------|
| | Caribbean | | | | | | | | | |
| 1563 | South America and the Caribbean | Argentina | Salta | Martin Miguel de Guemes International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Salta | SLA | Main Terminal | Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1564 | South America and the Caribbean | Argentina | Tucuman | Teniente General Benjamin Matienzo International Airport | (Temporarily closed) Aeropuertos VIP Club Tucuman | TUC | Departure Terminal | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1565 | South America and the Caribbean | Bahamas | Marsh Harbour | Marsh Harbour International Airport | Skyview Airport Lounge | MHH | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1566 | South America and the Caribbean | Barbados | Bridgetown | Grantley Adams International Airport | Airlines Executive Lounge | BGI | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1567 | South America and the Caribbean | Bonaire | Kralendijk | Flamingo/Bonaire International Airport | (Temporarily closed) Sky Lounge Bonaire | BON | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1568 | South America and the Caribbean | Brazil | Brasilia | Brasilia International Airport | Aeropuertos VIP Club (Domestic) | BSB | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1569 | South America and the Caribbean | Brazil | Brasilia | Brasilia International Airport | VIP Express Club Pier Norte | BSB | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1570 | South America and the Caribbean | Brazil | Brasilia | Brasilia International Airport | VIP Express Club Pier Sul | BSB | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1571 | South America and the Caribbean | Brazil | Brasilia | Brasilia International Airport | (Temporarily Closed) Aeropuertos VIP Club (International) | BSB | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1572 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Galeao-Antonio Carlos Jobim International Airport | Plaza Premium Lounge | GIG | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|---------|----------------|---|---|-----------|---------------|---|------------|--------|
| 1573 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Galeao-Antonio Carlos Jobim International Airport | (Temporarily Closed) Gol Premium Lounge | GIG | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1574 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Galeao-Antonio Carlos Jobim International Airport | Plaza Premium Lounge (Arrivals) | GIG | Terminal 2 | International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1575 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Galeao-Antonio Carlos Jobim International Airport | Plaza Premium Lounge | GIG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1576 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Galeao-Antonio Carlos Jobim International Airport | (Temporarily Closed) Gol Premium Lounge | GIG | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1577 | South America and the Caribbean | Brazil | Rio De Janeiro | Santos Dumont Airport | BRB Coworking - Latitude | SDU | Terminal 2 | Domestic Departure, International Departure | Landside | Lounge |
| 1578 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo/Congonhas Airport | BRB Coworking - Latitude | CGH | Main Terminal | Domestic Arrival, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1579 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | Plaza Premium Lounge | GRU | Terminal 2 | Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1580 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | Gol Premium Lounge | GRU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1581 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | Plaza Premium Lounge | GRU | Terminal 2 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1582 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | Gol Premium Lounge | GRU | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1583 | South America and the | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | Tryp Gru Airport | GRU | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|----------|--------------|--|---------------------------|-----------|------------------------|-------------------------|------------|--------|
| | Caribbean | | | | | | | | | |
| 1584 | South America and the Caribbean | Brazil | Sao Paulo | Sao Paulo-Guarulhos International Airport | LATAM VIP Lounge | GRU | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1585 | South America and the Caribbean | Chile | Santiago | Comodoro Arturo Merino Benitez International Airport | Andes Lounge | SCL | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1586 | South America and the Caribbean | Chile | Santiago | Comodoro Arturo Merino Benitez International Airport | Condor Lounge | SCL | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1587 | South America and the Caribbean | Colombia | Barranquilla | E Cortissoz Airport | Avianca VIP Lounge | BAQ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1588 | South America and the Caribbean | Colombia | Bogota | Bogota El Dorado International Airport | Avianca VIP Lounge (Dom) | BOG | Terminal 1 | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1589 | South America and the Caribbean | Colombia | Bogota | Bogota El Dorado International Airport | Avianca VIP Lounge (Intl) | BOG | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1590 | South America and the Caribbean | Colombia | Bucaramanga | Palo Negro Airport | Avianca VIP Lounge | BGA | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1591 | South America and the Caribbean | Colombia | Cali | Alfonso B. Aragon Airport | Avianca VIP Lounge | CLO | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1592 | South America and the Caribbean | Colombia | Cartagena | Rafael Nunez International Airport | Avianca VIP Lounge | CTG | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1593 | South America and the Caribbean | Colombia | Cartagena | Rafael Nunez International Airport | Sala VIP | CTG | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|--------------------|-------------------------|--|----------------------|-----------|---------------|---|----------------|--------|
| 1594 | South America and the Caribbean | Colombia | Medellin | Jose Maria Cordova | Avianca VIP Lounge | MDE | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1595 | South America and the Caribbean | Costa Rica | San Jose | Juan Santamaria International Airport | BAC Credomatic | SJO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1596 | South America and the Caribbean | Curacao | Hato | Curacao/Hato International Airport | VIP Lounge | CUR | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1597 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | La Romana | La Romana International Airport | VIP Lounge | LRM | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Air side | Lounge |
| 1598 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | Puerto Plata | Gregorio Luperon International Airport | Victorian Room | POP | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1599 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | Puerto Plata | Gregorio Luperon International Airport | Sala Ambar | POP | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1600 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | Punta Cana | Punta Cana International Airport | Salon VIP Lounge | PUJ | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1601 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | Punta Cana | Punta Cana International Airport | VIP Lounge | PUJ | Terminal B | International Departure | Air side | Lounge |
| 1602 | South America and the Caribbean | Dominican Republic | Santa Barbara de Samana | Samana El Catey International Airport | Sala Jade | AZS | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1603 | South America and the Caribbean | Ecuador | Cuenca | Mariscal Lamar International Airport | Sala VIP Corpac | CUE | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1604 | South America and the | Ecuador | Galapagos Islands | Baltra Airport | Aeropuertos VIP Club | GPS | Main Terminal | Domestic Arrival, International Arrival, Domestic | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|-------------|--------------|--|--------------------------|-----------|------------------------|---|----------------|--------|
| | Caribbean | | | | | | | Departure, International Departure | | |
| 1605 | South America and the Caribbean | Ecuador | Guayaquil | Jose Joaquin De Olmedo International Airport | Aeropuertos VIP Club | GYE | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1606 | South America and the Caribbean | Ecuador | Guayaquil | Jose Joaquin De Olmedo International Airport | Aeropuertos VIP Club | GYE | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1607 | South America and the Caribbean | Ecuador | Loja | Loja Airport | Sala VIP Catamayo | LOH | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1608 | South America and the Caribbean | El Salvador | San Salvador | El Salvador International Airport | Avianca VIP Lounge | SAL | Main Terminal | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1609 | South America and the Caribbean | Guyana | Georgetown | Cheddi Jagan International Airport | Roraima Executive Lounge | GEO | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1610 | South America and the Caribbean | Honduras | Comayagua | Palmerola International Airport | Sala VIP PIA | XPL | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1611 | South America and the Caribbean | Jamaica | Kingston | Norman Manley International Airport | Club Kingston Arrivals | KIN | Main Terminal | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1612 | South America and the Caribbean | Jamaica | Kingston | Norman Manley International Airport | Club Kingston Departure | KIN | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1613 | South America and the Caribbean | Jamaica | Montego | Sangster International Airport | Club Mobay Arrivals | MBJ | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1614 | South America and the Caribbean | Jamaica | Montego | Sangster International Airport | Club Mobay Departure | MBJ | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1615 | South America | Peru | Lima | Lima Jorge Chavez | Sumaq Lounge | LIM | International | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|---------------------------------|------------------------------|----------------|---|-------------------------------|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| | South America and the Caribbean | | | International Airport | | | Main Terminal | | | |
| 1616 | South America and the Caribbean | Saint Lucia | St Lucia | Hewanorra International Airport | Iyanola Executive Lounge | UVF | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1617 | South America and the Caribbean | Uruguay | Montevideo | Carrasco International Airport | Aeropuertos VIP Club | MVD | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1618 | South America and the Caribbean | Uruguay | Punta Del Este | Punta Del Este Airport | Aeropuertos VIP Club | PDP | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1619 | Africa | Angola | Luanda | Quatro de Fevereiro Airport | Pall Lounge | LAD | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1620 | Africa | Benin | Cotonou | Cotonou Cadjehoun Airport | Salon VIP Depart | COO | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1621 | Africa | Botswana | Gaborone | Sir Seretse Khama International Airport | Nthula Lounge (Domestic) | GBE | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1622 | Africa | Botswana | Gaborone | Sir Seretse Khama International Airport | Nthula Lounge (International) | GBE | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1623 | Africa | Botswana | Gaborone | Sir Seretse Khama International Airport | Pula Lounge | GBE | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1624 | Africa | Botswana | Kasane | Kasane Airport | Nthula Lounge (Domestic) | BBK | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1625 | Africa | Botswana | Kasane | Kasane Airport | Nthula Lounge (International) | BBK | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1626 | Africa | Cameroon | Douala | Douala International Airport | Club Market VIP Lounge | DLA | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1627 | Africa | Cameroon | Douala | Douala International Airport | Air France Lounge | DLA | Main Terminal | International Departure, International Arrival | Landside | Lounge |
| 1628 | Africa | Comoros | Moroni | Prince Said Ibrahim International Airport | Salon VIP Karibou Depart | HAH | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1629 | Africa | Democratic Republic of Congo | Kinshasa | N'djili Airport | Le Meilleur VIP Lounge | FIH | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|------------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| 1630 | Africa | Democratic Republic of Congo | Kolwezi | Kolwezi Airport | Malabar Business Travel SARL | KWZ | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1631 | Africa | Democratic Republic of Congo | Lubumbashi | Lubumbashi International Airport | Malabar Business Travel Lounge | FBM | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1632 | Africa | Equatorial Guinea | Malabo | Malabo International Airport | Ureka VIP Lounge | SSG | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1633 | Africa | Ethiopia | Addis Ababa | Bole Airport | Plaza Premium Lounge | ADD | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1634 | Africa | Gabon | Libreville | Libreville International Airport | Salon Samba | LBV | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1635 | Africa | Gambia | Banjul | Banjul International Airport | Roumieh Business Lounge | BJL | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure | Airside | Lounge |
| 1636 | Africa | Gambia | Banjul | Banjul International Airport | First Class Lounge | BJL | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1637 | Africa | Ghana | Accra | Kotoka International Airport | Adinkra Lounge | ACC | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1638 | Africa | Ghana | Accra | Kotoka International Airport | Adinkra Lounge | ACC | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1639 | Africa | Ghana | Accra | Kotoka International Airport | Akwaaba Lounge | ACC | Terminal 3 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1640 | Africa | Guinea | Conakry | Conakry International Airport | Salon VIP Nimba | CKY | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1641 | Africa | Kenya | Mombasa | Moi International Airport | Safari Comfort Lounge | MBA | Terminal 1 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1642 | Africa | Kenya | Mombasa | Moi International Airport | Safari VIP Lounge | MBA | Terminal 1 | International Departure | Airside | Lounge |
| 1643 | Africa | Kenya | Nairobi | Jomo Kenyatta International Airport | Aspire Lounge | NBO | Terminal 1B | International Departure | Airside | Lounge |
| 1644 | Africa | Kenya | Nairobi | Jomo Kenyatta International Airport | Mount Kenya Lounge | NBO | Terminal 2 | Domestic Departure | Airside | Lounge |
| 1645 | Africa | Kenya | Nairobi | Jomo Kenyatta International Airport | Mara Lounge | NBO | Terminal 2 | International Departure | Airside | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|-----------|------------|---|-----------------------------|-----------|-----------------------|--|----------------|--------|
| 1646 | Africa | Malawi | Lilongwe | Lilongwe International Airport | Ndege Business Class Lounge | LLW | Main Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1647 | Africa | Mali | Bamako | Bamako Senou International Airport | Salon Taoussa | BKO | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1648 | Africa | Mali | Bamako | Bamako Senou International Airport | Bravia Platinum Lounge | BKO | Terminal 2 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1649 | Africa | Mauritius | Mauritius | Sir Seewoosagur Ramgoolam International Airport | Amedee Maingard Lounge | MRU | New Terminal Building | International Departure | Air side | Lounge |
| 1650 | Africa | Morocco | Agadir | Agadir-Al Massira Airport | Pearl Lounge | AGA | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1651 | Africa | Morocco | Casablanca | Mohammed V International Airport | Pearl Lounge | CMN | Terminal 1 | International Departure | Arrival - Area | Lounge |
| 1652 | Africa | Morocco | Casablanca | Mohammed V International Airport | Pearl Lounge (Departures) | CMN | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1653 | Africa | Morocco | Dakhla | Dakhla International Airport | Pearl Lounge | VIL | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1654 | Africa | Morocco | Fes | Fes-Saiss Airport | Pearl Lounge (Arrivals) | FEZ | Terminal 1 | Domestic Arrival, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1655 | Africa | Morocco | Fes | Fes-Saiss Airport | Pearl Lounge (Departure) | FEZ | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1656 | Africa | Morocco | Laayoune | Hassan I Airport | Pearl Lounge | EUN | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1657 | Africa | Morocco | Marrakech | Marrakesh Menara Airport | Pearl Lounge (Arrival) | RAK | Terminal 1 | International Arrival | Air side | Lounge |
| 1658 | Africa | Morocco | Marrakech | Marrakesh Menara Airport | Pearl Lounge (Departure) | RAK | Terminal 1 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1659 | Africa | Morocco | Oujda | Oujda Angads Airport | Pearl Lounge (Arrival) | OUD | Terminal 1 | International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1660 | Africa | Morocco | Oujda | Oujda Angads Airport | Pearl Lounge (Departure) | OUD | Terminal 1 | International Departure, Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1661 | Africa | Morocco | Rabat | Rabat-Sale Airport | Pearl Lounge (Arrival) | RBA | Terminal 1 | International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1662 | Africa | Morocco | Rabat | Rabat-Sale Airport | Pearl Lounge (Departure) | RBA | Terminal 1 | International Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1663 | Africa | Morocco | Tangier | Tangier Ibn Battouta Airport | Pearl Lounge (Departure) | TNG | Terminal 1 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|------------|--------|--|------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|------------|--------|
| 1664 | Africa | Mozambique | Maputo | Maputo International Airport | Executivo 2000 | MPM | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1665 | Africa | Niger | Niamey | Diori Hamani International Airport | Salon Vip | NIM | Departure Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1666 | Africa | Nigeria | Abuja | Nnamdi Azikiwe International Airport | Lounge One | ABV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1667 | Africa | Nigeria | Abuja | Nnamdi Azikiwe International Airport | Airspace Lounge | ABV | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1668 | Africa | Nigeria | Abuja | Nnamdi Azikiwe International Airport | Pearl Lounge | ABV | International Departure | International Departure | Air side | Lounge |
| 1669 | Africa | Nigeria | Abuja | Nnamdi Azikiwe International Airport | SDS Lounge | ABV | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1670 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | The Gabfol Lounge | LOS | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1671 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | VIP Lounge | LOS | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1672 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | LLegads Arrival Lounge | LOS | International Terminal | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1673 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | LLegads Arrival Lounge | LOS | International Terminal | International Arrival | Landside | Lounge |
| 1674 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | SDS Sky Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1675 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | Oasis Executive Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1676 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | ASL Premium Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1677 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | Skyway Premium Lounge | LOS | International | International Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|--------------|--------------|---|--|-----------|------------------------|--|------------|--------|
| | | | | | | | Terminal | | | |
| 1678 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | The Gabfol Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1679 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | First Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1680 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | Air France Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1681 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | Play Airbus Lounge | LOS | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1682 | Africa | Nigeria | Lagos | Murtala Muhammed International Airport | The Atelier Lounge | LOS | Terminal 2 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1683 | Africa | Rwanda | Kigali | Kigali International Airport | (Temporarily closed) Pearl Lounge (Arrivals) | KGL | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1684 | Africa | Rwanda | Kigali | Kigali International Airport | Pearl Lounge (Departures) | KGL | Main Terminal | International Departure, Domestic Departure | Landside | Lounge |
| 1685 | Africa | Senegal | Dakar | Dakar Blaise Diagne International Airport | Odyssey Lounge | DSS | Main Terminal | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1686 | Africa | Senegal | Dakar | Dakar Blaise Diagne International Airport | Top Kapi Lounge | DSS | Main Terminal | International Departure, International Arrival | Air side | Lounge |
| 1687 | Africa | Seychelles | Mahe Island | Seychelles International Airport | Payanke CIP Lounge by Avani | SEZ | Domestic Terminal | International Departure, Domestic Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1688 | Africa | South Africa | Bloemfontein | Bloemfontein International Airport | Bidvest Premier Lounge | BFN | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1689 | Africa | South Africa | Cape Town | Cape Town International Airport | Bidvest Premier Lounge (Domestic) | CPT | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1690 | Africa | South Africa | Cape Town | Cape Town International Airport | Bidvest SKY Lounge – Cape Town International | CPT | International Terminal | International Departure | Air side | Lounge |
| 1691 | Africa | South Africa | Durban | King Shaka International Airport | Bidvest Premier Lounge | DUR | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|--------------|----------------|--|--|-----------|-----------------------------|--|------------|--------|
| 1692 | Africa | South Africa | East London | East London Airport | Bidvest Premier Lounge | ELS | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1693 | Africa | South Africa | George | George Airport | Bidvest Premier Lounge | GRJ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1694 | Africa | South Africa | Johannesburg | Lanseria International Airport | Bidvest Premier Lounge | HLA | Domestic Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1695 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Mashonzha Lounge | JNB | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1696 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Shongololo Lounge | JNB | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1697 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Bidvest Premier Lounge (International) | JNB | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1698 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Aspire Airport Lounge | JNB | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1699 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Virgin Atlantic Clubhouse | JNB | Terminal A | International Departure | Air side | Lounge |
| 1700 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Bidvest SKY Lounge - OR Tambo Domestic | JNB | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1701 | Africa | South Africa | Johannesburg | O. R. Tambo International Airport | Bidvest Premier Lounge (Domestic) | JNB | Terminal B | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1702 | Africa | South Africa | Nelspruit | Kruger Mpumalanga International Airport | Bidvest Premier Lounge | MQP | Main Terminal | Domestic Departure, International Departure, International Arrival, Domestic Arrival | Landside | Lounge |
| 1703 | Africa | South Africa | Port Elizabeth | Port Elizabeth Airport | Bidvest Premier Lounge | PLZ | Main Terminal | Domestic Departure | Air side | Lounge |
| 1704 | Africa | Tanzania | Dar es Salaam | Julius Nyerere International Airport | CIP Lounge | DAR | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1705 | Africa | Tanzania | Dar es Salaam | Julius Nyerere International Airport | Twiga Lounge | DAR | Terminal 3 | International Departure | Air side | Lounge |
| 1706 | Africa | Tanzania | Kilimanjaro | Kilimanjaro International Airport | Twiga Lounge by Aspire | JRO | Passenger Terminal Building | International Departure | Air side | Lounge |
| 1707 | Africa | Tanzania | Zanzibar | Abeid Amani Karume International Airport | Paradise Arrival Lounge | ZNZ | Terminal 2 | International Arrival, Domestic Arrival | Air side | Lounge |
| 1708 | Africa | Togo | Lome | Lome-Tokoin Airport | Salon Solidarite | LFW | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - | Lounge |

| No. | Continent | Country | City | Airport | Lounge Name | IATA Code | Terminal | Departure | Inspection | Group |
|------|-----------|----------|----------------|--|----------------------------|-----------|------------------------|---|----------------|--------|
| | | | | | | | | | Area | |
| 1709 | Africa | Togo | Lome | Lome-Tokoin Airport | Salon Plus | LFW | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1710 | Africa | Togo | Lome | Lome-Tokoin Airport | Salon Koromsa | LFW | Main Terminal | International Arrival, Domestic Arrival | Arrival - Area | Lounge |
| 1711 | Africa | Tunisia | Enfidha | Enfidha-Hammamet International Airport | Primeclass CIP Lounge | NBE | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1712 | Africa | Tunisia | Monastir | Monastir Habib Bourguiba International Airport | Primeclass CIP Lounge | MIR | Main Terminal | International Departure | Landside | Lounge |
| 1713 | Africa | Uganda | Entebbe | Entebbe International Airport | Karibuni Lounge | EBB | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1714 | Africa | Zambia | Livingstone | Harry Mwanga Nkumbula International Airport | The Lounge | LVI | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1715 | Africa | Zambia | Lusaka | Kenneth Kaunda International Airport | Pearl Lounge | LUN | Terminal 2 | Domestic Departure, Domestic Arrival | Airside | Lounge |
| 1716 | Africa | Zimbabwe | Bulawayo | Joshua Mqabuko Nkomo International Airport | Dzimbahwe Executive Lounge | BUQ | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1717 | Africa | Zimbabwe | Harare | Harare International Airport | Dzimbahwe Executive Lounge | HRE | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1718 | Africa | Zimbabwe | Harare | Harare International Airport | The Lounge | HRE | International Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1719 | Africa | Zimbabwe | Victoria Falls | Victoria Falls Airport | Dzimbahwe Executive Lounge | VFA | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1720 | Africa | Zimbabwe | Victoria Falls | Victoria Falls Airport | Makuwa Lounge | VFA | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |
| 1721 | Africa | Zimbabwe | Victoria Falls | Victoria Falls Airport | Makuwa Lounge | VFA | Main Terminal | International Departure | Airside | Lounge |

Lưu ý: Danh sách có thể được thay đổi tùy theo từng thời kỳ và được cập nhật trên website Techcombank